

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6536 /UBND-CNN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2015

Về việc tổng hợp Báo cáo giám sát
tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của các doanh
nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố

Kính gửi: Bộ Tài chính

CHI CỤC TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH
8873
ĐẾN Ngày: 29-10-2015
Chuyển:

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp Báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của 48 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và 2 Quỹ địa phương trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các Quỹ địa phương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Công ty TNHH một thành viên là tổng công ty; công ty mẹ - công ty con: 17 doanh nghiệp.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập: 30 doanh nghiệp (trong đó: có 22 Công ty TNHH một thành viên dịch vụ công ích quận huyện).
- Hai Quỹ địa phương: Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố.
- Công ty nhà nước chưa chuyển đổi sang loại hình TNHH một thành viên: Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương.

2. Tổng hợp Báo cáo giám sát tài chính của 50 doanh nghiệp và 2 Quỹ địa phương như sau: (Biểu 02 – Mẫu số 02 đính kèm Thông tư 158/2013/TT-BTC đính kèm)

a) Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 :

- Tổng doanh thu thực hiện là 25.762.865 triệu đồng;
- Tổng lợi nhuận thực hiện là 3.664.838 triệu đồng;
- Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách thực hiện là 3.861.355 triệu đồng.

b) Phân loại doanh nghiệp

- Số doanh nghiệp an toàn về tài chính: 47 doanh nghiệp và 2 Quỹ địa phương;

- Số doanh nghiệp mất an toàn về tài chính: Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt.

3. Báo cáo đánh giá chi tiết của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp theo Biểu 01 – Mẫu số 2 đính kèm Thông tư 158/2013/TT-BTC Báo cáo giám sát tài chính của 48 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và 2 Quỹ địa phương. (đính kèm)./.

Nơi nhận :

- Như trên (Biểu 2 và báo cáo của 52DN);
- TTUB: CT, các PCT (kèm hồ sơ);
- Sở Tài chính;
- Chi cục TCDN (kèm biểu 2);
- VPUB : CVP (kèm hồ sơ), các PVP;
- Các Phòng CV, (CNN- Hg + kèm Biểu 2);
- Lưu: VT , (CNN-Hg) MH 20

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tất Thành Cang



Biểu 02 - Mẫu 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
Tên Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Năm Báo cáo: 6 tháng năm 2015

(Đính kèm Công văn số 653C/UBND-CNN ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Phân loại DN		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
	TỔNG CỘNG	25.762.865	3.664.838	3.861.355			
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	23.019.177	3.510.996	3.512.255			
1	Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH MTV	121.296	43.310	12.857	x		
2	Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV	342.282	307.025	19.516	x		
3	Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV	2.401.812	72.357	85.643	x		
4	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	1.343.806	31.910	55.307	x		
5	Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	1.719.622	138.832	1.219.779	x		
6	Tổng công ty Liksin - TNHH MTV	523.705	26.369	45.118	x		
7	Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	755.918	63.180	61.007	x		
8	Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn - TNHH MTV	129.935	4.085	7.238	x		
9	Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	4.457.478	1.631.212	1.213.936	x		
10	Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.021.763	381.860	378.690	x		
11	Tổng công ty Bến Thành - TNHH MTV	108.848	103.317	92.104	x		
12	Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định	68.348	1.499	2.477	x		
13	Công ty TNHH MTV XNK và Đầu tư Chợ Lớn	205.601	5.914	3.149	x		
14	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn	7.639.281	49.512	37.882	x		
15	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	378.507	340.778	24.479	x		
16	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1.397.953	8.861	141.717	x		
17	Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP.HCM	403.022	300.975	111.356	x		
	B.KHỐI DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	2.723.711	141.845	346.087			
18	Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	72.568	26.827	31.413	x		
19	Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác và DV Thủy Lợi	40.387	1.379	2.546	x		
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP	413.546	15.479	103.336	x		
21	Công ty TNHH MTV 27/7	47.422	1.649	20.446	x		
22	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	420.641	14.909	8.802	x		

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Phân loại DN		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
23	Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương	10.812	-4.719	450		x	
24	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên	54.284	766	5.538	x		
25	Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP.HCM	134.965	1.056	3.653	x		
26	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP.HCM	232.642	3.500	937	x		
27	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1	87.307	5.159	27.530	x		
28	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2	83.605	8.600	32.160	x		
29	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 3	30.436	2.216	8.919	x		
30	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4	317.479	20.332	5.521	x		
31	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 5	59.680	1.620	13.230	x		
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 6	44.117	4.742	8.382	x		
33	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 7	54.926	2.689	3.514	x		
34	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8	70.997	3.155	6.539	x		
35	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9	41.961	1.303	2.700	x		
36	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 10	40.433	3.749	9.711	x		
37	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 11	43.159	1.664	6.294	x		
38	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12	40.556	3.840	3.009	x		
39	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Bình Thạnh	64.715	2.535	8.511	x		
40	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ	10.569	(966)	207	x		
41	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Phú Nhuận	75.766	8.547	11.414	x		
42	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thủ Đức	25.451	1.008	2.178	x		
43	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình	61.669	3.469	6.285	x		
44	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi	16.922	1.300	2.138	x		
45	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh	38.937	2.037	2.507	x		
46	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Gò Vấp	37.782	1.287	4.018	x		
47	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn	17.094	1.146	826	x		
48	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Nhà Bè	32.883	1.567	3.373	x		
	C. HAI QUỸ ĐỊA PHƯƠNG	19.977	11.997	3.013			
49	Quỹ phát triển nhà ở thành phố	16.378	10.735	2.758	x		
50	Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	3.599	1.262	255	x		

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
SÀI GÒN – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của
Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		Thực hiện 2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/ Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	168.782	542.504	121.296	22,4%	71,9%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.578		79.676		60,1%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	31.527		36.914		117,1%
3	Thu nhập khác	4.677		4.706		100,6%
II	Tổng chi phí	129.512	412.904	77.986	18,9%	60,2%
1	Giá vốn hàng bán	94.527		39.512		41,8%
2	Chi phí tài chính	277		750		270,8%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			-		
3	Chi phí bán hàng	4.808		2.712		56,4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.699		33.866		118,0%
5	Chi phí khác	1.201		1.146		95,4%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	76,7%	76,1%	64,3%	84,5%	83,8%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	17,0%	0,0%	27,9%		164,2%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	39.270	129.600	43.310	33,4%	110,3%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.794		39.750		111,1%
2	Lợi nhuận khác	3.476	-	3.560	-	102,%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 22,4% so với kế hoạch, giảm 28,1% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 65,69% tổng doanh thu, giảm 40% so với cùng kỳ năm 2014 do doanh thu các dự án giảm.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 30,43% tổng doanh thu, tăng 17,09% so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu do khoản cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ tăng.

+ Thu nhập khác chiếm 3,88%, tăng 0,62% so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 18,9% kế hoạch, giảm 39,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 50,67% tổng chi phí, giảm 58,2% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,96% tổng chi phí, tăng 170,8% so với cùng kỳ năm 2014 do Tổng công ty bổ sung trích lập dự phòng tại Công ty Long Bình để thực hiện thoái vốn, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm và chi phí lãi vay.

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,48%, giảm 43,6% so với cùng kỳ năm 2014, chi phí bán hàng giảm mạnh do doanh thu giảm.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 43,43%, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 1,47%, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 64,3% tổng doanh thu thực hiện, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm trước (76,7%). Công ty đã tiết giảm được chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 27,9% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với cùng kỳ năm 2014 (17%). Tổng công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2015.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 33,4% kế hoạch tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2014 do tốc độ giảm chi phí cao hơn tốc độ giảm doanh thu.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 th năm 2014	6th năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	39.271	43.310	110,28%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	35.660	40.614	113,89%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.128.933	1.166.109	103,29%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.602.980	1.588.582	99,10%

5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	3,48%	3,71%	106,77%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,16%	3,48%	110,26%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,22%	2,56%	114,92%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 10,51 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.085.494 triệu đồng/103.306 triệu đồng): Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,15 (206.341 triệu đồng/1.382.241 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.602.980	1.588.582
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.081.222	1.085.494
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	521.757	503.088
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>67,45%</i>	<i>68,33%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>32,55%</i>	<i>31,67%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.602.980	1.588.582
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	295.993	206.341
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.306.987	1.382.241
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>18,47%</i>	<i>12,99%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>81,53%</i>	<i>87,01%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (532.623 triệu đồng), các khoản phải thu ngắn hạn (260.986 triệu đồng) là do Tổng công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản, công trình kéo dài trong nhiều năm, chi phí phát sinh các công trình được tập hợp ở chi phí dở dang cho đến khi công trình được quyết toán.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của Tổng công ty tương đối ổn định so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm 30,29% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (12,99%) trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty, chủ yếu do giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và khoản phải trả người bán.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng 5,75% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty; Tăng do khoản quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty là $H = 1,0$ (1.166.109 triệu đồng/1.166.109 triệu đồng). Tổng công ty đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 448.987 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 05 công ty con: 99.589 triệu đồng
- Đầu tư vào 15 công ty liên doanh, liên kết: 275.014 triệu đồng
- Đầu tư tài chính khác: 74.384 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng công ty nhận được là 34.013 triệu đồng, tương đương 7,57% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con: 2.683 triệu đồng, tỷ lệ 2,69% trên tổng giá trị vốn đầu tư.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết: 30.591 triệu đồng, tỷ lệ 11,12% trên tổng giá trị vốn đầu tư.
- Lợi nhuận được chia từ đầu tư tài chính: 739 triệu đồng, tỷ lệ 1% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài: Trong 6 tháng năm 2015, Tổng công ty không phát sinh đầu tư vốn ra ngoài.

Tổng công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 27/6/2014. Hiện nay, Tổng công ty đang triển khai thực hiện việc thoái vốn tại các công ty theo Đề án Tái cơ cấu được phê duyệt.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Tổng công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 312.851 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 196.657.260 đồng, nợ không có khả năng thu hồi là 762.566.924 đồng. Tổng công ty đã trích lập dự phòng phải thu là 7.462.153.929 đồng, cụ thể:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 6.502.929.745 đồng
 - Công ty cổ phần Kim Thạch: 5.494.929.745 đồng
 - Công ty Xây dựng số 3: 1.000.000.000 đồng
 - Đối tượng khác: 8.000.000 đồng
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi: 959.224.184 đồng.

Công nợ khó đòi chủ yếu là các khoản công nợ do việc sắp xếp, sáp nhập các doanh nghiệp trực thuộc trước đây về Tổng công ty.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 206.341.051.894 triệu đồng. Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty là 54.168 triệu đồng, trong đó:

- + Vay ngắn hạn ngân hàng là 18.524 triệu đồng.
- + Vay dài hạn là 35.644 triệu đồng

e. Tình hình đầu tư tài sản

Tổng công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Khu công nghiệp Cái Mép
 - + Tổng mức vốn đầu tư ban đầu được phê duyệt là 1.500.000 triệu đồng, dự án đang chờ phê duyệt thay đổi tổng mức đầu tư.
 - + Tổng số đã đầu tư: 480.000 triệu đồng
 - + Nguồn vốn huy động: 406.000 triệu đồng (theo dự án được duyệt)
 - + Thời gian hoàn thành: 2017
 - + Tiến độ thực hiện: đang tiến hành san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng
- Dự án 2: mặt bằng 213-216 Linh trung, Thủ Đức
 - + Tổng mức vốn đầu tư: 800.000 triệu đồng
 - + Nguồn vốn huy động: 240.000 triệu đồng
 - + Thời gian hoàn thành: đang chờ quy chế về nguồn vốn và chỉ định đơn vị tiếp nhận quỹ nhà sau khi dự án hoàn thành

- Dự án 3: 553 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bình Thạnh
- + Tổng mức vốn đầu tư: 172.959 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 35.000 triệu đồng
- + Thời gian hoàn thành: quý 2 năm 2016
- + Tiến độ thực hiện: đã khởi công trong năm 2014
- Dự án 4: 636A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bình Thạnh
- + Tổng mức vốn đầu tư: 255.117 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 76.535 triệu đồng
- + Thời gian hoàn thành: 2016
- + Tiến độ thực hiện: đã khởi công trong năm 2014

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước kịp thời.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 đạt 12.857 triệu đồng, đạt 19,18% kế hoạch 2015.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 131.372 triệu đồng

- Tăng trong kỳ: 64.653 triệu đồng do tiền hoàn vốn nhà nước của Công ty cổ phần đầu tư Bình Phú (15.000 triệu đồng), tiền ngân sách nhà nước cấp bù dự án Phan Xích Long của Công ty cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận (20.000 triệu đồng) và tiền lãi của quỹ.

- Số giảm trong kỳ: 0

- Số cuối kỳ: 170.101 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: không có

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Trong 6 tháng năm 2015: Tổng doanh thu là 179.464 triệu đồng, đạt 23,22% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế là 44.250 triệu đồng, đạt 33,08% kế hoạch; Nộp ngân sách là 13.469 triệu đồng, đạt 17,51% kế hoạch.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng năm 2015, Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn – TNHH MTV hoàn thành dưới 50% kế hoạch đối với các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước.

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN – TNHH MTV

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6th năm 2014	6 tháng năm 2015		Thực hiện 2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/ Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(4)	(7) = (5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	250.388	763.400	342.282	44,8%	136,7%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.251		45.317		68,4%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	182.344		295.892		162,3%
3	Thu nhập khác	1.793		1.073		59,8%
II	Tổng chi phí	71.084	363.000	35.257	9,7%	49,6%
1	Giá vốn hàng bán	34.544		19.359		56,0%
2	Chi phí tài chính	27.694		35		0,1%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng			53		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.194		15.005		183,1%
5	Chi phí khác	652		805		123,5%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	28,4%	47,6%	10,3%	21,7%	36,3%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	3,3%	0,0%	4,4%		134,0%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	179.304	400.400	307.025	76,7%	171,2%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	178.163		306.757		172,2%
2	Lợi nhuận khác	1.141	-	268	-	23,5%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 đạt 44,8% so với kế hoạch, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 13,23% tổng doanh thu, giảm 31,6% so với cùng kỳ năm 2014 là do hoạt động kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà gặp khó khăn.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 86,44%, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu phát sinh tại Công ty mẹ (220.740 triệu đồng).

+ Thu nhập khác chiếm 0,31%, giảm 40,2% so với cùng kỳ năm 2014 là do trong năm 2014 Tổng công ty có các khoản thu từ lãi chậm trả cổ tức, tiền chậm góp vốn dự án, chậm trả tiền thuê,...

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 chủ yếu từ hoạt động tài chính.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 9,7% kế hoạch, giảm 50,4% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 54,9% tổng chi phí, giảm 44% so với cùng kỳ năm 2014, tương ứng với sự sụt giảm tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,09% tổng chi phí, giảm 99% so với cùng kỳ năm 2014 do chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán giảm mạnh (từ 27.694 triệu đồng xuống còn 5 triệu đồng).

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 42,55%, tăng 83,1% so với cùng kỳ năm 2014 do tăng chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, thuế, phí và lệ phí và các chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí khác chiếm 2,28%, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2014 là do tăng chi phí điện, nước, chi phí thuê đất.

- Tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 10,3% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với cùng kỳ năm 2014 (28,4%). Tổng công ty đã tiết kiệm được chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,4% tổng doanh thu thực hiện, tăng với cùng kỳ năm 2014 (3,3%). Tổng công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 307.025 triệu đồng, tương ứng 76,7% kế hoạch năm, tăng 71,2% so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 th năm 2014	6th năm 2015	Tỷ lệ TH 2015 / TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	179.304	307.025	171,23%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	174.673	304.759	174,47%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	2.837.306	2.895.864	102,06%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.743.530	4.251.755	113,58%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	6,32%	10,60%	167,77%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,16%	10,52%	170,95%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	4,67%	7,17%	153,62%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng 67,7% so với cùng kỳ năm trước là do tốc độ tăng lợi nhuận tăng cao hơn tốc độ tăng vốn chủ sở hữu.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 9,08 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.622.278 triệu đồng/288.758 triệu đồng). Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,167 (606.851 triệu đồng/3.644.903 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 th năm 2014	6th năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.743.530	4.251.755
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.004.287	2.622.278
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.739.243	1.629.477
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>53,54%</i>	<i>61,68%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>46,46%</i>	<i>38,32%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.743.530	4.251.755
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	567.762	606.851
2	Vốn chủ sở hữu (MS 410)	Triệu đồng	3.175.620	3.644.755
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>15,17%</i>	<i>14,27%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>84,83%</i>	<i>85,73%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm hơn phân nửa trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (1.210.907 triệu đồng), hàng tồn kho (834.306 triệu đồng) là do Tổng công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản; do đó, công trình kéo dài trong nhiều năm, chi phí phát sinh các công trình được tập hợp ở chi phí dở dang cho đến khi công trình được quyết toán.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của Tổng công ty có sự gia tăng trong tỷ lệ tài sản ngắn hạn do năm 2015, các công ty con chuyển lợi nhuận về công ty mẹ.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tỷ lệ nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (14,27%). Số dư nợ phải trả ngày 30/6/2015 là 606.851 triệu đồng, tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

+ Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (85,73%). Số dư vốn chủ sở hữu ngày 30/6/2015 là 3.644.755 triệu đồng, tăng 14,77% do tăng quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận chưa phân phối và quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Tại thời điểm 30/6/2015, hệ số bảo toàn vốn của Tổng công ty là $H = 1,02$ (2.881.864 triệu đồng/2.837.306 triệu đồng). Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đến 30/6/2015:

- Đầu tư dài hạn: 1.387.419 triệu đồng, bao gồm:

+ Các công ty 100% vốn nhà nước: 360.490 triệu đồng

+ Các công ty cổ phần chi phối >50% vốn: 100.308 triệu đồng

+ Các công ty liên doanh (20-50% vốn): 230.892 triệu đồng

+ Các công ty khác < 20% vốn: 602.343 triệu đồng

+ Vốn góp các dự án: 93.386 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

- Trong 6 tháng năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 290.465 triệu đồng, tỷ lệ 20,93% trên tổng giá trị vốn đầu tư (1.387.419 triệu đồng), cụ thể:

+ Các công ty 100% vốn nhà nước: 220.740 triệu đồng

- + Các công ty cổ phần chi phối >50% vốn: 4.002 triệu đồng
- + Các công ty cổ phần (20-50% vốn): 2.926 triệu đồng
- + Các công ty liên doanh (20-50% vốn): 62.497 triệu đồng
- + Các công ty khác < 20% vốn: 300 triệu đồng

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty không phát sinh tăng/giảm các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Tổng công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 1.287.402 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 955 triệu đồng, Tổng công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 862 triệu đồng.

Công nợ khó đòi chủ yếu là các khoản công nợ kéo dài từ việc thu tiền thuê kho bãi của Công ty Kho Bãi (đơn vị phụ thuộc).

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 606.851 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 31.909 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 2.862 triệu đồng.

+ Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP.HCM: 29.047 triệu đồng

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư dự án Khu lưu trú công nhân-Khu B Tân Nhựt, huyện Bình Chánh

+ Bù đắp vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu lưu trú công nhân và nhà ở thu nhập thấp tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Tp.HCM.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Các dự án cho hoạt động SXKD của Công ty gồm có:

+ Các dự án thuộc nhóm A: không phát sinh

+ Các dự án thuộc nhóm B: gồm 02 dự án với tổng mức đầu tư theo dự toán là 169.313 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu lưu trú công nhân tại Tân Nhựt, Bình Chánh với tổng mức dự toán đầu tư là 57.153 triệu đồng, trong đó vốn vay dự kiến là 48.580 triệu đồng.

Tính đến ngày 30/6/2015 Tổng Công ty đã đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ bản như hệ thống giao thông thoát nước mưa, nước bẩn, hạng mục trạm xử lý nước thải với tổng chi phí là 19.525 triệu đồng. Việc thực hiện dự án chưa đúng tiến độ như kế hoạch đề ra (từ năm 2009 đến năm 2011) do dự án phải thi công đồng bộ với dự án xây dựng khu B Tân Nhựt Bình Chánh.

- Dự án xây dựng khu lưu trú công nhân (Khu B) tại Tân Nhựt, Bình Chánh với tổng mức dự toán đầu tư là 112.160 triệu đồng, trong đó vốn vay dự kiến là 90.658 triệu đồng.

Tính đến ngày 30/6/2015 Tổng Công ty đã đầu tư xây dựng khu B khu lưu trú công nhân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh với tổng chi phí là 64.333 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty có quyết định xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế tổng số tiền là 17.202 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 đạt 19.516 triệu đồng, đạt 27,88% kế hoạch 2015 do doanh thu giảm.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 62.320 triệu đồng

- Tăng trong kỳ: 56.535 triệu đồng từ số tiền thu cổ phần hóa của Công ty CP Địa ốc 7, Công ty CP Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn – Chợ Lớn và Công ty TNHH MTV Phát triển Thủ Thiêm.

- Số giảm trong kỳ: 0

- Số cuối kỳ: 118.855 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Tổng công ty phải thực hiện 3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: không có

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty

Trong 6 tháng năm 2015: Tổng doanh thu là 512.092 triệu đồng, đạt 32,96% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 329.882 triệu đồng, đạt 52,29% so với kế hoạch; Số phát sinh phải nộp ngân sách 25.183 triệu đồng, đạt 13,66% kế hoạch.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – TNHH MTV hoàn thành dưới 50% kế hoạch năm về chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách và trên 50% kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015 Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		TH 6 tháng đầu 2015/KH 2015	TH 6 tháng đầu 2015/TH 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.510.464	3.105.965	2.401.812	70,30%	159,01%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.481.996		2.381.032		160,66%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.625		3.711		48,67%
3	Thu nhập khác	20.843		17.069		81,89%
II	Tổng chi phí	1.448.775	3.013.293	2.329.455	70,28%	160,79%
1	Giá vốn hàng bán	1.355.960		2.180.973		160,84%
2	Chi phí tài chính	6.650		12.051		181,22%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	38.179		63.218		165,59%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.806		68.106		142,46%
5	Chi phí khác	280		5.005		1787,50 %
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	95,92%	97,02%	96,99%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	3,16%		2,84%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	61.589	92.672	72.357	78,08%	117,48%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.025		60.293		146,97%
2	Lợi nhuận khác	20.563		12.064		58,67%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 70,30% so với kế hoạch, tăng 59,01% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,13%, tăng 1,02% so với cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,15%, giảm 0,35% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu nhập khác chiếm 0,72%, giảm 0,66% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chi tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 70,28% kế hoạch, tăng 60,79% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,63%, tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,53%, tăng 0,06% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,71%, tăng 0,08% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 2,92%, giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí khác chiếm 0,21%, giảm 0,24% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,99% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước (95,92%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 2,84% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (3,16%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

c. Chi tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm của Tổng công ty đạt 70,98% kế hoạch, tăng 17,48% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH năm 6 tháng đầu năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	61.589	72.357	117,48
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	48.773	56.400	115,64

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.444.094	1.463.345	101,33
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.843.444	3.592.813	126,35
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,26	4,94	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,38	3,85	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,72	1,57	

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,37 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.294.509 triệu đồng/947.124 triệu đồng). Tổng công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (không bao gồm số dư Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 1,26 lần (1.864.049 triệu đồng/1.480.969 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.064.462	3.693.304
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	797.404	1.294.509
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	2.267.058	2.398.795
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	26,02	35,05
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	73,98	64,95
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.064.462	3.492.321
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	974.601	1.864.049
	- Ngắn hạn	Triệu đồng	650.325	947.124
	- Dài hạn	Triệu đồng	324.276	916.925
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.089.861	1.829.255
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,80	50,47
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,20	49,53

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (1.215.449 triệu đồng), đầu tư tài chính dài hạn (1.100.169 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng 91,26% (889.448 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước do khách hàng ứng trước tiền mua xe tăng, chiếm tỷ lệ 50,47% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm 12,47% (260.606 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước do Tổng công ty thực hiện việc cổ phần hóa các đơn vị thành viên làm giảm vốn đầu tư, chiếm tỷ lệ 49,53% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty là $H = 1,01$. Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 1.181.507 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 11 Công ty con: 580.410 triệu đồng
- Đầu tư vào 13 Công ty liên kết: 542.783 triệu đồng
- Đầu tư vào 01 Công ty liên doanh: 58.314 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không phát sinh khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư ra ngoài.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện tăng, giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác
1	Công ty CP ĐT KD HT CN Ô tô Hòa Phú	44.000	40%	4.000			48.000	40%
2	Công ty CP Ô tô Vận tải số 5	942	33.25%		942		0	0

Tổng công ty đã thực hiện tăng vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Hạ tầng công nghiệp Ô tô Hòa Phú theo Công văn số 3017/UBND-CNN ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Tổng công ty đã thực hiện việc thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Ô tô Vận tải số 5 theo Đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 3 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, 2 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 7 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 2 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Phá sản 01 doanh nghiệp.

+ Giảm tỷ lệ vốn góp dưới 50% đối với các khoản đầu tư tại 2 doanh nghiệp

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 9 doanh nghiệp.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Ô tô Vận tải số 5 là 942 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 5.278 triệu đồng, giá trị còn lại là 2.847 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 429.719 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 20.984 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 20.984 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 1.864.049 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 443.736 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 371.311 triệu đồng (bao gồm: Vay ngắn hạn: 236.715 triệu đồng, Vay dài hạn: 134.596 triệu đồng).

+ Vay của cá nhân: 6.425 triệu đồng.

+ Vay của các đơn vị thành viên: 66.000 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 134.596 triệu đồng. (Thanh toán chi phí đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ ô tô và nhà đậu xe cao tầng tại 121-139 Cô Giang).

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 309.140 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đang thực hiện đầu tư 03 dự án với tổng giá trị đầu tư là 1.082.647 triệu đồng từ vốn vay ngân sách thành phố.

Các dự án đầu tư của Tổng công ty đều là dự án nhỏ, không thuộc nhóm A, B. Tiến độ triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Tổng công ty. Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 là 85.643 triệu đồng, đạt 148,35% kế hoạch, tăng 126,52% so với cùng kỳ năm trước. Số phát sinh phải nộp tăng do Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng tương ứng với doanh thu và lợi nhuận.

Đến ngày 30/6/2015, Tổng công ty còn phải nộp ngân sách là 3.348 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 346.864 triệu đồng.

- Phát sinh tăng: 1.422 triệu đồng (Lãi tiền gửi ngân hàng).

- Phát sinh giảm: 0 đồng.
- Số dư cuối kỳ: 348.286 triệu đồng.

Tổng công ty đã mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm để theo dõi số tiền Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: Thực hiện đầy đủ: 03/03 chỉ đạo.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện 01 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố: Thực hiện báo cáo việc xác định nguyên nhân, trách nhiệm liên quan đến trường hợp thanh lý tài sản cố định không có khả năng thu hồi vốn đã đầu tư của Tổng công ty theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2094/UBND-CNN ngày 17 tháng 4 năm 2015.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng công ty chưa nộp Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 do đó không có cơ sở để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty (Công ty mẹ) đã hoàn thành hơn 50% kế hoạch năm 2015 đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Tổng công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC
SÀI GÒN – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của

Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.201.568	2.857.897	1.343.806	47,02%	111,84%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.149.918	2.708.253	1.258.369	46,46%	109,43%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	6.223	60.894	6.208	10,19%	99,76%
3	Thu nhập khác	45.427	88.750	79.229	89,27%	174,41%
II	Tổng chi phí	1.168.591	2.749.853	1.311.896	47,71%	112,26%
1	Giá vốn hàng bán	690.735	1.584.849	743.650	46,92%	107,66%
2	Chi phí tài chính	16.912	104.276	30.557	29,30%	180,68%
	<i>Trong đó: lãi vay</i>	16.912	104.276	30.557	29,30%	180,68%
3	Chi phí bán hàng	346.608	814.977	382.407	46,92%	110,33%
4	Chi phí quản lý Tổng công ty	71.702	165.026	77.434	46,92%	107,99%
5	Chi phí khác	42.634	80.725	77.848	96,44%	182,60%
III	Tổng chi phí / Tổng doanh thu	97,26%	96,22%	97,63%		
	Trong đó: Chi phí quản lý Tổng công ty trên Tổng doanh thu	5,97%	5,77%	5,76%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	32.977	108.045	31.910	29,53%	96,76%
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.184	100.020	30.529	30,52%	101,14%
2	Lợi nhuận khác	2.793	8.025	1.381	17,21%	49,45%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 47,02% so với kế hoạch, tăng 11,84% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân là do:

+ Doanh thu hoạt động sản xuất nước tăng do tăng sản lượng nước tiêu thụ.

+ Thu nhập khác tăng 74,41% so với cùng kỳ năm trước do tăng doanh thu hoạt động bồi thường di dời.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 93,64%, giảm 2,06% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,46%, giảm 0,06% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 5,90%, tăng 2,12% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 47,71% so với kế hoạch, tăng 12,26% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 56,69%, giảm 2,42% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 2,33%, tăng 0,88% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 29,15%, giảm 0,51% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,90%, giảm 0,23% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 5,93%, tăng 2,29% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 97,63% tổng doanh thu thực hiện, tăng 0,37% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (97,26%). Công ty chưa tiết giảm được chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,76% tổng doanh thu thực hiện, giảm 0,21% so với cùng kỳ năm 2014 (5,97%). Tổng công ty đã tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2015.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 29,53% kế hoạch do giá nước chưa được điều chỉnh theo lộ trình kế hoạch và giảm 3,24% so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng doanh thu (112,26% so với 111,84%).

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/ TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32.977	31.910	96,76%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.196	24.619	101,75%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	4.974.337	5.090.650	102,34%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	7.577.310	7.425.502	98,00%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	0,66%	0,63%	94,55%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,49%	0,48%	99,42%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,32%	0,33%	103,83%

Qua bảng phân tích trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 3,83 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.140.362 triệu đồng/297.851 triệu đồng). Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,41 lần (2.151.328 triệu đồng/5.222.354 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	7.577.310	7.425.502
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.345.161	1.140.362
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	6.232.149	6.285.140
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	17,75%	15,36%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	82,25%	84,64%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	7.577.310	7.425.502
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	2.357.840	2.151.328
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	5.219.470	5.274.174
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,12%	28,97%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,88%	71,03%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục Tài sản cố định (3.693.275 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp; chủ yếu do tăng quỹ đầu tư phát triển.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty là $H = 1,0023$ (5.090.651 triệu đồng/4.974.337 triệu đồng), Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và cổ tức dự kiến được chia:

Đến 30/6/2015, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài với tổng số tiền 1.019.041 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 13 Công ty con: 775.864 triệu đồng

- Đầu tư vào 3 Công ty liên kết: 111.208 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác: 131.969 triệu đồng

Tại thời điểm 30/6/2015, Tổng công ty không có các khoản cổ tức được chia do các khoản cổ tức này được chia vào cuối năm.

a.2. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại doanh nghiệp như sau:

Tổng công ty thực hiện góp thêm 7.500 triệu đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp theo tiến độ kế hoạch; Theo đó, khoản vốn đầu tư tăng từ 18.750 triệu đồng lên 26.250 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 25% vốn của Công ty cổ phần).

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Tổng công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 484.818 triệu đồng. Trong đó nợ khó đòi là 12.570 triệu đồng. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 11.467 triệu đồng.

Nợ khó đòi của Tổng công ty chủ yếu là các khoản công nợ tiền nước 5.890 triệu đồng và khoản tổn thất quỹ năm 2003 là 6.680 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 2.151.328 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 257.851 triệu đồng, Tổng Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn Tổng công ty huy động của các tổ chức tín dụng là 1.015.332 triệu đồng để đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tổng công ty (Công ty mẹ) không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Đầu tư vào các dự án nhóm A

Dự án Giảm thất thoát nước, tăng cường, mở rộng mạng lưới cấp nước và tăng cường thể chế cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn giai đoạn 2011-2015:

+ Đơn vị huy động: ADB

+ Tổng mức đầu tư : 2.691.000 triệu đồng

+ Thời gian thực hiện dự án: 2011-2036

+ Quyết định phê duyệt dự án: 5166/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của UBND Thành phố.

+ Thực hiện đến 30/6/2015: 32.638 triệu đồng

+ Tiến độ của dự án: Đang thực hiện

- Đầu tư vào các dự án nhóm B

+ Tổng số dự án: 7 dự án

+ Tổng mức đầu tư : 2.670.466 triệu đồng

+ Tổng chi phí thực hiện đến 30/6/2015: 2.133.097 triệu đồng

+ Tiến độ của dự án: đã có 4/7 dự án nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Đầu tư vào các dự án nhóm C

+ Tổng số dự án: 106 dự án

- + Tổng mức đầu tư : 1.218.106 triệu đồng
- + Thời gian thực hiện các dự án: 2004-2015
- + Thực hiện đến đến 30/6/2015: 747.302 triệu đồng
- + Tiến độ của dự án: đã có 27/106 dự án đã có nghiệm thu đưa vào sử dụng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty thực hiện nộp ngân sách kịp thời.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 55.307 triệu đồng đạt 46,42% kế hoạch. Tổng công ty không có tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 100.992 triệu đồng;
- Số tăng trong kỳ: 3.801 triệu đồng (thu từ cổ phần hóa công ty con là 3.728 triệu đồng, lãi tiền gửi của quỹ là 73 triệu đồng).
- Số giảm trong kỳ: 0 đồng
- Số dư cuối kỳ: 104.793 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tổng công ty thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: Không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Trong 6 tháng đầu năm 2015: Tổng doanh thu là 1.642.906 triệu đồng, đạt 44,56% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế là 35.213 triệu đồng, đạt 24,45% kế hoạch; Nộp ngân sách là 65.685 triệu đồng, đạt 41,14% kế hoạch.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV hoàn thành dưới 50% kế hoạch năm về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu	2.448.569	5.588.334	2.702.432		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	926.700	2.112.880	982.810		
	Tổng doanh thu thuần	1.521.869	3.475.454	1.719.622	49,48%	112,99%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.084	3.475.454	1.689.420	48,61%	112,62%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	20.163		19.141		94,93%
3	Thu nhập khác	1.622		11.061		681,94%
II	Tổng chi phí	1.442.231	3.208.833	1.580.790	49,26%	109,61%
1	Giá vốn hàng bán	1.337.187		1.504.492		112,51%
2	Chi phí tài chính	20.080		9.074		45,19%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>17.922</i>		<i>7.994</i>		<i>44,60%</i>
3	Chi phí bán hàng	2.823		1.512		53,56%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.857		64.417		89,65%
5	Chi phí khác	10.284		1.295		12,59%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,77%	92,33%	91,93%		
	- Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,72%	0,00%	3,75%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	79.638	266.621	138.832	52,07%	174,33%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	88.300	266.621	129.066	48,41%	146,17%
2	Lợi nhuận khác	(8.662)		9.766		-

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 49,48% so với kế hoạch, tăng 12,99% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,24%, tăng 12,62% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,11% giảm 5,07% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,64% tăng, 581,94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 49,26% kế hoạch, tăng 9,61% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 95,17%, tăng 12,51% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

+ Chi phí tài chính chiếm 0,57%, giảm 54,81% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,10%, giảm 46,44% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,07%, giảm 10,35% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

+ Chi phí khác chiếm 0,08%, giảm 87,41% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

- Tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 91,93% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng năm 2014 (92,33%). Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí so với 6 tháng năm 2014

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,75% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 cùng kỳ năm 2014 (4,72%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty đạt 52,07% kế hoạch, tăng 74,33% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do tăng doanh thu trong kỳ.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/ TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	79.638	138.832	174,33%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.167	121.124	246,35%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.748.033	1.910.265	109,28%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	3.772.298	3.665.416	97,17%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,56%	7,27%	159,52%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,81%	6,34%	225,43%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,30%	3,30%	253,54%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng năm 2015 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm 2014, vốn chủ sở hữu tăng so với cùng kỳ năm trước do nhận bàn giao vốn của Công ty TNHH một thành viên Phát triển công viên phần mềm Quang Trung và Công ty TNHH một thành viên Phát triển khu công nghệ cao.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 1,86 lần (=Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn= 1.277.801 triệu đồng/687.198 triệu đồng).

Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 cho thấy Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/06/2015 là 0,36 (874.163 triệu đồng/2.605.272 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.512.599	3.518.361
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.752.012	1.277.801
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.760.587	2.240.560
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	49,88	36,32
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	50,12	63,68
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.512.599	3.518.361
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.229.547	874.163
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.283.052	2.644.198
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	35	24,85
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	65	75,15

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản (63,68%) của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục chi phí xây dựng cơ bản (773.446 triệu đồng), đầu tư tài chính dài hạn (1.279.725 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty; Tăng do tăng quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng năm 2015 của Tổng công ty là $H = 1,120$ (2.018.060 triệu đồng/1.802.469 triệu đồng) cho thấy Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.098.409 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 10 Công ty con: 786.506 triệu đồng.
- Đầu tư vào 09 Công ty liên kết: 306.289 triệu đồng.
- Đầu tư vào 1 công ty liên doanh và góp vốn 2 dự án liên doanh: 81.444 triệu đồng.
- Đầu tư dài hạn khác vào 8 Công ty: 139.760 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng công ty nhận được là 15.000 triệu đồng, tương đương 1,37% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Cụ thể:

Công ty Cổ Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn (76,5 triệu đồng), Công ty Cổ phần TIE (14.068 triệu đồng), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (752,4 triệu đồng), Công ty Cổ phần Cơ Khí Sinco (104 triệu đồng).

Đối với 02 dự án liên doanh, hiện đang trong giai đoạn triển khai xây dựng nên chưa có lợi nhuận; Số doanh nghiệp còn lại, chưa tổ chức đại hội cổ đông nên chưa có nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng năm 2015, Tổng công ty nhận bàn giao vốn 2 công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước về làm doanh nghiệp thành viên, cụ thể như sau:

+ Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM: số vốn là 62.100 triệu đồng.

+ Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung: số vốn là 153.490 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Tổng công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015: Tổng Công ty có mua tài sản có tổng giá trị 1.357 triệu đồng; và có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 1.527 triệu đồng, giá trị còn lại là 1.527 triệu đồng.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

- Quản lý nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 258.227 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 292 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 292 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của Tổng công ty phát sinh từ năm 2008, chủ yếu là các khoản trả trước cho người bán. Bên cạnh việc trích lập dự phòng khoản công nợ này, Tổng Công ty đã có công văn, thư đòi nợ, có trường hợp Tổng đã khởi kiện ra tòa án. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không phát sinh các khoản nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 878.476 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 287.015 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 287.015 triệu đồng.

- Tổng công ty huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 222.179 triệu đồng.

+ Các dự án: 64.836 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất khuôn mẫu

+ Tổng mức vốn đầu tư: 181.630 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 77.992 triệu đồng (42,94%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 67,62%

- Dự án 2: Dự án đầu tư xây dựng kho lá thuốc

+ Tổng mức vốn đầu tư: 216.361 triệu đồng

- + Nguồn vốn huy động: 108.181 triệu đồng (50,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 34,38%
- Dự án 3: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất cọc vách nhựa uPVC (giai đoạn 1)
- + Tổng mức vốn đầu tư: 287.933 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 126.486 triệu đồng (43,93%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 86,48%
- Dự án 4: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất cọc vách nhựa uPVC (giai đoạn 2)
- + Tổng mức vốn đầu tư: 284.832 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 125.124 triệu đồng (43,93%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 1,07%
- Dự án 5: Dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi (điều chỉnh)
- + Tổng mức vốn đầu tư: 296.513 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 148.257 triệu đồng (50,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 66,61%
- Dự án 6: Dự án đầu tư Cao ốc Văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành, quận 4
- + Tổng mức vốn đầu tư: 154.448 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 109.303 triệu đồng (70,77%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 80,88%
- Dự án 7: Dự án xưởng sản xuất đầu lọc Nhà máy Thuốc lá Bến Thành Craven
“A”:
- + Tổng mức vốn đầu tư: 157.802 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 110.461 triệu đồng (70,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 38,38%
- Dự án 8: Dự án cải tạo xưởng sản xuất Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội
- + Tổng mức vốn đầu tư: 372.036 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 260.425 triệu đồng (70,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

- + Tiến độ thực hiện: 1,93%
- Dự án 9: Dự án đầu tư Java Card
- + Tổng mức vốn đầu tư: 208.800 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 135.720 triệu đồng (65,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 0,19%

Trong đó dự án 4 và 8 đã tạm dừng theo Thông báo kết luận số 80-TB/ĐU ngày 12/08/2014 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty có quyết định xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế tổng số tiền là 9.409 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 1.219.779 triệu đồng, đạt 50,52% kế hoạch, giảm 4,58% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Đến 30/6/2015, Tổng công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 179.274 triệu đồng do chưa đến hạn nộp.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 723 triệu đồng
- Số tăng trong kỳ: 9 triệu đồng (lãi tiền gửi)
- Số giảm trong kỳ: 0
- Số cuối kỳ: 732 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1 Về tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tổng công ty thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 9 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Tổng công ty thực hiện đầy đủ 9/9 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Trong 6 tháng năm 2015: Tổng doanh thu Tổng công ty thực hiện là 2.953.963 triệu đồng, đạt 48,41% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 143.580 triệu đồng, đạt 51,82% so với kế hoạch; nộp ngân sách là 1.227.388 triệu đồng, đạt 50,55% so với kế hoạch.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty hoàn thành trên 50% kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách và dưới 50% kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu.

Trong 6 tháng năm 2015, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ LIKSIN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		TH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015/KH NĂM 2015	TH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015/TH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	545.734	1.525.425	523.705	34,33%	95,96%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	503.023		509.501		101,29%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	37.093		6.791		18,31%
3	Thu nhập khác	5.618		7.413		131,95%
II	Tổng chi phí	495.123	1.452.035	497.336		100,45%
1	Giá vốn hàng bán	446.832		442.699		99,08%
2	Chi phí tài chính	7.038		7.225		102,66%
3	Chi phí bán hàng	14.719		16.883		114,70%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.436		28.439		107,58%
5	Chi phí khác	98		2.090		2132,65%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	90,73%	95,19%	94,96%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	4,84%		5,43%		112,10%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	50.611	73.390	26.369	35,93%	52,10%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.091		21.046		46,67%
2	Lợi nhuận khác	5.520		5.323		96,43%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 34,33% so với kế hoạch, giảm 4,04 % so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,29%, tăng 5,11% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,3%, giảm 5,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 1,41%, tăng 0,39% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 34,25% kế hoạch, tăng 0,45% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,01%, giảm 1,23% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,45%, tăng 0,03% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,39%, tăng 0,42% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,72%, tăng 0,38% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,42%, tăng 0,40% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 94,96% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (90,73%) do cơ cấu được chia 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm 2014 nhưng chi phí hoạt động tài chính không đổi.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (4,84%). Tổng công ty đã chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 35,93% kế hoạch, giảm 47,90% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/TH 6 tháng đầu năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.612	26.369	52,10%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	46.615	21.209	45,50%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân (<i>tính theo Điều 14 TT 158</i>)	Tr.đ	840.612	863.464	102,72%
4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Tr.đ	1.579.165	1.635.982	103,60%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH bình quân	%	6,02	3,05	50,72%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân (ROE)	%	5,55	2,46	44,29%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS bình quân (ROA)	%	2,95	1,30	43,92%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,02 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 524.465 triệu đồng/260.200 triệu đồng). Tổng công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,61 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.583.344	1.608.978
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	531.368	524.465
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.051.976	1.084.513
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	33,56	32,60
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	66,44	67,40
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.583.344	1.608.978
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	603.221	610.262
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	980.123	998.716
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	38,10%	37,93
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	61,90%	62,07

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (350.679 triệu

đồng), bất động sản đầu tư (367.284 triệu đồng), đầu tư tài chính dài hạn (312.725 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 37,93% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 62,07% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty là $H = 1,02$; Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến ngày 30/6/2015, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 363.102 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 08 Công ty con: 145.808 triệu đồng

- Đầu tư vào 01 Công ty liên doanh: 78.085 triệu đồng

- Đầu tư vào 07 Công ty liên kết: 51.404 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác (16 Công ty): 87.805 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 4.333 triệu đồng, tương đương 1,19% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 3.634 triệu đồng, tỷ lệ 1,9% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 682 triệu đồng, tỷ lệ 0,4 % trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không phát sinh tăng, giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH một thành viên giai đoạn 2013 - 2015 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7434/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

- + Tiếp tục nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên: 0 doanh nghiệp
- + Nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: 17 doanh nghiệp.
- + Thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại 16 doanh nghiệp và 1 dự án hợp tác kinh doanh.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đang thực hiện:

- + Thoái vốn các doanh nghiệp đang giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ: 7 đơn vị

- + Thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư: 14 đơn vị

- + Dự án 51-53 An Dương Vương đang chờ Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá khởi điểm đấu giá.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

- + Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

- + Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- + Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 649 triệu đồng, đã hết khấu hao.

- Quản lý công nợ phải thu:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu ngắn hạn của Tổng công ty là 201.064 triệu đồng, bao gồm:

- + Nợ phải thu khách hàng là 193.020 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 6.461 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 4.681 triệu đồng.

- + Trả trước cho người bán: 7.630 triệu đồng

- + Nợ phải thu về cổ tức: 859 triệu đồng

- + Nợ phải thu của khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng chưa đến hạn của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: 897 triệu đồng

- + Nợ phải thu lãi vay: 902 triệu đồng

- + Phải thu tạm ứng CBCNV: 1.917 triệu đồng

- + Nợ phải thu khác: 520 triệu đồng

- Quản lý nợ phải trả:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 610.262 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động đến 30/6/2015 là 214.825 triệu đồng từ các tổ chức tín dụng để chi đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các khoản bảo lãnh vay vốn đối với công ty con đến 30/6/2015 là: 5.830 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động:

+ Vay trung, dài hạn đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh giữa các nhà cung cấp cùng ngành bao bì, in.

+ Vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh là cần thiết và được sử dụng hợp lý, đạt hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ đúng hạn.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

- Các dự án đầu tư tài sản Tổng công ty đã đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 với tổng giá trị là 51.783 triệu đồng

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã tăng bổ sung nguyên giá một số tài sản cố định với tổng giá trị là 1.496 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Tổng công ty. Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 44,37% kế hoạch, giảm 32,54% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Số phát sinh phải nộp giảm do giảm thuế GTGT, giảm số lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm phân phối, trích lập các quỹ phải nộp về ngân sách nhà nước theo Thông tư 187/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty còn phải nộp ngân sách là 8.011 triệu đồng (chưa trừ số nộp thừa lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 13.630 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 87.571 triệu đồng

- Số phát sinh tăng (lãi tiền gửi ngân hàng năm 2014): 1.266 triệu đồng
- Số phát sinh giảm (phí dịch vụ quản lý tài khoản): 0,066 triệu đồng
- Số dư cuối kỳ: 88.771 triệu đồng

Tổng công ty đã thực hiện mở tài khoản riêng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN TP.HCM để theo dõi theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 18/01/2014 của Bộ Tài chính.

e. Tình hình khác: không có.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 03 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: Thực hiện đầy đủ: 03/03 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

- Tại Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2013 của công ty mẹ Tổng công ty Công nghiệp In – Bao bì – Lixsin – TNHH MTV lập ngày 9 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước cụ thể như sau:

+ Về quỹ tiền lương 8 tháng của người lao động cuối năm 2013, Tổng công ty Lixsin xác định tổng doanh thu không loại trừ một số nội dung thu nhập khác không liên quan đến năm báo cáo khi xác định quỹ tiền lương là không đúng với quy định tại Điều 35 Nghị định số 77/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2013. Tổng công ty đã điều chỉnh giảm quỹ lương năm 2013 của người lao động là 850 triệu đồng

+ Về quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý: Việc xây dựng quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý là chưa phù hợp do ông Nguyễn Ngọc Minh Thy hiện đang là người đại diện vốn, kiêm Giám đốc Công ty CP In Nhãn hàng An Lạc vừa là Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Lixsin là chưa đúng theo tinh thần tại Công văn số 186/UBND-VX-TC ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố. Tháng 07 năm 2015, Tổng công ty đã điều chỉnh bổ sung quỹ lương viên chức quản lý, thanh toán lương và làm thủ tục điều chỉnh sổ bảo hiểm cho ông Nguyễn Ngọc Minh Thy.

+ Về tình hình sử dụng các mặt bằng được giao, thuê của nhà nước: Tổng công ty sử dụng đất chưa đúng mục đích (ngoài mục đích sản xuất kinh doanh), cụ thể: Đơn vị không sử dụng, cho thuê lại mặt bằng tại số 964 Xô viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh. Ngày 20 tháng 8 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 4091/QĐ-UBND về thu hồi nhà đất số 964 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh do Tổng công ty Lixsin quản lý; Theo đó, Tổng công ty đang làm thủ tục bàn giao mặt bằng này theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng công ty chưa nộp Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015, do đó không có cơ sở để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chưa đạt 50% mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, các khoản phải nộp ngân sách.

Ngoài một số tồn tại như trình bày ở trên, Tổng công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN –TNHH MTV**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của
 Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 06 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2015/ Thực hiện 06 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 06 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	819.847	1.526.161	755.918	50%	92%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	784.057	1.449.221	722.369	50%	92%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	34.284	71.940	32.751	46%	96%
3	Thu nhập khác	1.506	5.000	798	16%	53%
II	Tổng chi phí	770.122	1.413.431	692.810	49%	90%
1	Giá vốn hàng bán	701.465	1.287.931	629.035	49%	90%
2	Chi phí tài chính	4.319	4.000	1.648	41%	38%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	15.395	26.500	13.267	50%	86%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.684	90.000	44.363	49%	104%
5	Chi phí khác	6.259	5.000	4.497	90%	72%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,93%	92,61%	91,65%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,21%	5,90%	5,87%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	49.725	112.730	63.108	56%	127%
1	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	54.478	112.730	66.807	59%	123%
2	Lợi nhuận khác	-4753	0	-3.699		78%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 06 tháng đầu năm 2015 đạt 50% so với kế hoạch, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 95,56% tổng doanh thu, giảm 0,07% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 4,33%, tăng 0,15% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm dưới 1%, giảm 0,08% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 06 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 06 tháng đầu năm 2015 bằng 49% kế hoạch, giảm 10% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014. Chủ yếu là do giá vốn hàng bán giảm.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,79%, giảm 0,29% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,24%, giảm 0,32% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014 do giảm chi phí lãi vay;

+ Chi phí bán hàng chiếm 1,91%, giảm 0,08% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,40%, tăng 0,86% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,65%, giảm 0,16% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 06 tháng đầu năm 2015 chiếm 91,65% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014 (93,93%). Tổng công ty đã thực hiện tiết giảm chi phí so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,87% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (5,21%). Tổng công ty chưa thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 56% kế hoạch, tăng 27% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014 do Tổng công ty thực hiện tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2015	TH 2015/TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	49.725	63.108	126,91%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.162	57.574	127,48%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.662.363	1.714.176	103,12%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.477.653	2.419.491	97,65%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	2,99	3,68	123,08%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,72	3,36	123,63%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,82	2,38	130,55%

Qua bảng trên cho thấy 06 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn 06 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,89 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 999.529 triệu đồng/528.823 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,35 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	06 tháng đầu năm 2014	06 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.479.426	2.419.491
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.103.594	999.529
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.375.832	1.419.963
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	44,51%	41,31%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	55,49%	58,69%

II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.479.426	2.419.491
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	639.319	534.088
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.840.107	1.885.403
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,78%	22,07%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,22%	77,93%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục đầu tư vào công ty con (811.031 triệu đồng) và tài sản cố định (410.168 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 22,07% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 77,93% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 06 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,03$. Doanh nghiệp bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, Tổng công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 990.416 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 07 Công ty con: 811.031 triệu đồng
- Đầu tư vào 08 Công ty liên kết: 34.125 triệu đồng
- Đầu tư vào 02 Công ty liên doanh: 34.855 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 110.405 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 23.489 triệu đồng, tỷ lệ 2,37% trên tổng vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành	10.134	15,84	1.213			11.347	15,84
2	Công ty CP CBNS XK Sài Gòn Việt Hưng	34.295	17,09	5.762			40.057	33,71

- Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành: Tổng công ty tiếp nhận cổ phiếu thưởng tại Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành nhưng chưa báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng: Năm 2011, Tổng công ty đã thực hiện hợp tác đầu tư dự án Nhà máy Chế biến nông sản xuất khẩu do Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng làm chủ đầu tư theo chủ trương đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3552/VP-ĐT ngày 01 tháng 6 năm 2011. Trong 6 tháng năm 2015, Tổng công ty thực hiện tăng vốn góp Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng theo lộ trình đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định 1B/QĐ-CT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7437/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 3 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, 2 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 7 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 2 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Bán 01 doanh nghiệp và cổ phần hóa/tái cơ cấu 1 doanh nghiệp.

+ Giảm tỷ lệ vốn góp dưới 50% đối với các khoản đầu tư tại 2 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 9 doanh nghiệp.

- Ngày 26 tháng 6 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 3142/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án tái cơ cấu tài chính để chuyển Công ty Công nghiệp Cơ khí Sài Gòn thuộc Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 141.628 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 13.662 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 8.291 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 534.088 triệu đồng, nợ phải trả trong thời hạn thanh toán là 524.265 triệu đồng, quá thời hạn thanh toán là 9.823 triệu đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 7.570 triệu đồng, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện đầu tư 10 dự án, bao gồm: 05 dự án nhóm B, 01 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 04 dự án khác. Tổng giá trị đầu tư là 995.583 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư Tổng công ty là 743.811 triệu đồng, vốn huy động là 251.772 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Tổng công ty. Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 06 tháng đầu năm 2015 là 61.007 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản lợi nhuận còn lại sau khi đã tạm phân phối và trích lập quỹ theo quy định tại Nghị định 204/2013/NĐ-CP và Thông tư 187/2013/TT-BTC (41.733 triệu đồng).

Đến ngày 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 6.477 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 37.708 triệu đồng.
- Phát sinh tăng: 927 triệu đồng (lãi ngân hàng)
- Phát sinh giảm: không có.
- Số dư cuối kỳ: 38.635 triệu đồng.

Tổng công ty đã thực hiện việc mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ: 03/03 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên phải thực hiện 02 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

- Chưa thực hiện 01 chỉ đạo như sau:

Thông báo số 231/TB-VP ngày 21 tháng 3 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tất Thành Cang về kết luận thanh tra việc quản lý sử dụng đất đai tại Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên:

+ Chưa thực hiện thoái hết số vốn 130.014.171.894 đồng đã đầu tư tại 03 dự án không đúng ngành nghề kinh doanh chính theo quy định tại Điểm d Điều 29 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Đã nộp vào tài khoản của Thanh tra thành phố số tiền 3.847.477.724 đồng thu lợi từ việc sử dụng nhà, đất không đúng mục đích được thuê khi Chánh Thanh tra thành phố ban hành Quyết định thu hồi tiền.

- Thực hiện 01 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 353/TB-VP ngày 11 tháng 5 năm 2015 về kết luận thanh tra toàn diện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại khu nhà số 79KC Bis đường Thoại Ngọc Hầu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú; đã chỉ đạo Công ty Xuất nhập khẩu Nông lâm hải sản báo cáo Chi cục Tài chính doanh nghiệp để lập thủ tục giảm danh mục tài sản theo quy định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty lập ngày 19 tháng 8 năm 2015. Theo đó, Tổng doanh thu của toàn Tổng công ty là 1.559.255 triệu đồng, tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận trước thuế là 79.008 triệu đồng, tăng 51,56% so với cùng kỳ năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, tổng doanh thu thực hiện của Tổng công ty đạt 50% so với kế hoạch, giảm 8% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014; lợi nhuận trước thuế đạt 56% kế hoạch, tăng 27% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014; Số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 132% so với kế hoạch, giảm 25,70% so với thực hiện 06 tháng đầu năm 2014.

Tổng công ty tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY
VĂN HÓA SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của
Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	132.828	409.583	129.935	31,72%	97,82%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.767	409.583	123.083		99,45%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	5.473		5.918		108,13%
3	Thu nhập khác	3.588		934		26,03%
II	Tổng chi phí	129.134	383.089	125.850	32,85%	97,46%
1	Giá vốn hàng bán	102.844		103.377		100,52%
2	Chi phí tài chính	4.204		3.013		71,67%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	7.021		7.377		105,07%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.442		11.860		88,23%
5	Chi phí khác	1.623		223		13,74%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,22%	93,53%	96,86%		
	<i>Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)</i>	<i>10,12%</i>		<i>9,13%</i>		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.694	26.494	4.085	15,42%	110,58%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.730		3.374		195,03%
2	Lợi nhuận khác	1.964		711		36,2%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 31,72% so với kế hoạch, giảm 2,18% so với 6 tháng đầu năm 2014. Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 chưa đạt 50% kế hoạch do một số mặt bằng 387-389 Hai Bà Trưng Quận 3, 1557 đường 3-2 quận 11 đang tạm dừng ký kết hợp đồng cho thuê để sửa chữa, cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ trong năm; do tình hình thị trường chung và cố tức

được chia từ các doanh nghiệp cổ phần giảm do một số đơn vị cổ phần có hiệu quả kinh doanh thấp.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 94,73%, giảm 0,55% so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 4,55%, tăng 8,13% so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,72%, giảm 73,97% so với 6 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 32,85% kế hoạch, giảm 2,54% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 82,14%, tăng 2,94% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 2,39%, giảm 0,87% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 5,86%, tăng 0,423 % so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,42%, giảm 0,99% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,18%, giảm 1,508% so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,86% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (giảm 0,36%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,13% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (giảm 0,99%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 15,42% kế hoạch, tăng 10,58% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2015. Tổng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 chưa đạt 50% kế hoạch do doanh thu giảm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/ TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.694	4.085	110,58%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.300	3.320	100,61%

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	424.940	432.594	101,78%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	656.486	690.563	105,19%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	0,86%	0,94%	105,2%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,77%	0,76%	98,7%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,50%	0,48%	96%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,76 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 297.531 triệu đồng/107.727 triệu đồng): Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,39 (195.444/491.632); nằm trong giới hạn cho phép (không quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	652.908	687.077
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	276.428	297.531
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	376.480	389.546
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	42,34%	43,30%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	57,66%	56,70%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	652.908	687.077
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	213.164	195.444
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	439.744	491.633
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,65%	28,45%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,35%	71,55%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp; Trong đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 173.593 triệu đồng (44,56%), tài sản dở dang dài hạn là 87.340 triệu đồng (22,42%), tài sản cố định là 78.399 triệu đồng (20,13%),...

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước (51.889 triệu đồng, chủ yếu do thu từ bán cổ phần lần đầu khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật phẩm văn hóa Sài Gòn), chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$, Tổng Tổng công ty đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 178.335 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 03 Tổng công ty con: 50.062 triệu đồng
- Đầu tư vào 18 Tổng công ty liên kết: 105.172 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 23.101 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng công ty nhận được là 699 triệu đồng, tương đương 0,39% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty Cổ phần TT Điện ảnh SG	33.048	51,11%		3.952	4.453	29.096	45%
2	Cty Cổ phần In số 4	6.120	51%		720	1.505	5.400	45%

Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Truyền thông Điện ảnh Sài Gòn và Công ty Cổ phần In số 4 theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 834/UBND-CNN ngày 11 tháng 02 năm 2015.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7322/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013, trong giai đoạn 2013 – 2015:

+ Cùng cố toàn diện Công ty TNHH MTV Hãng phim Nguyễn Đình Chiểu (100% vốn nhà nước), sau đó tiến hành cổ phần hóa vào cuối năm 2015, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

+ Cổ phần hóa 1 công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước, nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ.

+ Giữ nguyên tỷ lệ góp vốn dưới 50% tại 9 doanh nghiệp.

+ Bán bớt vốn đã đầu tư từ 51% xuống 45% tại 2 doanh nghiệp.

+ Bán hết vốn đã đầu tư dưới 50% tại 8 doanh nghiệp.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty thực hiện thoái vốn góp đã đầu tư từ 51% xuống 45% tại 2 doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Truyền thông Điện ảnh Sài Gòn (3.952 triệu đồng) và Công ty Cổ phần In số 4 (720 triệu đồng).

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp mua tài sản cố định với nguyên giá là 38 triệu đồng (máy biến thế). Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 167.251 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 16.875 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 3.742 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu là các khoản nợ do sát nhập các doanh nghiệp về Tổng công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã đôn đốc thu hồi đối với các khách nợ.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 195.444 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 195.444 triệu đồng, nợ phải trả quá hạn là 0 đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 93.407 triệu đồng chủ yếu là bổ sung nguồn vốn để mua máy móc thiết bị ngành in và giấy in phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng công ty đang thực hiện đầu tư 5 dự án, bao gồm: 2 dự án đang chuẩn bị đầu tư, 2 dự án tạm dừng hoạt động để thay đổi đối tác mới và 1 dự án đang triển khai với tổng vốn đầu tư là 382.244 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Tổng công ty. Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 7.238 triệu đồng, đạt 32,59% kế hoạch, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm 2014 do doanh thu và lợi nhuận giảm và thuế GTGT hàng nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm 2014.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.300 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 45.523 triệu đồng

- Phát sinh tăng: 1.120 triệu đồng (lãi ngân hàng).

- Số dư cuối kỳ: 46.643 triệu đồng.

Tổng công ty đã thực hiện mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty phải thực hiện 03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ 03/03 chỉ đạo.

- Tình hình thực hiện các chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty (Tổng Công ty mẹ):

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty:

- Doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 309.737 triệu đồng, tăng 8,06% so với cùng kỳ năm trước (286.672 triệu đồng), do năm 2015 Công ty Cổ phần In số 7 đầu thầu được hợp đồng in sách giáo khoa.

- Lợi nhuận thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 12.433 triệu đồng, giảm 4,86% so với cùng kỳ năm trước (13.065 triệu đồng) do trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần In số 4 và Công ty Cổ phần Truyền thông điện ảnh Sài Gòn nên không còn khoản cổ tức được chia từ 2 doanh nghiệp này.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành; các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đạt dưới 50% kế hoạch tài chính năm 2015 do một số mặt bằng 387-389 Hai Bà Trưng Quận 3, 1557 đường 3-2 quận 11 đang tạm dừng ký kết hợp đồng cho thuê để sửa chữa, cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ trong năm; do tình hình thị trường chung và cổ tức được chia từ các doanh nghiệp cổ phần giảm do một số đơn vị cổ phần có hiệu quả kinh doanh thấp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN
- TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ Thực hiện 6 tháng đầu 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
-1	-2	-3	-4	-5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.355.382	7.315.933	4.457.478	60,93%	132,85%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.991.317		2.613.277		131,23%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.358.337		1.793.063		132,00%
3	Thu nhập khác	5.728		51.138		892,75%
II	Tổng chi phí	2.203.043	5.070.450	2.826.266	55,74%	128,29%
1	Giá vốn hàng bán	1.833.830		2.449.834		133,59%
2	Chi phí tài chính	3.676		4.793		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	2.353		4.150		176,43%
3	Chi phí bán hàng	82.186		117.894		143,45%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	283.207		220.792		77,96%
5	Chi phí khác	145		32.953		22766,45 %
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	65,66%		63,41%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	8,44%		4,95%		

IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.152.339	2.245.483	1.631.212	72,64%	141,56%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.146.755		1.613.027		140,66%
2	Lợi nhuận khác	5.583		18.185		325,69%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 60,93% so với kế hoạch, tăng 32,85% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do trong 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Công ty nhận được lợi nhuận được chia từ liên doanh bia Việt Nam 1.600 tỷ đồng (cùng kỳ năm trước Tổng Công ty nhận 1.280 tỷ đồng); số lượng chuỗi cửa hàng Satra food tăng (6 tháng đầu năm 2014: 17 cửa hàng; 6 tháng đầu năm 2015: 57 cửa hàng).

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 58,63% trên tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015, giảm 0,72% so với cùng kỳ năm trước (59,35%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 40,23% trên tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015, giảm 0,26% so với cùng kỳ năm trước (40,49%).

+ Thu nhập khác chiếm 1,15% trên tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015, tăng 0,98% so với cùng kỳ năm trước (0,17%).

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 55,74% kế hoạch, tăng 28,29% so với cùng kỳ năm trước do tăng chi phí hoạt động cho chuỗi cửa hàng tiện lợi Satra food.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 86,68% trên tổng chi phí, tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước (83,24%);

+ Chi phí tài chính chiếm 0,17% trên tổng chi phí, không tăng so với năm trước;

+ Chi phí bán hàng chiếm 4,17% trên tổng chi phí, tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước (3,73%);

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,81% trên tổng chi phí, giảm 5,04% so với cùng kỳ năm trước (12,85%);

+ Chi phí khác chiếm 1,17% trên tổng chi phí, tăng 1,16% so với cùng kỳ năm trước (0,01%).

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 63,41% tổng doanh thu thực hiện, giảm 2,25% so với cùng kỳ năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,95% tổng doanh thu thực hiện, giảm 3,49% so với năm trước. Như vậy, Tổng Công ty đã tiết giảm được chi phí quản lý.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng Công ty đạt 72,64% kế hoạch, tăng 41,56% so với cùng kỳ năm trước do doanh thu tăng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 Tháng đầu năm 2014	6 Tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015 / TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.152.339	1.631.212	141,56%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.150.172	1.616.971	140,59%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân (tính theo Đ 14, TT158)	Triệu đồng	7.124.091	7.759.948	108,93%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	10.111.483	11.811.651	116,81%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH	%	16,18%	21,02%	129,91%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (ROE)	%	16,14%	20,84%	129,12%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,37%	13,69%	120,40%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Vốn chủ sở hữu bình quân 6 tháng đầu năm 2015 tăng 8,93% so với cùng kỳ năm trước do tăng lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2015.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng Công ty là 2,65 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 8.908.581 triệu đồng/ 3.360.715 triệu đồng). Tổng Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,48 lần (=4.134.307 triệu đồng/ 8.591.207 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	10.400.955	12.725.514
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	6.817.175	8.908.581
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	3.583.780	3.816.933
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	65,54%	70,01%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34,46%	29,99%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	10.400.955	12.725.514
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	2.231.313	4.134.307
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	8.169.642	8.591.207
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,45%	32,49%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	78,55%	67,51%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ cao trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền: 8.011.871 triệu đồng (Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại).

+ Tài sản dài hạn chiếm tỷ lệ thấp trên tổng tài sản, trong đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 2.074.963 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng Công ty tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Nợ phải trả chiếm 32,49% trên tổng nguồn vốn, tăng 85,29% so với cùng kỳ năm trước (tăng 1.902.994 triệu đồng) do vay nợ ngân hàng và thuế và

các khoản phải nộp ngân sách nhà nước tăng (chủ yếu là khoản lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN tăng).

+ Vốn chủ sở hữu chiếm 67,51% trên tổng nguồn vốn, tăng 5,16% so với cùng kỳ năm trước (tăng 421.565 triệu đồng) do lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2015 cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo tính tự chủ về mặt tài chính.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng Công ty là $H = 1,05$. Tổng Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Tổng Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 2.340.548 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 14 công ty con: 753.025 triệu đồng
- Đầu tư vào 26 công ty liên doanh, liên kết: 889.487 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác vào 20 công ty: 698.036 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng Công ty nhận được trong 6 tháng đầu năm 2015 là 1.627.162 triệu đồng, chiếm 69,52% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 16.219 triệu đồng, tỷ lệ 0,69% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 10.053 triệu đồng, tỷ lệ 0,43% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 1.600.891 triệu đồng, tỷ lệ 68,40% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP TM Sài Gòn Phương Trang	37.182	100%		26.682		10.500	25%
2	Cty Liên Doanh Satra - Sokimex	1.613	50%		1.139		474	14,69%
3	Quỹ đầu tư VN	27.200	17,70%		9.920		17.280	11,24%
	Tổng cộng	65.995		-	37.741		28.254	

- Công ty TNHH MTV Satra Tiền Giang thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 5105/QĐ-UBND ngày 17/10/2014. Theo đó, công ty đổi tên thành Công ty CP Thương mại Sài Gòn Phương Trang, vốn điều lệ là 42.000 triệu đồng, tỷ lệ vốn nhà nước là 25%, tương ứng số tiền là 10.500 triệu đồng.

- Công ty Liên doanh Satra Sokimex đang thực hiện thủ tục giải thể. Ngày 31/3/2015, Tổng công ty đã thu hồi số tiền 52.908,37 USD tương ứng 1.139 triệu đồng.

- Quỹ Đầu tư Việt Nam hoàn trả một phần vốn góp là 9.920 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Tổng Công ty là 960.484 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 230.563 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 214.115 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của Tổng Công ty phát sinh từ năm 2008, chủ yếu là các khoản nợ khó đòi của Công ty TNHH Thái Nguyên 1 là 75.033 triệu đồng, Công

ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Thành Việt là 34.989 triệu đồng (đã có bản án xét xử của Tòa án) và khoản nợ khó đòi của Công ty Cofidec.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Tổng Công ty là 4.134.307 triệu đồng, trong đó nợ vay ngân hàng là 321.393 triệu đồng, thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 2.268.557 triệu đồng (chủ yếu là khoản lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN là 1.081.533 triệu đồng). Tổng Công ty không có phát sinh nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty là 321.393 triệu đồng. Đây là khoản vốn huy động tại các tổ chức tín dụng.

- Tổng Công ty huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 148.528 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 172.865 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án với tổng mức vốn đầu tư: 2.475.947 triệu đồng, trong đó có các dự án:

- Công trình Trung tâm Thương mại Bình Điền:

+ Tổng vốn đầu tư: 1.473.743 triệu đồng.

+ Tiến độ thực hiện: Đang triển khai thực hiện.

+ Thời gian hoàn thành: Năm 2018.

- Dự án: Nhà máy chế biến nông thủy sản xuất khẩu.

+ Tổng mức đầu tư: 341.000 triệu đồng.

+ Thời gian hoàn thành: quý IV/2015.

+ Tiến độ thực hiện: Đang triển khai thực hiện; giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 133.921 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty phải nộp ngân sách nhà nước là 1.213.936 triệu đồng, đạt 265,48% kế hoạch năm, tăng 2,8 lần so với cùng kỳ năm trước do Tổng Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại năm 2014 và năm 2015 theo Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 5/12/2013 của Bộ Tài chính là 1.081.533 triệu đồng (năm 2014 Công ty chưa nộp khoản lợi nhuận này).

Đến 30/6/2015, Tổng Công ty còn tồn đọng khoản phải nộp ngân sách là 2.188.796 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 94.667 triệu đồng
- Phát sinh tăng: 2.281 triệu đồng (Lãi tiền gửi ngân hàng)
- Phát sinh giảm: Không
- Số dư cuối kỳ: 96.948 triệu đồng

Tổng Công ty mở tài khoản, theo dõi riêng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN TPHCM, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện Kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Tổng công ty.
- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ 4/4 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Tổng công ty.

b. Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: Không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Kiến nghị của Thanh tra Thành phố: Không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

d. Kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: Không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng Công ty:

Tổng Công ty không nộp báo cáo tài chính hợp nhất nên không có cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tổng Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chỉ tiêu: Doanh thu đạt 60,93% kế hoạch, lợi nhuận đạt 72,64% kế hoạch, số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 265,48% kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên, Tổng Công ty cần nghiêm túc nộp Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Tổng Công ty theo quy định./.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MTV**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu 2015/ Thực hiện 6 tháng đầu 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.048.329	2.191.019	1.021.763	46,63%	97,47%
1	DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	930.635		882.918		94,87%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	111.206		134.855		121,27%
3	Thu nhập khác	6.488		3.990		61,50%
II	Tổng chi phí	668.833	929.235	639.903	68,86%	95,67%
1	Giá vốn hàng bán	569.125		544.316		95,64%
2	Chi phí tài chính	615		-1.773		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	19.622		27.219		138,72%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.962		69.819		88,42%
5	Chi phí khác	509		322		63,26%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	63,80%	42,41%	62,63%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	7,53%		6,83%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	379.496	1.261.784	381.860	30,26%	100,62%
1	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	373.517		378.192		101,25%
2	Lợi nhuận khác	5.979		3.668		61,35%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 46,63% so với kế hoạch, giảm 2,53% so với cùng kỳ năm trước do thành phố xây dựng tuyến Metro ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tại các khách sạn trung tâm thành phố của Tổng Công ty, lượng khách du lịch đăng ký phòng giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 86,41% tổng doanh thu, giảm 2,36% so với cùng kỳ năm trước (88,77%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 13,20% tổng doanh thu, tăng 2,59% so với cùng kỳ năm trước (10,61%).

+ Thu nhập khác phát sinh không đáng kể trong tổng doanh thu.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 68,86% kế hoạch, giảm 4,33% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 85,06% trên tổng chi phí, giảm 0,03% so với cùng kỳ năm trước (85,09%);

+ Chi phí tài chính giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước do hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính.

+ Chi phí bán hàng chiếm 4,25% trên tổng chi phí, tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước (2,93%).

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,91% trên tổng chi phí, giảm 0,90% so với cùng kỳ năm trước (11,81%).

+ Chi phí khác phát sinh không đáng kể trong tổng chi phí.

- Tổng chi phí năm 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 62,63% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (63,80%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,83% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (7,53%).

Như vậy, Tổng Công ty tiết kiệm được chi phí quản lý so với cùng kỳ năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 30,26% kế hoạch, tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch do thành phố xây dựng tuyến Metro ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt kinh doanh các khách sạn của Tổng Công ty: lượng khách du lịch đăng ký phòng giảm và các lợi nhuận từ các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp chủ yếu nhận vào cuối năm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng 2015/ TH 6 tháng 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	379.496	381.860	100,22%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	311.786	327.229	107,40%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	5.479.525	5.713.913	104,28%

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	7.254.782	7.485.906	105,70%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,93%	6,68%	96,07%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,69%	5,73%	103,00%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	4,30%	4,37%	101,59%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu thấp hơn so với năm trước; Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản cao hơn so với năm trước do lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 tăng cao hơn so với năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,71 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.328.874 triệu đồng/628.087 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,12 lần (= 765.862 triệu đồng /6.618.569 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	7.232.343	7.384.431
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.035.857	2.328.874
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	5.196.486	5.055.557
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	28,15%	30,89%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	71,85%	69,11%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	7.232.343	7.384.431
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	749.649	765.862
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.482.694	6.618.569
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	10,37%	12,61%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	89,63%	87,39%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (3.352.600 triệu đồng), Tài sản cố định (1.065.672 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu tăng do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,02$, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Tổng Công ty đã đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 3.457.805 triệu đồng, gồm:

- Đầu tư vào 9 Công ty con: 1.024.061 triệu đồng
- Đầu tư vào 36 Công ty liên kết, liên doanh: 1.895.731 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 538.012 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 105.231 triệu đồng, tương đương 3,04% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 1.671 triệu đồng, tỷ lệ 0,31% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 11.763 triệu đồng, tỷ lệ 0,59% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 91.797 triệu đồng, tỷ lệ 10,00% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Một số khoản cổ tức, lợi nhuận được chia theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhưng Tổng Công ty chưa thu hồi được:

DVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Số phải thu	Số đã thu	Số còn phải thu	Ghi chú
1	Công ty CP Yasaka Sài Gòn Nha Trang	21.011		21.011	Theo đề nghị sử dụng lợi nhuận chia cho các cổ đông để mua lại cổ phiếu từ cổ đông Yasaka của Công ty, HĐQT đã đồng ý phương án chậm trả lãi cho các cổ đông
2	Công ty CP Vận chuyển Saigontourist	3.129		3.129	Hiện nay, Công ty CP kinh doanh không hiệu quả nên Công ty chưa thu được cổ tức các năm trước
3	Công ty CP Eden	1.789	200	1.589	Hiện nay, Công ty CP kinh doanh không hiệu quả nên Tcty chưa thu được cổ tức các năm trước
4	Công ty CP Phát Triển Nam Sài Gòn	141		141	HĐQT của Công ty chưa quyết định thời điểm chi trả

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

- Theo Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 6638/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố và Kế hoạch thoái vốn chung của các Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước theo Đề án tái cơ cấu DNNN được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giai đoạn 2015 ban hành kèm theo Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015, Công ty phải thực hiện hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài như sau:

- + Thoái toàn bộ 100% vốn tại 28 doanh nghiệp.
- + Giữ nguyên vốn và tỷ lệ tham gia hiện hữu tại 38 doanh nghiệp.
- + Tăng tỷ lệ vốn góp tại 01 doanh nghiệp.
- + Dự án đầu tư mới: 04 doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đầu kỳ		TĂNG	GIẢM		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc	28.000	80,00%	20.000			48.000	80,00%
2	Cty CP DL DV TM Phú Thọ	8.425	34,24%	29.235			37.660	34,24%
3	Công ty CP Địa Ốc SG M&C	156.913	30,00%		156.913	156.913	-	0,00%
4	Công ty CP Vận Chuyển SGT	23.285	29,11%		23.285	11.790	-	0,00%
5	Cty CP Xuất Nhập Khẩu SGT	6.240	20,00%		6.240	13.915	-	0,00%
6	Công ty CP Gia Lai CTC	7.998	8,82%		7.998	4.813	-	0,00%
7	Công ty CP Thiết Kế Xây Dựng SGT	900	3,80%		900	630	-	0,00%
8	Công ty DL Sài Gòn Madagui	3.240	1,62%		3.240	3.240	-	0,00%
9	Công ty CP Sài Gòn Givral	1.700	2,14%		1.700	1.870	-	0,00%
10	Quỹ Đầu tư Việt Nam	27.200	2,37%		9.920	9.920	17.280	2,37%

- Tổng Công ty góp thêm vốn vào Công ty TNHH Sài Gòn Bản Giốc, Công ty CP DL DV TM Phú Thọ theo tiến độ dự án.

- Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn 100% tại Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn M&C; Công ty CP Vận Chuyển Saigontourist; Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Saigontourist; Công ty CP Gia Lai CTC; Công ty CP Thiết Kế & Xây Dựng Saigontourist; Công ty CP DL Sài Gòn Madagui; Công ty CP Sài Gòn Givral theo tiến độ thoái vốn đã được phê duyệt.

- Tổng Công ty đang thực hiện thoái vốn tại Quỹ đầu tư Việt Nam và triển khai thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp còn lại theo Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty đã được phê duyệt và tiến độ thoái vốn đầu tư tại Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm tài sản cố định: trong 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Công ty mua sắm tài sản cố định là các máy móc thiết bị với nguyên giá: 7.998 triệu đồng.

+ Trong 6 tháng đầu năm Tổng Công ty thanh lý nhượng bán tài sản cố định là: 5.172 triệu đồng.

+ Việc mua sắm và thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tổng Công ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Công nợ phải thu của Tổng Công ty đến 30/6/2015 là 199.656 triệu đồng.

Tổng số nợ phải thu khó đòi đến 30/6/2015 là 65.600 triệu đồng. Công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng đến ngày 30/6/2015 là 59.714 triệu đồng.

- Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thường xuyên theo dõi đơn đốc thu hồi nợ, đối chiếu công nợ và xác nhận nợ được thực hiện đầy đủ nhằm xác lập chứng từ pháp lý chặt chẽ, hạn chế các khoản nợ tồn đọng và giảm tuổi nợ bình quân. Tổng Công ty tích cực trong việc đơn đốc thu hồi nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, Nợ phải trả của Tổng Công ty là 765.862 triệu đồng, trong đó Nợ ngắn hạn là 628.087 triệu đồng, Nợ dài hạn là 137.774 triệu đồng. Tổng Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án có tổng mức đầu tư lớn như sau:

- Dự án Công trình mở rộng Khách sạn Continental :

+ Tổng mức đầu tư: 415.009 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động : từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

+ Tiến độ thực hiện : đang thực hiện thiết kế.

- Dự án mở rộng Khách sạn Cửu Long giai đoạn 2.

+ Tổng mức đầu tư: 1.933.707 triệu đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty và vốn vay ngân hàng.

+ Thời gian hoàn thành: tháng 10/2017

+ Tiến độ thực hiện: đang thực hiện thi công phần ngầm.

+ Đến 31/12/2014 giá trị đầu tư đã thực hiện là 330.770 triệu đồng

- Dự án công trình 135 phòng Tây KS Rex :

+ Tổng mức đầu tư 323.378 triệu đồng.

- + Nguồn vốn đầu tư: từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty.
- + Thời gian hoàn thành: 31/12/2013
- + Tiến độ thực hiện: đang thực hiện quyết toán công trình.
 - Dự án công trình Trung tâm hội nghị cao cấp Đà Nẵng (Khách sạn Saigontourane)
- + Tổng mức đầu tư 112.060 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư: 50% từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, 50% vốn vay ngân hàng.
- + Tiến độ thực hiện: đã phê duyệt dự toán khảo sát địa chất địa hình.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong dịp Tết Nguyên đán 2015, Tổng Công ty sử dụng quỹ phúc lợi chi tiền mặt cho viên chức quản lý là 113,269 triệu đồng. Tổng Công ty đã rà soát, điều chỉnh việc sử dụng quỹ phúc lợi theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là: 378.690 triệu đồng, đạt 67,98% so với kế hoạch; bằng 86,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số phát sinh phải nộp ngân sách, số phải nộp các loại thuế là 206.601 triệu đồng, nộp lợi nhuận còn lại sau khi phân phối trích lập các quỹ năm 2014 là: 172.089 triệu đồng

Đến 30/6/2015, khoản còn phải nộp ngân sách của Tổng Công ty là 198.478 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 442.943 triệu đồng
- Phát sinh tăng (lãi tiền gửi ngân hàng): 8.069 triệu đồng
- Phát sinh giảm: không
- Số dư đến 30/06/2015: 451.012 triệu đồng.

Tổng Công ty đã mở tài khoản ngân hàng riêng để theo dõi, quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện 03/03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tổng Công ty thực hiện 05/05 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến Tổng Công ty thuộc lĩnh vực tài chính.

- Tổng Công ty nộp Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2015 trễ 03 ngày so với quy định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng Công ty không nộp báo cáo hợp nhất toàn Tổng Công ty 6 tháng đầu năm 2015 nên không có cơ sở đánh giá.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty (Công ty mẹ) có doanh thu đạt 46,63% kế hoạch, lợi nhuận đạt 30,26% kế hoạch, số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 67,98% kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty sử dụng quỹ phúc lợi chi tiền mặt cho viên chức quản lý trong dịp Tết Nguyên đán. Tổng Công ty cần nghiêm túc nộp Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Tổng Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY
BẾN THÀNH – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/cùng kỳ năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	106.978	363.100	108.848	29,98%	101,75%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.018		34.906		87,23%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	64.240		72.719		113,20%
3	Thu nhập khác	2.720		1.223		44,96%
II	Tổng chi phí	57.156	204.404	5.531	2,71%	9,68%
1	Giá vốn hàng bán	16.032		16.365		102,10%
2	Chi phí tài chính	5.298		(35.440)		(668,93)%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>5.244</i>		<i>3.348</i>		<i>63,84%</i>
3	Chi phí bán hàng	50		463		926%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.750		23.654		108,75%
5	Chi phí khác	14.026		489		3,49%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	53,99%	56,29%	5,08%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	20,33%		21,73%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	49.822	158.696	103.317	65,10%	207,37%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.103		102.828		218,30%
2	Lợi nhuận khác	2.719		1.223		44,98%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 29,98% so với kế hoạch năm 2015, tăng 1,75% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu của Tổng Công ty phụ thuộc vào doanh thu bán xe ô tô nhưng do thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn với dòng xe Renault của Pháp dẫn đến doanh thu đạt thấp so với kế hoạch năm 2015. Doanh thu tăng so với cùng kỳ do Tổng Công ty tích cực thu hồi cổ tức từ doanh nghiệp có vốn đầu tư.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 32,07% trong tổng doanh thu, giảm 5,34% so với cùng kỳ năm trước (37,41%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 66,81% trong tổng doanh thu, tăng 6,77% so với cùng kỳ năm trước (60,04).

+ Thu nhập khác chiếm 1,12% trong tổng doanh thu, giảm 1,42% so với cùng kỳ năm trước (2,54%).

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ doanh thu tài chính (do nhận cổ tức từ các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty).

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 2,71% so với kế hoạch năm 2015, giảm 90,32% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do Tổng Công ty hoàn nhập dự phòng của các khoản đầu tư tài chính đã thoái vốn.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 5,08% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (48,91%).

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 21,73% tổng doanh thu thực hiện, tăng 1,40% so với cùng kỳ năm trước (20,33%). Tổng Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 65,10% kế hoạch năm 2015, tăng 107,37% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận tăng là do Tổng Công ty đã tích cực thu hồi các khoản cổ tức từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư và hoàn nhập 45.424 triệu đồng dự phòng của các khoản đầu tư tài chính đã thoái vốn.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cùng kỳ năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ cùng kỳ năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	49.822	103.317	207,37%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.822	103.317	207,37%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.738.216	1.739.289	101,84%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.451.855	2.696.713	109,99%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,87	5,94	203,48%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,87	5,94	203,48%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,03	3,83	188,67%

Qua bảng trên cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn của Tổng Công ty năm nay cao hơn năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 5,27 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.192.150 triệu đồng/226.092 triệu đồng). Tổng Công ty đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,33 lần, không vượt quá 3 lần (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cùng kỳ năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.444.946	2.898.833
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	490.098	1.192.150
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.954.848	1.706.683
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	20,05	41,13
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	79,95	58,87
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.444.946	2.898.833
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	448.772	717.826
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.996.174	2.181.007
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,34	24,76
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,66	75,24

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản mục đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

+ Tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm trong cơ cấu tổng tài sản do Tổng Công ty chuyển một số khoản đầu tư tài chính dài hạn sang ngắn hạn để thực hiện thoái vốn đầu tư.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Nợ phải trả chiếm tỷ lệ thấp trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. So với cùng kỳ năm 2014, nợ phải trả tăng 59,95% là chủ yếu do Tổng Công ty nhận khoản góp vốn của đối tác để thực hiện dự án Bình Trung Đông và dự án Cát Lái 367.642 triệu.

+ Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. So với cùng kỳ năm 2014, vốn chủ sở hữu tăng 9,26% do tăng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp thu từ tiền bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành là 267.813 triệu đồng.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,09$.
Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.680.486 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư tài chính dài hạn: 1.328.388 triệu đồng
- + Đầu tư vào 01 Công ty con: 45.007 triệu đồng
- + Đầu tư vào 26 Công ty liên kết: 991.146 triệu đồng
- + Đầu tư vào 6 Công ty liên doanh: 288.770 triệu đồng
- + Đầu tư tài chính khác: 3.465 triệu đồng
- Đầu tư tài chính ngắn hạn: 352.098 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng Công ty nhận được là 57.902 triệu đồng, tương đương 3,45% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 17.256 triệu đồng, tỷ lệ 1,03% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 3.240 triệu đồng, tỷ lệ 0,19% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 37.406 triệu đồng, tỷ lệ 2,23% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Một số doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận:

- Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành, Công ty SX và TM XNK Như Ngọc: Lợi nhuận của năm 2014 sẽ được chia lãi trong 6 tháng cuối năm 2015.

- Công ty CP Bến Thành – Mũi Né, Công ty CP Du lịch Huế, Công ty CP Bến Thành – Long Hải, Công ty TNHH Chợ Cửa Khẩu Mộc Bài, Công ty CP Sài Gòn – Đà Lạt, Công ty CP Du lịch Daklak: Doanh nghiệp đang trong giai đoạn mới đầu tư, còn lỗ lũy kế.

- Công ty TNHH Nhôm Định hình Sapa – Bến Thành, Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình: Giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách (tr.đ)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm (tr.đ)	Giá trị hạch toán trên sổ sách (tr.đ)	Giá trị chuyển nhượng (tr.đ)	Giá trị đầu tư theo sổ sách (tr.đ)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty TNHH MTV DVDL Bến Thành	264.548	100		142.048	142.048	122.500	49,00
2	Cty CP XNK Giày dép Nam Á	4.670	58,38	1.214			5.884	49,04
3	Cty CP Cơ khí Tân Bình	12.000	34,29		12.000	12.000	0	0
4	Cty CP TM&CN Lidovit	14.010	29,80	3.503			17.513	29,80
5	Cty TNHH Bến Thành – Sao Thủy	0	0	146.720			146.720	28,00
6	Cty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ	0	0	3.465			3.465	3,96
7	Cty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành	139.284	100		94.277		45.007	100

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành: đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 30/01/2015 và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 03/03/2015 với tên Công ty CP Dịch vụ Du lịch Bến Thành. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại đây giảm xuống còn 49,00%.

- Công ty CP XNK Giày dép Nam Á, Công ty CP TM&CN Lidovit: Tổng Công ty mua cổ phần theo phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ theo quy định.

- Công ty TNHH Bến Thành – Sao Thủy, Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ: Tổng Công ty nhận chuyển giao khoản đầu tư dài hạn khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành.

- Công ty CP Cơ khí Tân Bình: thực hiện thoái vốn theo đề án tái cơ cấu.

- Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành: doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo quy định.

a.4 Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 7435/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và kế hoạch thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015 được quy định tại Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015, Theo đó:

+ Thực hiện cổ phần hóa 02 Công ty do Công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành).

+ Giữ nguyên tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ dưới 50% tại 27 doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần chuyển thể từ DNNN là 10 doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần do Tổng công ty tự đầu tư là 17 doanh nghiệp

+ Giảm tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Tổng Công ty đang nắm giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ tại 03 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại 12 doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

+ Tổng Công ty đã thoái 100% vốn đầu tư tại Công ty CP Chứng khoán Phương Đông trong năm 2013, Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Thạnh và Công ty CP Địa ốc Bến Thành trong năm 2014, Công ty CP Dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn và Công ty CP Cơ khí Tân Bình trong 06 tháng đầu năm 2015.

Tổng Công ty thực hiện thoái vốn theo tiến độ đã cam kết với Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 3280/UBND-CNN ngày 11/7/2014 và đang thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp trong năm 2015 theo Công văn 1118/UBND-CNN ngày 03/5/2015 về kế hoạch thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước năm 2015.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty không có thanh lý tài sản.

+ Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 196.308 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 717.827 triệu đồng và không có nợ quá hạn thanh toán. Chủ yếu nợ phải trả là phải trả cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành 89.397 triệu; khoản góp vốn của đối tác dự án Bình Trưng Đông và dự án Cát Lái 367.642 triệu.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty 86.164 triệu đồng, trong đó: Vay của các tổ chức tín dụng: 86.164 triệu đồng.

- Tổng Công ty huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 86.164 triệu đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty không bảo lãnh và hỗ trợ cho vay vốn các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng.

ST T	Dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Nguồn vốn huy động	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện
1	Khu dân cư đô thị Cát Lái, Quận 2	3.127.634		Tổng Công ty đang bổ sung giấy phép đầu tư	Đang triển khai dự án, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 307.898 trđ.
2	Bến Thành – Hồ Tràm	800.000	352.000	Thời gian thực hiện từ năm 2013 - 2018	Triển khai xây dựng hạng mục tường rào trong năm 2014, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 25.764 trđ.
3	Khu dân cư Bình Trưng Đông – Cát Lái	1.356.706	133.471	Khu B 2 năm, Khu C 2 năm và Khu D chưa có thời gian cụ thể	Đang thực hiện 3 khu B,C,D; giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 122.558 trđ.
4	Khu nhà công nhân và chuyên gia tại Tân Đông Hiệp, Dĩ An-Bình Dương	105.490	85.490	Triển khai trong năm 2015	Trễ tiến độ, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 2.460 trđ.
5	104 Nguyễn Văn Cừ	67.829	5.811	Triển khai trong năm 2013	Tổng Công ty đang bổ sung giấy phép xây dựng, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 365 trđ.
6	21-23-27 Tôn Thất Thiệp	128.955	64.478	Triển khai trong năm 2013	Tổng Công ty đang bổ sung giấy phép xây dựng, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 330 trđ.
7	71-79 Đồng Khởi	73.000	29.000	2 năm	Trễ tiến độ, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 294 trđ.
8	233 Bến Chương Dương	11.101	3.800	Triển khai trong năm 2013	Tổng Công ty đang bổ sung giấy phép xây dựng, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 300 trđ.
9	50/12 Bến Chương Dương	2.954		Triển khai trong năm 2013	Tổng Công ty đang bổ sung giấy phép xây dựng, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 365 trđ.
10	93 Ba Cu	9.027		1 năm	Trễ tiến độ, giá trị đầu tư đến 30/6/2015 là 95 trđ.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 92.104 triệu đồng đạt 96,95% kế hoạch, tăng 79,29% so với cùng kỳ năm trước; do 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Công ty nộp 87.853 triệu đồng lợi nhuận còn lại của năm 2014 và tạm nộp lợi nhuận quý I năm 2015. Đến 30/6/2015, Tổng Công ty không tồn đọng khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty:

+ Số dư đầu kỳ là: 32.127 triệu đồng.

+ Phát sinh tăng trong kỳ: 268.187 triệu đồng.

(Phát sinh tăng do thu tiền bán cổ phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành là 267.813 triệu đồng và lãi tiền gửi là 374 triệu đồng).

+ Số dư cuối kỳ là: 300.315 triệu đồng.

Tổng Công ty đã mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và thực hiện quản lý Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ 2/3 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

Tổng Công ty thực hiện chưa đầy đủ 01/3 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: Tổng Công ty chưa ban hành ban hành quy chế tài chính đối với công ty con (Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành). Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành đang thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 15/5/2015.

- Tổng Công ty thực hiện 11/11 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Tổng Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Thành phố: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng Công ty Bến Thành (bao gồm Tổng Công ty Bến Thành và 02 đơn vị thành viên), kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty như sau: Tổng doanh thu đạt 131.098 triệu đồng, giảm 53,86% so với cùng kỳ năm trước; Tổng lợi nhuận đạt 163.159 triệu đồng, tăng 20,97% so với cùng kỳ năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty Bến Thành đã thực hiện kế hoạch đối với các chỉ tiêu tài chính như sau: doanh thu đạt 29,98% kế hoạch, lợi nhuận đạt 65,10% kế hoạch và các khoản phải nộp ngân sách đạt 96,95% kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng Công ty chấp hành tương đối đầy đủ và kịp thời một chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT MAY GIA ĐỊNH

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2014 của UBND TP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015	Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	49.897	135.372	68.348	50,5%	137,0%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.728	108.382	40.069	37,0%	103,5%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.712	9.990	9.080	90,9%	117,7%
3	Thu nhập khác	3.457	17.000	19.199	112,9%	555,4%
II	Tổng chi phí	45.595	127.939	66.849	52,3%	146,6%
1	Giá vốn hàng bán	31.129	92.121	34.609	37,6%	111,2%
2	Chi phí tài chính	267	1.000	526	52,6%	197,0%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	1.830	3.600	1.500	41,7%	82,0%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.448	16.218	12.113	74,7%	105,8%
5	Chi phí khác	921	15.000	18.101	120,7%	1965,4%
III	Tổng chi phí/tổng doanh thu (%)	91,4%	94,5%	97,8%	103,5%	107,0%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	22,9%	12,0%	17,7%	147,9%	77,2%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.302	7.433	1.499	20,2%	34,8%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.766	5.433	401	7,4%	22,7%
2	Lợi nhuận khác	2.536	2.000	1.098	54,9%	43,3%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 50,5% so với kế hoạch, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 58,62%, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 13,28% tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu hoạt động tài chính tăng do tỷ lệ chia cổ tức của Công ty cổ phần Garmex và Công ty CP Legamex tăng.

+ Thu nhập khác chiếm 28,09%, tăng 455,4% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập khác tăng so với cùng kỳ năm trước do trong năm Công ty chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại 42-46 Mạc Vân Quận 8 là 7.380 triệu đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực 6 tháng đầu năm 2015 bằng 52,3% kế hoạch, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước do có khoản nộp ngân sách khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 42-46 Mạc Vân.

- Cơ cấu chi phí như sau:

- + Giá vốn hàng bán chiếm 51,77 %, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014;
- + Chi phí tài chính chiếm 0,79 %, tăng 97% so với cùng kỳ năm 2014;
- + Chi phí bán hàng chiếm 2,24 %, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2014;
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 18,12% tăng 5,8 % so với cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 25,95 %, tăng 89,2% so với cùng kỳ năm 2014. Do nộp ngân sách khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 42-46 Mạc Vân.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 97,8% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với cùng kỳ năm 2014 (91,4%). Công ty chưa tiết giảm được chi phí trong 6 tháng đầu năm 2015.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 17,7% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với cùng kỳ năm trước (22,9%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 20,2% kế hoạch, giảm 65,2% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động kinh doanh là 401 triệu đồng. Do trong năm Công ty tăng chi phí khấu hao khi đưa vào hoạt động mới Xí nghiệp may Lũy Bán Bích.

+ Hoạt động kinh doanh khác là 1.098 triệu đồng giảm so với cùng kỳ năm 2014, do trong năm nay Công ty không có khoản tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Trảng Bàng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.302	1.499	34,84%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.302	1.499	34,84%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	378.882	401.837	106,06%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	644.229	662.855	102,89%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,14%	0,37%	32,85%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,14%	0,37%	32,85%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,67%	0,23%	33,87%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 0,6 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 135.211 triệu đồng/224.295 triệu đồng) <1. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,6 (248.848 triệu đồng/413.762 triệu đồng) nằm trong giới hạn quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	644.229	662.855
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	102.525	135.211
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	541.704	527.644
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>15,9%</i>	<i>20,4%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>84,1%</i>	<i>79,6%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	644.229	662.855
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	240.177	248.848
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	404.052	414.007
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>37,3%</i>	<i>37,5%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>62,7%</i>	<i>62,5%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản mục tài sản vô hình 160.650 triệu đồng; các khoản đầu tư tài chính dài hạn 303.438 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước do có khoản lợi nhuận chưa phân phối tăng.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Công ty là $H = 1,02$ (413.762 triệu đồng / 403.806 triệu đồng) doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 319.542 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty con: 127.033 triệu đồng.

- Đầu tư vào 06 Công ty liên kết: 104.416 triệu đồng.

- Đầu tư dài hạn khác: 88.093 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 8.150 triệu đồng, tương đương 2,6% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 5.991 triệu đồng, tỷ lệ 2,9% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 0 triệu đồng, tỷ lệ 0% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 2.159 triệu đồng, tỷ lệ 9,7% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức được chia nhưng chưa nhận: 11.209 triệu đồng (tại Công ty liên doanh Dệt Sài Gòn-Joubo là 11.209 triệu đồng).

- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Bông Bạch Tuyết trị giá: 20.520 triệu đồng, đến ngày 31/12/2014 vốn chủ sở hữu của Công ty BBT đã bị âm (-) 24.427 triệu đồng nhưng Công ty chỉ mới trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trị giá 9.439 triệu đồng. Như vậy, nếu thực hiện theo hướng dẫn qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thì Công ty cần phải trích lập dự phòng bổ sung 11.081 triệu đồng.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Tháng 03/2015, Công ty thực hiện mua thêm 38.306 cổ phần của Công ty cổ phần Đay Indira Gandhi tương đương 3.831 triệu đồng; Theo đó, vốn đầu tư tăng từ 4.788 triệu đồng lên 6.819 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 25,2% vốn công ty cổ phần). Do Công ty cổ phần Đay Indira Gandhi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tăng trong 6 tháng đầu năm 2015 của công ty là 4.275 triệu đồng. Do tăng tài sản đầu tư xây dựng trung tâm thời trang tại 527 Âu Cơ, Quận Tân Bình.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 65.813 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 9.175 triệu đồng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 450 triệu đồng.

Công nợ khó đòi chủ yếu là các khoản Công ty Bông Bạch Tuyết 9.157 triệu đồng phát sinh từ năm 2000. Trong năm 2014 Công ty không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Công ty chưa có biện pháp xử lý công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của chủ yếu là các khoản Công ty Bông Bạch Tuyết 9.157 triệu đồng là 248.848 triệu đồng, trong đó có khoản vay Ngân sách nhà nước từ năm 1986 thông qua Ngân hàng Đầu tư Phát triển Tp.HCM mà Công ty nhận bàn giao của Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt Hồng Gấm là 1.064 triệu đồng.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Đến 30/6/2015, Công ty đang thực hiện những dự án sau:

1. Dự án 102-104 Lý Tự Trọng:

- Dự án được Ủy ban nhân dân chấp thuận cho Công ty thực hiện dự án trung tâm thời trang. Công ty đã ký Hợp đồng số 09/09-2009/HĐ-GMGĐ-KT ngày 09/9/2009 cho Công ty Khang Thông thuê công trình (khi chưa có công trình) thời hạn cho thuê 25 năm, đơn giá cho thuê 1.234 triệu đồng/năm và lợi nhuận sau thuế 22% từ năm thứ 6 trở đi, theo đó đơn vị giao cho Công ty Khang Thông tổ chức thực hiện dự án bằng vốn của Công ty Khang Thông nhưng dưới danh nghĩa Công ty Dệt may Gia Định. Dự án đang chờ nghiệm thu bàn giao.

- Tổng mức đầu tư: 19.635 triệu đồng.

- Giá trị thực hiện hạch toán đến 30/6/2015: 12.736 triệu đồng.

2. Dự án 354 Bến chương Dương, Quận 1:

Công ty ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2010/HĐ-GMGD-GĐI ngày 26/08/2010 giữa Công ty Dệt May Gia Định và Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định thực hiện dự án Trung tâm thương mại, giá trị quyền tài sản đánh giá lại là 38.000 triệu đồng. Công ty đang tiến hành thanh lý hợp đồng với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định.

3. Dự án số 7 Trường Chinh. Công ty đang trình Ủy ban nhân dân thành phố được tiếp tục thực hiện dự án.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện nộp ngân sách nhà nước kịp thời.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 41,7% kế hoạch, giảm 48,2% so với cùng kỳ năm trước. Do trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có khoản nộp thuế vãng lai tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Trảng Bàng.

Đến cuối năm 2014, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 9.568 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Đầu kỳ: 3.972 triệu đồng
- Tăng trong kỳ: 66 triệu đồng (lãi tiền gửi của quỹ)
- Giảm trong kỳ: 0
- Cuối kỳ: 4.039 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1 Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 3/3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ 3/3 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ 02/02 chỉ đạo cụ thể, như sau:

- Công văn số 1021/UBND-VX ngày 2/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cử nhân sự làm đại diện phần vốn thuộc sở hữu Nhà nước tại Công ty CP May Sài Gòn 3.

- Thông báo số 283/TB-VB ngày 04/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kết luận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng quận đã chủ trì cuộc họp nghe báo cáo tình hình hoạt động của Công ty may Sài Gòn 3.

a.3. Nhận xét tình hình chấp hành nộp các báo cáo theo quy định: Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các báo cáo, đúng thời gian quy định. Tuy nhiên đôi khi số liệu, phân tích còn phải điều chỉnh, bổ sung.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty như sau:

- Tổng doanh thu giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước (184.946 triệu đồng/194.857 triệu đồng).

- Lợi nhuận giảm 72,3% so với cùng kỳ năm trước (2.360 triệu đồng /9.548 triệu đồng).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định đạt dưới 50% kế hoạch năm về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số nộp ngân sách.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	152.616	285.862	205.601	71,92%	134,72%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.502		192.953		134,46%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.134		10.104		141,63%
3	Thu nhập khác	1.980		2.544		128,48%
II	Tổng chi phí	148.591	261.063	199.687	76,49%	134,39%
1	Giá vốn hàng bán	137.073		184.609		134,68%
2	Chi phí tài chính	8		37		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			28		
3	Chi phí bán hàng	2.564		4.185		163,22%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.811		10.498		119,15%
5	Chi phí khác	135		358		265,19%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,36%	91,32%	97,12%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,77%		5,11%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.025	24.799	5.914	23,85%	146,93%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.179		3.729		171,13%
2	Lợi nhuận khác	1.846		2.185		118,36%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 71,92% so với kế hoạch, tăng 34,72% so với cùng kỳ năm 2014, do Công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh làm Nhà phân phối hàng hóa, sản phẩm một số nhãn hàng có thương hiệu trên thị trường, như sản phẩm của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 93,85% tổng doanh thu, tăng 0,18% so với cùng kỳ năm 2014 (94,03%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 4,91% tổng doanh thu, tăng 0,24% so với cùng kỳ năm 2014 (4,67%).

+ Thu nhập khác chiếm 1,24% tổng doanh thu, giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2014 (1,29%).

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 chủ yếu từ hoạt động chính là bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 76,49% kế hoạch, tăng 34,39% so với cùng kỳ năm 2014, chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng tương ứng với doanh thu.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92,45% tổng chi phí, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2014 (92,25%);

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,09% tổng chi phí, tăng 0,36% so với cùng kỳ năm 2014 (1,73%);

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,26% tổng chi phí, giảm 0,67% so với cùng kỳ năm 2014 (5,93%);

+ Chi phí tài chính, chi phí khác phát sinh không đáng kể trong cơ cấu chi phí.

- Tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 97,12% tổng doanh thu thực hiện, giảm 0,24% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chiếm 5,11% tổng doanh thu thực hiện, giảm 0,66% so với cùng kỳ năm 2014 (5,77%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 23,85% kế hoạch, tăng 46,93% so với cùng kỳ năm 2014 do mở rộng hoạt động kinh doanh làm nhà phân phối hàng hóa, sản phẩm của một số nhãn hàng có thương hiệu trên thị trường.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.025	5.914	146,93%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.025	5.914	146,93%
Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	204.345	210.2	102,87%
Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	276.173	286.143	103,61%
Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1.97%	2.81%	142,84%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1.97%	2.81%	142,84%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1.46%	2.07%	141,81%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng năm 2015 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 5,6 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 150.103 triệu đồng / 26.953 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 là 0,36; nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	276.173	286.449
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	86.344	150.103
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	189.829	136.346

3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31,26%	52,4%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	68,74%	47,6%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	276.173	286.449
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	71.828	75.151
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	204.345	211.298
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	26,0%	26,23%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,0%	73,76%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản mục: Tiền là 52.888 triệu đồng và các khoản đầu tư tài chính vào Công ty liên kết là 53.842 triệu đồng.

+ So với cùng kỳ năm trước, cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty có sự dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn do khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết giảm.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (26,23%) trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (73,76%) trong tổng nguồn vốn của Công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng năm 2015 của Công ty là $H = 1,02$ Công ty đã bảo toàn, phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, Công ty đã đầu tư ra ngoài với tổng số tiền 137.817 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 01 Công ty con : 36.433 triệu đồng
- Đầu tư vào 05 Công ty liên kết : 53.842 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác : 47.542 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 9.611 triệu đồng, tương đương 6,97% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 989 triệu đồng, tỷ lệ 0,72% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty con KCN Vĩnh Lộc: 4.000 triệu đồng, tỷ lệ 2,90% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư dài hạn khác: 4.622 triệu đồng, tỷ lệ 3,35% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Các công ty sau đây không chia cổ tức, lợi nhuận do hoạt động không hiệu quả: Công ty CP May Cholimex, Công ty CP Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức, Công ty CP Thương mại Đầu tư Việt Sô, Công ty CP Thương mại Du lịch Mimoza Xanh.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty không phát sinh việc tăng, giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có đầu tư, mua sắm tài sản.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thanh lý 1 xe nâng hàng có giá trị còn lại là 53 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 35.122 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 19.398 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 9.287 triệu đồng.

+ Trong tổng số nợ 25.835 triệu đồng, có những khoản công nợ giai đoạn II của Xí nghiệp chế biến Thực phẩm, nợ của các đơn vị trực thuộc cổ phần hóa giai đoạn trước 2006 chuyển về Công ty (tổng số tiền 2.976 triệu đồng). Ngày 14 tháng 4 năm 2015 Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 2027/UBND-CNN kiến nghị Bộ Tài chính về việc đề nghị cho Công ty được xử lý đối với khoản nợ 2.976 triệu đồng nêu trên từ nguồn quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi do Công ty đã trích lập để phục vụ công tác cổ phần hoá Công ty Cholimex.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 75.151 triệu đồng, trong đó nợ dài hạn 49.674 triệu đồng phải trả cho Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc (Công ty con do Công ty Cholimex sở hữu 100% vốn điều lệ).

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không phát sinh khoản vay nợ ngắn hạn, dài hạn. Hoạt động kinh doanh chủ yếu là dựa trên vốn tự có của Công ty.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 3.149 triệu đồng, đạt 67% kế hoạch năm 2015, giảm 19,15% so với cùng kỳ năm trước do trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty nộp lợi nhuận còn lại năm 2013 và quý 1 năm 2014 theo thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 là 2.407 triệu đồng (khoản lợi nhuận còn lại 6 tháng đầu năm 2015 nộp ngân sách là 2.057 triệu đồng).

Đến 30/6/2015, Công ty không tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty: Số dư cuối kỳ 6.306 triệu đồng, số tiền lãi phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2015 là: 64 triệu đồng. Số tiền trên Công ty mở tài khoản theo dõi riêng và hạch toán đầy đủ các khoản lãi tiền gửi phát sinh của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Công ty đã thực hiện đúng theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài Chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện Kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện đầy đủ 03/03 nội dung chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố không có chỉ đạo cụ thể đối với Công ty.

- Công ty nộp báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm 2015 trễ 06 ngày so với quy định và trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chưa thực hiện đầy đủ về việc gửi

báo cáo sản xuất kinh doanh hàng tháng theo quy định về Chi cục Tài chính doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

- b. Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có kiến nghị đối với Công ty.
- c. Kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có kiến nghị đối với Công ty.
- d. Kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: Không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Công ty không gửi báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 nên không có cơ sở để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 các chỉ tiêu doanh thu và ngân sách của doanh nghiệp đạt trên 50% kế hoạch năm (doanh thu đạt 71,92%, số phải nộp ngân sách đạt 67%), riêng lợi nhuận đạt 23,85 %.

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty thực hiện tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty nộp báo cáo giám sát trễ, không nộp báo cáo sản xuất kinh doanh tháng theo quy định. Công ty cần nghiêm túc thực hiện việc nộp giám sát tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, báo cáo tài chính hợp nhất của toàn công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát theo quy định.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN - SJC**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng 2015/ 2014
			Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.225.604	17.517.500	7.639.281	43,61%	92,87%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.201.398		7.545.122		92,00%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	23.179		93.520		403,47%
3	Thu nhập khác	1.027		639		62,22%
II	Tổng chi phí	8.180.559	17.418.500	7.589.769	43,57%	92,78%
1	Giá vốn hàng bán	8.120.517		7.497.212		92,32%
2	Chi phí tài chính	104		668		642,31%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	104		56		53,85%
3	Chi phí bán hàng	19.098		35.191		184,27%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.800		56.525		138,54%
5	Chi phí khác	40		173		432,50%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,45%	99,43%	99,35%		
	<i>Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)</i>	0,50%		0,74%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	45.044	99.000	49.512	50,01%	109,92%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.057		49.046		111,32%
2	Lợi nhuận khác	987		466		47,21%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 43,61% so với kế hoạch, giảm 7,13% so với thực hiện năm 2014 do giá vàng giảm.
- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,77% tổng doanh thu, giảm 0,94% so với cùng kỳ năm 2014 (99,71%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,23% tổng doanh thu, tăng 0,94% so với cùng kỳ năm 2014 (0,28%).

+ Thu nhập khác chiếm tỷ lệ không đáng kể trên tổng doanh thu (0,01%).

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 43,57% so với kế hoạch, giảm 7,22% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 98,78% tổng chi phí, giảm 0,49% so với cùng kỳ năm 2014 (99,27%).

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,46% tổng chi phí, tăng 0,23% so với cùng kỳ năm 2014 (0,23%).

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 0,74% tổng chi phí, tăng 0,24% so với cùng kỳ năm 2014 (0,5%).

+ Chi phí tài chính, chi phí khác chiếm không đáng kể trong tổng chi phí (0,01%).

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 99,35% tổng doanh thu thực hiện. Công ty SJC đang tập trung phát triển hoạt động kinh doanh vàng nữ trang (tăng số lượng thợ sản xuất nữ trang, thuê mặt bằng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ...) để dần thay thế mặt hàng vàng miếng SJC.

+ Chi phí quản lý chiếm 0,74% tổng doanh thu, tăng 0,24% so với cùng kỳ năm 2014 (0,5%). Công ty chưa tiết kiệm được chi phí quản lý so với năm 2014 do mở rộng mạng lưới kinh doanh vàng nữ trang.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu 2015 đạt 50,01% kế hoạch, tăng 9,92% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vàng nữ trang tăng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2014	TH 6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.044	49.512	109,92%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	37.806	38.619	102,15%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.227.208	1.403.000	114,32%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.768.107	1.773.136	100,28%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	3,67%	3,53%	96,15%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,08%	2,75%	89,35%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,14%	2,18%	101,86%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 10,5 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.278.110 triệu đồng/121.932 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,09 lần (=143.136 triệu đồng/1.653.841 triệu đồng) nằm trong giới hạn cho phép, không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.731.243	1.796.977
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	951.478	1.278.110
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	779.765	518.867
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54,96%	71,13%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,04%	28,87%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.731.243	1.796.977
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	112.718	143.136
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.618.525	1.653.841
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	6,51%	7,97%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	93,49%	92,03%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (717.260 triệu đồng).

+ So với 6 tháng đầu năm 2014, cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty SJC có sự dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn do Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư theo Đề án tái cơ cấu.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,17$. Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 439.693 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 05 Công ty con: 37.734 triệu đồng
- Đầu tư vào 08 Công ty liên kết: 265.771 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 136.188 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty chỉ nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết là 157 triệu đồng, tương đương 0,04% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Các doanh nghiệp khác không chia cổ tức, lợi nhuận:

STT	Tên doanh nghiệp	Lý do
1	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Minh Khai	DN kinh doanh lỗ
2	Công ty cổ phần Kim hoàn Sài Gòn SJC	DN kinh doanh lỗ
3	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Cần Thơ	DN kinh doanh lỗ
4	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Chợ Lớn	DN phá sản
5	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Bàn Cờ	DN kinh doanh lỗ
6	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Khánh Hội	DN kinh doanh lỗ
7	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Đà Nẵng	DN kinh doanh lỗ
8	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Phú Thọ	DN kinh doanh lỗ
9	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Hà Nội	DN kinh doanh lỗ
10	Công ty cổ phần Sài Gòn Kim Cương (Tháp SJC)	DN chưa hoạt động
11	Công ty cổ phần Thương mại Quốc Tế - ITC	DN kinh doanh lỗ
12	Công ty cổ phần Xây dựng và Trang trí nội thất CDF	DN chờ giải thể
13	Công ty liên doanh Băng từ Sài Gòn Saindes	DN chờ giải thể
14	Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	DN kinh doanh lỗ
15	Công ty CP Đầu tư và bất động sản Sài Gòn Châu Á	DN kinh doanh lỗ
16	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	DN kinh doanh lỗ
17	Công ty CP Thương mại Địa Ốc Việt	DN kinh doanh lỗ
18	Công ty CP Du lịch Thương mại Đại Cát Hoàng Long	DN kinh doanh lỗ
19	Công ty cổ phần Trường Lưu Thủy	DN kinh doanh lỗ

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty SJC đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP VBĐQ SJC Hà Nội	3.733	11,67%		2.566	2.566	1.167	11,67%
2	Ngân hàng TMCP Á Châu – ACB	9.468	0,32%		9.468	15.506	0	0
3	Cty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	3.600	9%		3.600	3.600	0	0
4	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – EIB	256.200	2,07%		256.200	340.747	0	0

- Công ty SJC đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 6066/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2013 và kế hoạch thoái vốn theo Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05 tháng 3 năm 2015. Theo đó:

+ Thoái vốn tại các doanh nghiệp Công ty mẹ đang nắm giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ (bán bớt): 05 doanh nghiệp.

+ Thoái 100% vốn góp của Công ty mẹ (bán hết): 15 doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty thoái vốn 100% tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – EIB, Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long và Ngân hàng TMCP Á Châu – ACB.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm tài sản thực hiện theo quy định của nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có đầu tư mua sắm máy móc thiết bị sản xuất là 1.156 triệu đồng.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

+ Đến thời điểm 30/6/2015 Công ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 65.944 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 143.136 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 8.971 triệu đồng trong đó:

+ Vay của Công đoàn công ty SJC: 1.300 triệu đồng.

+ Vay của cá nhân: 7.671 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty mẹ không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện Dự án Trung tâm kinh doanh Vàng bạc đá quý và văn phòng làm việc 418-420 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 45.547 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có.

+ Tiến độ thực hiện: Tháng 7/2014 nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện kiểm toán và phê duyệt quyết toán công trình.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có số phát sinh nợ ngân sách là 37.882 triệu đồng, đạt 94,7% kế hoạch, giảm 60,36% so với cùng kỳ năm 2014. Số phát sinh nợ ngân sách đạt cao so với kế hoạch do trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty nộp lợi nhuận còn lại của quý IV năm 2014 và quý I, quý II năm 2015; số phát sinh nợ ngân sách giảm so với cùng kỳ do thuế giá trị gia tăng giảm.

Đến 30/6/2015, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nợ ngân sách là 7.313 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đến thời điểm 30/6/2015, Công ty không có số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty thực hiện đầy đủ 03/03 nội dung chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố không có chỉ đạo cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính đối với Công ty.

b. Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: Không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Công ty SJC không nộp Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 nên không có cơ sở để đánh giá.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty SJC thực hiện các chỉ tiêu: doanh thu đạt 43,61% kế hoạch, lợi nhuận đạt 50,01% kế hoạch, số phát sinh phải nợ ngân sách đạt 94,7% kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty SJC đã chấp hành đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên Công ty cần nghiêm túc nộp Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu 2015/ Thực hiện 6 tháng đầu 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	65.531	1.854.432	378.507	20,41%	577,60%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.248		34.854		376,88%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	56.015		343.306		612,88%
3	Thu nhập khác	268		347		129,48%
II	Tổng chi phí	21.787	96.079	37.729	39,27%	173,17%
1	Giá vốn hàng bán	1.049		22.437		2138,89%
2	Chi phí tài chính	991		932		94,05%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			712		
3	Chi phí bán hàng	7.945		3.766		47,40%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.796		10.349		87,73%
5	Chi phí khác	6		245		4083,33%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	33,25%	5,18%	9,97%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	18,00%		2,73%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.744	1.758.353	340.778	19,38%	779,03%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.482		340.676		783,49%
2	Lợi nhuận khác	262		102		38,93%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 20,41% so với kế hoạch, gấp 4,7 lần so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu doanh thu đạt thấp so với kế hoạch do Công ty chưa thu được lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng đã tính vào Kế hoạch tài chính năm 2015 (khoảng 1.444 tỷ đồng).

Chỉ tiêu doanh thu đạt cao so với cùng kỳ do trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty nhận một phần lợi nhuận năm 2010 được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ

Hung (193 tỷ đồng) và khoản thu từ thoái vốn đầu tư (84 tỷ đồng), quỹ đầu tư phát triển từ công ty con chuyển về (35 tỷ đồng) và chuyển nhượng dự án bất động sản An Phú Tây.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 9,21% tổng doanh thu, giảm 4,90% so với cùng kỳ năm trước (14,11%).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 90,70% tổng doanh thu, tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước (85,48%).

+ Thu nhập khác phát sinh không đáng kể trong tổng doanh thu.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động từ nguồn doanh thu hoạt động tài chính.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 39,27% kế hoạch, tăng 73,17% so với cùng kỳ năm trước do giá vốn hàng bán tăng vì trong kỳ Công ty chuyển nhượng dự án bất động sản An Phú Tây.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 59,47% trên tổng chi phí, tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước do trong kỳ Công ty chuyển nhượng dự án bất động sản.

+ Chi phí tài chính chiếm 2,47% trên tổng chi phí, giảm 2,08% so với cùng kỳ năm trước (4,55%).

+ Chi phí bán hàng chiếm 9,98% trên tổng chi phí, giảm 26,49% so với cùng kỳ năm trước (36,47%).

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 27,43% trên tổng chi phí, giảm 26,71% so với cùng kỳ năm trước (54,14%).

+ Chi phí khác không đáng kể so với tổng chi phí.

- Tổng chi phí năm 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 9,97% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (37,82%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 2,73% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (18,00%). Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty tiết kiệm được chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 19,38% kế hoạch, tăng 6,7 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch do Công ty chưa thu được lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng đã tính vào Kế hoạch tài chính năm 2015 (khoảng 1.444 tỷ đồng). Chỉ tiêu lợi nhuận đạt cao so với cùng kỳ do trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty nhận một phần lợi nhuận năm 2010 được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng, khoản thu từ thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và quỹ đầu tư phát triển từ Công ty con chuyển về.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

DVT: triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu 2015/ Thực hiện 6 tháng đầu 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	43.744	340.778	779,03%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	43.744	320.261	732,13%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	3.255.233	3.707.335	113,89%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	4.729.251	5.333.156	112,77%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,34%	9,19%	685,82%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	1,34%	8,64%	644,78%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,92%	6,01%	653,26%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm trước (do lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 cao hơn so với cùng kỳ năm trước).

Vốn chủ sở hữu tăng do Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014.

Tổng tài sản tăng chủ yếu do tiền gửi ngân hàng tăng (khoảng 300 tỷ đồng), khoản phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước tăng (khoảng 200 tỷ đồng).

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,75 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 934.095 triệu đồng/339.387 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,09 lần (= 431.412 triệu đồng /4.901.744 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	4.780.972	5.333.156
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	802.335	934.095
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	3.978.637	4.399.061
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	16,78%	17,51%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	83,22%	82,49%

II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	4.780.972	5.333.156
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.337.148	431.412
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	3.443.824	4.901.744
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,97%	8,09%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,03%	91,91%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là tài sản cơ bản dở dang dài hạn (2.037.326 triệu đồng), đầu tư tài chính dài hạn (1.755.574 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước (do hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng phải trả dài hạn chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng Công ty trích lập từ lợi nhuận được chia từ của Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng các năm trước), chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng đột biến, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,42$. Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.779.442 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty con: 701.139 triệu đồng
- Đầu tư vào 06 Công ty liên kết, liên doanh: 907.270 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 171.033 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 216.890 triệu đồng, tương đương 12,19% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 1.851 triệu đồng, tỷ lệ 1,08% trên giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 215.039 triệu đồng, tỷ lệ 23,7% trên giá trị vốn đầu tư.

Một số Công ty chưa chia lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2015:

- Công ty TNHH MTV PT Khu công nghiệp Sài Gòn, Công ty CP KCN Hiệp Phước, Công ty CP Long Hậu, Công ty CP TM DV Hiệp Tân, Công ty TNHH Tân Thuận: thực hiện chia lãi vào cuối năm.

- Công ty Cảng trung tâm Container Sài Gòn: trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng, chưa có lợi nhuận.

- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM: đang trình Ngân hàng Nhà nước chia cổ tức tiền mặt 5%.

- Quỹ Đầu tư Việt Nam BIDV: hoạt động không có hiệu quả, không có lãi chia.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

- Theo Đề án tái cơ cấu của Công ty được duyệt theo Quyết định số 7431/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, Công ty phải thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài như sau:

+ Thoái toàn bộ 100% vốn tại 05 doanh nghiệp.

+ Giữ nguyên vốn và tỷ lệ tham gia hiện hữu tại 04 doanh nghiệp.

+ Giảm tỷ lệ vốn góp tại 03 doanh nghiệp.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP Phát triển Nam Sài Gòn	127.152	74,8%		52.357	136.651	74.795	44%
2	Trường CĐBC Công nghệ & Quản trị Doanh nghiệp	200	0,28%		200	200	0	0%
3	Cty LD Quản lý Đầu tư BIDV (Quỹ VIF)	34.000	2,96%		12.400	12.400	21.600	2,96%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ 6 tháng đầu năm 2015 Công ty phát sinh tăng tài sản cố định là 19.018 triệu đồng từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành một phần công trình Tòa nhà IPC.

+ Việc mua sắm và thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong kỳ Công ty không phát sinh thanh lý tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 712.161 triệu đồng; trong đó khoản nợ phải thu kéo dài từ trước năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 là 24.731 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 431.412 triệu đồng, chủ yếu là các khoản phải trả người lao động (67.170 triệu đồng), các khoản phải trả ngắn hạn (180.661 triệu đồng), chi phí phải trả dài hạn dự án KCN Hiệp Phước (32.812 triệu đồng).

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty 21.640 triệu đồng, trong đó: Vay của các tổ chức tín dụng: 21.640 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để hợp tác kinh doanh xây dựng nhà cho thuê tại KCN Long Hậu: 21.640 triệu đồng.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

STT	Dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện
1	Xây dựng hoàn thiện khu dân cư Long Thới	44.816 triệu đồng	tự có	Năm 2015	đang trong giai đoạn hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường
2	Khu dân cư Hiệp Phước 1	211.340 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đã hoàn thiện hạng mục hạ tầng giao thông.
3	Khu dân cư Hiệp Phước 2	101.844 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
4	Khu dân cư Long Hậu	76.090 triệu đồng	tự có	Năm 2015	5 năm
5	Khu dân cư An Phú Tây	336.214 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đang tìm đối tác để chuyển nhượng lại
6	Đường trục Bắc - Nam	7.266.927 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đang hoàn thiện phương án đầu tư trình UBND TP.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà IPC Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, tạm hạch toán tăng tài sản cố định từ năm 2011 và trích khấu hao theo quy định. Tuy nhiên đến nay, Công ty chưa phê duyệt quyết toán giá trị công trình tòa nhà IPC.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong quý I năm 2015 Công ty chi phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ trưởng phòng hàng tháng cho 03 viên chức quản lý lấy từ quỹ lương người lao động chưa đúng quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 24.479 triệu đồng đạt 316,1% so với kế hoạch năm 2015 do phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp từ

chuyển nhượng dự án bất động sản: số phát sinh phải nộp ngân sách giảm 62,9% so với cùng kỳ năm trước do 6 tháng đầu năm 2014 Công ty thực hiện nộp Lợi nhuận sau khi phân phối trích lập các quỹ là 64.500 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2015 Công ty thực hiện nộp Lợi nhuận sau khi phân phối trích lập các quỹ là 14.140 triệu đồng.

Đến 30/6/2015, khoản còn phải nộp ngân sách là 6.933 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện 03/03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công ty thực hiện 02/03 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến Công ty thuộc lĩnh vực tài chính.

- Công ty chưa thực hiện 01/03 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 976/UBND- DTMT ngày 26/6/2015: Công ty chưa thu hồi đầy đủ cổ tức, lợi nhuận 03 năm 2010, 2011, 2012 được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng.

- Công ty nộp Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2015 trễ hạn 06 ngày so với quy định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Công ty không nộp báo cáo hợp nhất toàn Công ty 6 tháng đầu năm 2015 nên không có cơ sở đánh giá.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty (Công ty mẹ) doanh thu, lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch năm (doanh thu đạt 20,41%, lợi nhuận đạt 19,38%), số phát sinh phải nộp ngân sách vượt kế hoạch do phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng dự án bất động sản.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành tương đối đầy đủ một số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh, chỉ phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ trưởng phòng hàng tháng cho 03 viên chức quản lý lấy từ quỹ lương người lao động. Công ty cần nghiêm túc thực hiện việc nộp báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định, chỉ phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ trưởng phòng cho viên chức quản lý đúng quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		TH 6 tháng đầu năm 2015/KH năm 2015 (%)	TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	955.705	2.130.805	1.397.953	65,61	146,27
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	941.170	2.108.757	1.387.412	65,79	147,41
2	Doanh thu hoạt động tài chính	9.532	15.617	5.049	32,33	52,97
3	Thu nhập khác	5.003	6.431	5.492	85,40	109,77
II	Tổng chi phí	947.334	2.109.134	1.389.092	65,86	146,63
1	Giá vốn hàng bán	874.085	1.993.143	1.315.975	66,03	150,55
2	Chi phí tài chính	9.293	14.055	12.226	86,99	131,56
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	3.869	2.584	2.248	87,00	58,10
3	Chi phí bán hàng	52.052	87.841	53.931	61,40	103,61
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.675	13.176	6.888	52,28	59,00
5	Chi phí khác	229	919	72	7,83	31,44
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,12	98,98	99,37		
	<i>Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)</i>	1,22	0,62	0,49		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.371	21.671	8.861	40,89	105,85
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.597	16.159	3.441	21,29	95,66
2	Lợi nhuận khác	4.774	5.512	5.420	98,33	113,53

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 65,61% so với kế hoạch, tăng 46,27% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,25% tổng doanh thu, tăng 0,77% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,36% tổng doanh thu, giảm 0,64% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,39% tổng doanh thu, giảm 0,13% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 65,86% kế hoạch, tăng 46,63% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,74% tổng chi phí, tăng 2,47% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,88% tổng chi phí, giảm 0,1% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,88% tổng chi phí, giảm 1,61% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 0,5% tổng chi phí, giảm 0,74% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,01% tổng chi phí, giảm 0,02% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 99,12% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (0,01%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 0,49% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (giảm 0,73%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 40,89% kế hoạch, tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (tăng 5,85%).

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.371	8.861	105,85%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.371	6.842	81,73%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	520.037	517.788	99,57%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.674.170	2.141.397	127,91%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,61%	1,71%	-
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	1,61%	1,32%	-
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,50%	0,32%	-

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,10 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.929.282 triệu đồng/ 1.749.619 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 2,40 lần, không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.662.789	2.261.039
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.334.405	1.929.282
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	328.384	331.757
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,25	85,33
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,75	14,67
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.662.788	2.261.039
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.132.742	1.751.039

2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	530.046	510.000
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68,12	77,44
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,88	22,56

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (85,33%); Trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn 1.160.164 triệu đồng (60,13%), hàng tồn kho 652.967 triệu đồng (33,85%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 77,44% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 22,56% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp do cuối năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Công ty nộp khoản lợi nhuận chia cho vốn nhà nước của năm 2010 và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,01$; doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 186.228 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty con: 78.750 triệu đồng
- Đầu tư vào 12 Công ty liên kết: 92.038 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 15.439 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được là 5.006 triệu đồng, tương đương 2,69% trên tổng giá trị vốn đầu tư; là số cổ tức, lợi nhuận nhận được từ đầu tư vào công ty con, các doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh tăng, giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

a.4. Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 01 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 13 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 01 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Giải thể 01 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 03 doanh nghiệp

- Công ty đã hoàn thành giải thể Công ty CP Y khoa Hoàng Gia.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đang xây dựng phương án thoái 100% vốn tại Công ty CP Dược phẩm Phong Phú theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2032/UBND-CNN ngày 14 tháng 4 năm 2015 và tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm và Sinh học y tế.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

+ Đối với hàng hóa mất, kém phẩm chất Công ty xử lý theo quy định của quản lý Dược. Đến thời điểm 30/6/2015, giá trị hàng hóa cận hạn dùng khó tiêu thụ là 191 triệu đồng; Công ty đã trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho cận hạn dùng là 191 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 1.160.164 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 100.161 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 99.639 triệu đồng.

Công nợ phải thu khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ năm 2011, là các khoản phải thu khách hàng (các công ty: Tiên Phúc, Khang Phúc, Cần Giờ, XKPP và tiếp thị Dược Sài Gòn (MED), Phúc Nghi). Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không có phát sinh công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như trích lập dự phòng và tích cực thu hồi nợ.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 1.751.039 triệu đồng, không có nợ đến hạn và nợ quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 64.068 triệu đồng, trong đó: Vay của các tổ chức tín dụng: 12.779 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện Dự án Văn phòng Roussel Việt Nam:

- Căn cứ Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Công ty Roussel Việt Nam để đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng tại số 2B Cộng Hòa; Quyết định số 68/QĐ-CTD.TGD ngày 05/4/2010 của Công ty về phê duyệt dự án đầu tư Văn phòng Roussel Việt Nam.

- Tổng giá trị đầu tư là 123.201 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn tự có: 39.823 triệu đồng;

+ Vốn huy động: 83.379 triệu đồng (vay ngân hàng BIDV, thời hạn 5 năm, lãi suất 12%/năm).

- Thời gian thực hiện là 56 tháng.

- Tiến độ thực hiện đến ngày 30/6/2015: 39.171 triệu đồng (Giải ngân 38.765 triệu đồng).

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 141.717 triệu đồng, đạt 79,39% kế hoạch; tăng 140,03% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do lượng hàng công ty nhập khẩu tự doanh, ủy thác mua bán tăng so với cùng kỳ năm 2014.

Đến ngày 30/6/2015, Công ty còn tồn đọng số phải nộp ngân sách là 52.604 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Căn cứ Biên bản kiểm toán năm 2013 của Công ty do Kiểm toán nhà nước lập ngày 27 tháng 01 năm 2015, Công ty không còn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Tuy nhiên, đến 30 tháng 6 năm 2015 Công ty đang hạch toán Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty là 21.608.280 đồng. Đây là lãi tiền gửi của

khoản tiền phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Đến ngày 04 tháng 8 năm 2015, Công ty đã nộp khoản này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

f. Tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Công ty thực hiện nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo tháng, báo cáo quý đúng thời hạn quy định; Tuy nhiên, báo cáo tháng, báo cáo quý không kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 02/03 chỉ đạo.

+ Không thực hiện: 01/03 chỉ đạo. Cụ thể:

Công ty chưa ban hành quy chế quản lý tài chính đối với các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 03 tháng 3 năm 2015.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty (Công ty mẹ):

Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn không lập báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm nên không có căn cứ nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty mẹ.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có chiều hướng phát triển tốt, đã trích lập dự phòng đầy đủ số nợ phải thu khó đòi từ năm 2011. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, tổng số phát sinh phải nộp ngân sách của Công ty đạt trên 50% kế hoạch.

Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	451.133	569.045	403.022	70,82%	89,34%
1	Doanh thu thuần	429.419		401.675		93,54%
2	Thu nhập khác	21.714		1.347		6,20%
II	Tổng chi phí	98.158	241.000	102.047	42,34%	103,96%
1	Chi phí hoạt động	92.778		95.774		103,23%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.380		6.273		116,60%
3	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	21,76%	42,35%	25,32%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	1,19%		1,56%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	352.975	328.045	300.975	91,75%	85,27%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	331.261		299.628		90,45%
2	Lợi nhuận khác	21.714		1.347		6,20%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 70,82% so với kế hoạch năm do lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tăng (47.948 triệu đồng); Doanh thu giảm 10,66% so với cùng kỳ năm trước do Quý I năm 2014

Công ty có phát sinh 75 tỷ đồng doanh thu từ việc nhận cổ phiếu thưởng của Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM, doanh thu từ hoạt động cho vay giảm so với cùng kỳ năm trước do dư nợ cho vay và lãi suất cho vay giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính chiếm 99,67% trên tổng doanh thu, tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước (95,19%).

+ Thu nhập khác chiếm 0,33% trên tổng doanh thu, giảm 4,48% so với cùng kỳ năm trước (4,81%).

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 6 tháng đầu năm 2015 bằng 42,34% kế hoạch do Công ty hoàn nhập dự phòng rủi ro; chi phí tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước do tiền lãi từ khoản vay lại của Bộ Tài chính tăng.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí hoạt động chiếm 93,85% trên tổng chi phí, giảm 0,67% so với cùng kỳ năm trước (94,52%);

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,15% trên tổng chi phí, tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước (5,48%);

- Tổng chi phí thực hiện năm 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 25,32% tổng doanh thu thực hiện, tăng 3,56% so với cùng kỳ năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,56% tổng doanh thu thực hiện, tăng 0,37% so với cùng kỳ năm trước. Công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 91,75% kế hoạch do lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tăng, lợi nhuận giảm 14,73% so với cùng kỳ năm trước do Quý I năm 2014 Công ty có phát sinh 75 tỷ đồng doanh thu từ việc nhận cổ phiếu thưởng của Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM, doanh thu từ hoạt động cho vay giảm so với cùng kỳ năm trước do dư nợ cho vay và lãi suất cho vay giảm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	352.975	300.975	85,27%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	320.623	290.612	90,64%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	5.238.230	5.277.998	100,76%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
4	Tổng tài sản (<i>bình quân</i>)	Triệu đồng	12.362.540	13.173.372	106,56%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6,74%	5,70%	84,63%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,12%	5,51%	89,96%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,59%	2,21%	85,06%

Qua bảng trên cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 61,86 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 3.547.694 triệu đồng/57.353 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 1,02 lần, không vượt quá 3 lần (theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	12.550.359	13.334.251
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.316.919	3.547.694
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	10.233.440	9.786.557
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	18,46%	26,61%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	81,54%	73,39%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	12.550.359	13.334.252
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	6.310.297	6.738.666
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.240.062	6.595.586
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,28%	50,54%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,72%	49,46%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính dài hạn (4.270.919 triệu đồng) và các khoản phải thu dài hạn (5.405.449 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn do Công ty thu hồi một số khoản phải thu cho vay dài hạn.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm 50,54% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm 49,46% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Cơ cấu nguồn vốn của Công ty tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 4.392.302 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 6 Công ty con: 2.107.109 triệu đồng

- Đầu tư vào 8 Công ty liên kết: 1.325.205 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác: 959.988 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được: 255.505 triệu đồng, tương đương 5,82% trên tổng giá trị vốn đầu tư, bao gồm:

- Lợi nhuận được chia từ các công ty con 100% vốn nhà nước: 61.954 triệu đồng, tương đương 2,94% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 128.543 triệu đồng, tỷ lệ 9,7% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 63.376 triệu đồng, tỷ lệ 6,92% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Trái tức: 1.634 triệu đồng.

Một số doanh nghiệp khác không chia cổ tức, lợi nhuận cụ thể như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Nguyên nhân
1	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết thành phố	Thực hiện theo cơ chế đặc thù
2	Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố	Sau khi phân phối lợi nhuận, Công ty không còn số phải nộp về Công ty mẹ.
3	Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
4	Công ty CP Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	Dự án đang trong giai đoạn triển khai

STT	Tên doanh nghiệp	Nguyên nhân
5	Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	Dự án mới đi vào hoạt động, chưa có kế hoạch chia cổ tức.
6	Công ty CP Him Lam Phát triển Trí tuệ trẻ em Việt	Dự án mới đi vào hoạt động năm 2014
7	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	Ngân hàng chưa Đại hội đồng cổ đông.
8	Công ty CP Cấp nước Chợ Lớn	Cổ tức nhận vào tháng 7/2015
9	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Doanh nghiệp có kế hoạch thay đổi chính sách chia cổ tức, hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả.
10	Ngân hàng TMCP Việt Á	Doanh nghiệp có kế hoạch thay đổi chính sách chia cổ tức, hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả.
11	Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
12	Công ty CP Cao Su TPHCM	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
13	Công ty CP Phát triển Nông Nghiệp TNXP	Dự án mới đi vào hoạt động, chưa có kế hoạch chia cổ tức.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	101.100	20%	36.000			292.320	27,9%
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	252.000	27,9%	40.320			292.320	27,9%
3	Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức	28.717	2,98%	3.366			32.083	8,82%

- Quý I năm 2015, Công ty góp bổ sung vốn điều lệ tại Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước là 36.000 triệu đồng.

- Tháng 6 năm 2015, Công ty nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh với số lượng 4.032.000 cổ phiếu tương đương 40.320 triệu đồng.

- Tháng 1/2015, Công ty nhận cổ phiếu do Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu với số lượng 336.600 cổ phiếu, tương đương 3.366 triệu đồng.

Các khoản tăng vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương trước khi thực hiện.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty mua sắm thiết bị, dụng cụ quản lý nguyên giá là 1.241 triệu đồng, đồng thời Công ty có thanh lý máy photo nguyên giá 42 triệu đồng đã hết khấu hao.

+ Đến thời điểm 30/6/2015, Công ty không có hàng tồn kho.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 5.419.281 triệu đồng bao gồm nợ phải thu ngắn hạn (13.832 triệu đồng) và nợ phải thu dài hạn (5.405.449 triệu đồng).

Đến thời điểm 30/6/2015, doanh nghiệp có một số khoản nợ phải thu quá hạn với tổng số tiền là 34.765 triệu đồng, đã lập dự phòng 82.684 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 6.738.666 triệu đồng, không có nợ quá hạn thanh toán.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 3.467.012 triệu đồng, bao gồm:

+ Vay lại Bộ Tài chính: 2.274.398 triệu đồng.

+ Vay trực tiếp các tổ chức nước ngoài: 1.192.614 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Đến thời điểm 30/6/2015, Công ty đang thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc Khu tái định cư 15ha, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh và phường Tân tạo, huyện Bình Tân (dự án nhóm B):

+ Tổng mức vốn đầu tư: 228.841 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Công ty (15%) và vốn huy động (85%).

+ Thời gian hoàn thành: Năm 2015

+ Tiến độ thực hiện: Giá trị thực hiện đến 30/6/2015 là 6.199 triệu đồng. Giá trị thực hiện đạt thấp là do hiện nay đang gặp khó khăn trong công tác giải tỏa đền bù.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 111.356 triệu đồng, đạt 52,19% kế hoạch, tăng 24,67% so với cùng kỳ năm trước do Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại năm 2014 và năm 2015 theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính (năm 2014 Công ty chưa nộp khoản lợi nhuận này).

Đến 30/6/2015, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 10.010 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Công ty không có số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện 03/03 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện 10/10 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty.

- Công ty nộp báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2015 trễ hạn 06 ngày so với quy định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: Không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty mẹ:

Công ty không gửi Báo cáo tài chính hợp nhất nên không có cơ sở để đánh giá toàn Công ty (bao gồm Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thành phố và các đơn vị thành viên).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện các chỉ tiêu: doanh thu đạt 70,82% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 91,75% so với kế hoạch, số phát sinh phải nộp đạt 52,19% so với kế hoạch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chấp hành đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cần nghiêm túc nộp báo cáo tài chính hợp nhất toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI (FOSCO)**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng năm 2015/kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015/cùng kỳ năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	70.880	189.002	72.568	38,39%	102,38%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.034		66.000		109%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.096		5.787		81,55%
3	Thu nhập khác	3.750		781		20,83%
II	Tổng chi phí	40.794	114.067	45.741	40,10%	112,13%
1	Giá vốn hàng bán	6.358		4.852		76,31%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.350		40.862		118,96%
5	Chi phí khác	86		27		31,39%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	57,55%	60,35%	63,03%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	48,45%		56,31%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	30.085	74.935	26.827	35,80%	89,17%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.422		26.073		98,68%
2	Lợi nhuận khác	3.663		754		20,58%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 38,39 % so với kế hoạch năm 2015 do doanh thu tài chính và dịch vụ cung ứng lao động giảm, doanh thu tăng 2,38% so với cùng kỳ năm 2014 do doanh thu cho thuê nhà và dạy học tăng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:
 - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 90,95% tổng doanh thu, tăng 6,26 % so với cùng kỳ năm 2014 (84,69%).
 - + Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 7,97 % tổng doanh thu, giảm 2,04 % so với cùng kỳ năm 2014 (10,01%).
 - + Thu nhập khác chiếm 1,08 % tổng doanh thu, giảm 4,21 % so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 40,10% kế hoạch năm, tăng 12,13% so với cùng kỳ năm 2014, do tiền thuê đất tăng (6 tháng đầu năm 2014 là 2.700 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2015 là 12.400 triệu đồng. Số liệu 6 tháng đầu năm 2015 được trích trước cho phù hợp số liệu ước tính cả năm 2015; trong khi số liệu 6 tháng đầu năm 2014 là số thực nộp trong kỳ).

- Cơ cấu chi phí như sau:

- + Giá vốn hàng bán chiếm 10,61% tổng chi phí, giảm 4,97% so với cùng kỳ năm 2014 (15,58%).

- + Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 89,33% tổng chi phí, tăng 5,13% so với cùng kỳ năm 2014 (84,20%).

- + Chi phí khác phát sinh không đáng kể trong tổng chi phí.

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 63,03% trên tổng doanh thu thực hiện, tăng 5,48% so với cùng kỳ năm 2014 (57,55%).

- + Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 56,31% tổng doanh thu thực hiện, tăng 7,86% so với cùng kỳ năm 2014 (48,45%). Như vậy Công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý so với cùng kỳ năm trước .

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 35,80% kế hoạch do doanh thu đạt thấp và chi phí tăng; lợi nhuận giảm 10,83% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tiền thuê đất tăng và lãi tiền gửi ngân hàng giảm so với cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.085	26.827	89,17%

2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	23.056	20.275	87,93%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	279.412	289.635	103,65%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	433.844	425.769	98,14%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	10,77%	9,26%	85,98%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,25%	7%	84,84%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,31%	4,71%	88,70%

Qua bảng trên cho thấy khả năng sinh lời 6 tháng năm 2015 của công ty thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 4,73 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 323.494 triệu đồng/ 68.357 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,41 lần (=121.693 triệu đồng/298.214 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	427.224	419.908
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	331.197	323.494
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	96.027	96.413
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77,52%	77,04%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22,48%	22,96%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	427.224	419.908
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	124.775	121.693
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	297.359	298.214
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,21%	28,98%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,60%	71,02%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục: tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (271.112 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản thực hiện 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:
 - + Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.
 - + Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,003$; Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tại thời điểm 30/6/2015 Công ty có hợp tác liên doanh tại 02 dự án:

a.1 Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Thủy sản Chiên Thắng (Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 91/KH ngày 12/01/1996), không thành lập pháp nhân mới.

Thời gian hợp tác kinh doanh: 20 năm kể từ ngày 02/3/1996

Công ty Fosco góp vốn đầu tư: 5.505 triệu đồng.

a.2 Công ty hợp tác kinh doanh dự án 64 Phó Đức Chính với 02 đối tác là Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long, không thành lập pháp nhân mới.

- Tổng mức đầu tư dự án là 437.648 triệu đồng.

- Đến ngày 30/6/2015, Công ty Fosco góp 175.059 triệu đồng, tương đương 40% tổng trị giá vốn đầu tư của dự án.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều 29 của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về tài chính đối với doanh nghiệp, việc Công ty Fosco hợp tác kinh doanh như trên là hình thức đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp không hình thành pháp nhân mới. Công ty Fosco là chủ đầu tư thực hiện dự án.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không có mua sắm, thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

+ Doanh nghiệp không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.080 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi và quá hạn thanh toán trên 6 tháng là 1.243 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 393 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 121.694 triệu đồng. Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không vay vốn của các tổ chức, cá nhân.

e. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Cao ốc Trung tâm Giao dịch Thương mại Quốc tế FOSCO tại 64 Phó Đức Chính, Quận 1

Chi phí xây dựng cơ bản đến 30/6/2015: 83.090 triệu đồng.

Từ ngày 09/8/2013 đến nay công trình tạm dừng để kiểm định, kiểm tra do thi công không đúng thiết kế.

Ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân thành phố có thông báo số 95/TB-VP về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân: Giao Thanh tra thành phố thực hiện thanh tra dự án trên.

- Dự án 2: Phần mềm Trung tâm Cung ứng lao động

+ Tổng mức vốn đầu tư: 879 triệu đồng.

Nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp.

Dự án chưa được nghiệm thu.

- Dự án 3: Nhà trẻ quốc tế 23-25 Phùng Khắc Khoan, Quận 1

+ Tổng mức vốn đầu tư: 197.968 triệu đồng.

Nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp.

+ Dự án đã ngừng thực hiện theo Thông báo số 303/TB-VP ngày 13/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận cuộc họp nghe báo cáo về địa điểm xây dựng trường mầm non và tiểu học quốc tế 23-25 Phùng Khắc Khoan, quận 1.

- Dự án 4: Cao ốc văn phòng, căn hộ 40 Phùng Khắc Khoan, Quận 1

+ Tổng mức vốn đầu tư: 430.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 391.430 triệu đồng

Dự án đang tạm ngừng thực hiện theo Thông báo số 123/TB-VP ngày 06/3/2012, Công văn số 1008/UBND-ĐTMT ngày 08/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố do chờ chủ trương mới của Ủy ban nhân dân.

- Dự án 5: Khách sạn Quảng trường quốc tế 39 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1 đang triển khai dự án, chưa thành lập pháp nhân mới

+ Tổng mức vốn đầu tư: 250.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 220.000 triệu đồng

- Dự án 6: Trang bị phần mềm máy tính toàn công ty; tổng mức vốn đầu tư: 6.701 triệu đồng, từ nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp (đang triển khai thực hiện).

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 31.413 triệu đồng, đạt 67,56% kế hoạch, tăng 12,77% so với cùng kỳ năm trước do tiền thuê đất tăng (6 tháng đầu năm 2014 là 2.700 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2015 là 12.400 triệu đồng, số liệu 6 tháng đầu năm 2015 được trích trước cho phù hợp số liệu ước tính cả năm 2015; trong khi số liệu 6 tháng đầu năm 2014 là số thực nộp trong kỳ).

Đến 30/6/2015, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các Kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện đầy đủ 03/03 nội dung chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố không có chỉ đạo cụ thể đối với Công ty.

b. Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện 02 nội dung kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại báo cáo kiểm toán năm 2012 ngày 04/6/2013:

- Công ty đang thực hiện các thủ tục giảm tiền thuê đất quy định tại Điều 2 Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính.

- Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan đến việc ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường đối với các mặt bằng nhà đất chưa có hợp đồng thuê đất.

c. Kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính: Không có kiến nghị đối với Công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp đạt dưới 50% kế hoạch năm (doanh thu đạt 38,39%, lợi nhuận đạt 40,10%), nộp ngân sách đạt 67,56 % kế hoạch năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh (không tính hoạt động công ích):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		TH 6 tháng đầu năm 2015/KH năm 2015	TH 6 tháng đầu năm 2015/TH 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	40.212	96.124	40.387	42,01%	100,44%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.987		40.253		100,67%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	225		134		59,56%
3	Thu nhập khác					
II	Tổng chi phí	38.873	93.098	39.008	41,90%	100,35%
1	Giá vốn hàng bán	34.646		35.066		101,21%
2	Chi phí tài chính	376		288		76,60%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	376		288		76,60%
3	Chi phí bán hàng	44		144		327,27%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.807		3.510		92,20%
5	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	96,67%	96,85%	96,59%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	9,47%		8,69%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.339	3.026	1.379	45,57%	102,99%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.339		1.379		102,99%
2	Lợi nhuận khác					

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 42,02% so với kế hoạch, tăng 0,44% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,67%, tăng 0,23% so với cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,33%, giảm 0,23% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 41,90% kế hoạch, tăng 0,35% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,89%, tăng 0,77% so với thực hiện cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,74%, giảm 0,23% so với thực hiện cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,37%, tăng 0,26% so với thực hiện cùng kỳ năm trước .

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9%, giảm 0,8% so với thực hiện cùng kỳ năm trước;

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,59% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (96,67 %). Công ty đã tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,69% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (9,47%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 45,57% kế hoạch, tăng 2,99% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

1.2. Hoạt động quản lý khai thác các công trình thủy lợi:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		TH 6 tháng đầu năm 2015/KH 2015	TH 6 tháng đầu năm 2015/TH 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Tổng doanh thu	5.840	13.969	6.973	49,92%	119,40%
2	Tổng chi phí	14.898	34.705	18.623	53,66%	125,00 %
3	Chênh lệch thu chi (ngân sách cấp bù)	-9.058	-20.736	-11.650	56,18%	128,62%

Tổng doanh thu từ hoạt động quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 đạt 49,92 % so với kế hoạch, tăng 19,4% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.339	1.379	102,99%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.044	1.076	103,07%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân (<i>tính theo Điều 14 TT 158</i>)(*)	Triệu đồng	13.908	13.908	100%
4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)(**)	Triệu đồng	793.230	786.132	99,11%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH bình quân	%	9,63%	9,92%	102,99%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân (ROE)	%	7,51%	7,74%	103,07%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS bình quân (ROA)	%	0,13%	0,14%	104,00%

(*) Chỉ tính vốn hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài công ích, không tính vốn phục vụ việc quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

(**) Tổng tài sản của Văn phòng Công ty, không tính tài sản của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Qua bảng trên cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,14 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 52.824 triệu đồng/46.350 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 là 0,12 lần (85.738 triệu đồng/705.261 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	800.671	790.999
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	72.834	52.824
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	727.837	738.175
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	9,10	6,68
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	90,90	93,32
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	800.671	790.999
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	90.981	85.738
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	709.690	705.261
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	11,36	10,84
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	88,64	89,16

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (727.823 triệu đồng) và đầu tư dài hạn khác (3.000 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 giảm so với năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước (do chưa kết chuyển phần chênh lệch được cấp bù năm 2014), chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 30/06/2015 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp đầu tư vào Công ty cổ phần Cấp nước Kênh Đông với tổng giá trị là 3.000 triệu đồng. Đây là khoản đầu tư từ trước năm 2013; trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không có phát sinh tăng, giảm các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nhận được nhận tiền chia cổ tức năm 2014 (đợt 1) từ khoản đầu tư này do Công ty cổ phần Cấp nước Kênh Đông chi trả là 150.000.000 đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có phát sinh việc thanh lý, nhượng bán tài sản.

+ Tính đến ngày 30/06/2015, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 2.552 triệu đồng, chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng, Công ty không có hàng chậm luân chuyển, kém mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 44.293 triệu đồng, đây là các khoản công nợ phải thu của khách hàng và trả trước người bán về hoạt động xây dựng.

+ Nợ phải thu khó đòi: không có phát sinh.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến 30/06/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 85.738 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 76.517 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

Trong tổng số nợ phải trả, chủ yếu là trả cho nhà thầu xây dựng, đơn vị cung ứng vật tư 616 triệu đồng; Bên giao thầu tạm ứng trước để thi công xây dựng là 19.175 triệu đồng; Kinh phí cấp bù hụt thu thủy lợi phí chưa kết chuyển khi quyết toán (số tạm cấp năm 2014: 17.767 triệu đồng và 6 tháng đầu năm 2015 là 12.400 triệu đồng) là 30.167 triệu đồng; Giá trị các công trình xây lắp đã nghiệm thu, được bên giao thầu trả tiền nhưng chưa đủ điều kiện kết chuyển doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.285 triệu đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến 6 tháng đầu năm 2015, tổng số vốn vay của Công ty là 5.500 triệu đồng (toàn bộ là các khoản vay của cá nhân) để đầu tư dự án Cấp nước Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện đầu tư 11 dự án thủy lợi, phòng chống lụt bão từ nguồn ngân sách thành phố, tổng giá trị vốn đầu tư là 1.421.942 triệu đồng, trong đó:

+ 08 dự án nhóm B: 1.372.443 triệu đồng

+ 03 dự án khác: 49.499 triệu đồng

Tổng số vốn giải ngân 6 tháng đầu năm 2015 là 63.971 triệu đồng, đạt 32,64% kế hoạch vốn, tổ chức thi công đạt tiến độ.

Thực hiện đúng các quy định về quản lý đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng để thu hồi đất triển khai dự án.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 chưa có công trình, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2015 là 2.546 triệu đồng, đạt 36,35% kế hoạch, tăng 11,91% so với cùng kỳ năm trước.

d. Tình hình khác: không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

- Diện tích phục vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi 6 tháng đầu năm 2015 là 52.528 ha, đạt 61,96% so với kế hoạch, đạt 117,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu từ lĩnh vực quản lý khai thác 6 tháng đầu năm 2015 là 6.793 triệu đồng, đạt 49,92% so với kế hoạch năm, bằng 119,4% so với cùng kỳ năm trước.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện đầy đủ: 02/02 chỉ đạo.

a.2. Về tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 06 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ 06/06 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp chưa đạt 50% mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, các khoản phải nộp ngân sách.

Công ty chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG**

**Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015**

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		TH 6 tháng đầu năm 2015/KH 6 tháng đầu năm 2015	TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	413.634	840.866	413.546	49,18%	99,98%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	403.029	805.066	401.032	49,81%	99,50%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	9.804	24.800	10.378	41,85%	105,85%
3	Thu nhập khác	801	11.000	2.136	19,42%	266,67%
II	Tổng chi phí	399.264	809.878	398.067	49,15%	99,70%
1	Giá vốn hàng bán	385.366	769.078	383.776	49,90%	99,59%
2	Chi phí tài chính	-	3.000	20	0,67%	-
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.473	37.000	13.353	36,09%	99,11%
5	Chi phí khác	425	800	918	114,75%	216,00%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,53%	96,31%	96,26%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	3,26%	4,40%	3,23%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.370	30.988	15.479	49,95%	107,72%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.994	20.788	14.261	68,60%	101,91%
2	Lợi nhuận khác	376	10.200	1.218	11,94%	323,94%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 49,18% so với kế hoạch, giảm 0,02% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 96,97%, giảm 0,46% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,51%, tăng 0,14% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,52%, tăng 0,32% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do 6 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 49,15% kế hoạch, giảm 0,3% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 96,41%, giảm 0,11% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,01%, tăng 0,01% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,35%, giảm 0,02% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,23%, tăng 0,12% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,26% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (giảm 0,27%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với thực hiện đầu 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,26% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (giảm 0,03%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 49,95% kế hoạch, tăng 7,72% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.370	15.479	107,72%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.735	15.437	121,22%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	317.824	320.229	100,76%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.851.522	1.332.072	71,94%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,52	4,83	106,91
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,01	4,82	120,31
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,69	1,16	168,49

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,12 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.009.619 triệu đồng/ 901.554 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 2,12 lần nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.568.437	1.326.567
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.182.237	1.009.619
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	386.200	316.948
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,38	76,11
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,62	23,89

II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.568.437	1.326.567
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.053.475	901.554
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	514.962	425.013
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,17	67,96
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,83	32,04

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (76,11%); Trong đó: Hàng tồn kho 288.981 triệu đồng (28,62%), các khoản phải thu ngắn hạn 649.700 triệu đồng (64,35%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 67,96% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 32,04% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp do nguồn kinh phí được ngân sách cấp giảm.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,02$, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 163.568 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 5 Công ty liên kết: 127.575 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác: 35.993 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được là 9.682 triệu đồng, tương đương 6,03% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 0 đồng (Công ty CP Du lịch TNXP: Lợi nhuận thấp, bù lỗ các năm trước).

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 9.682 triệu đồng, tỷ lệ 6,08% trên tổng giá trị vốn đầu tư vào các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư.

Có 03 doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận:

Công ty CP Phát triển nông nghiệp TNXP; Xí nghiệp Chăn nuôi heo Tây Nguyên; Trung tâm Tổ chức biểu diễn và điện ảnh thành phố.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng/giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty CP Cảng Cát Lái	67.275	24,38	17.020			84.295	22,06
02	Công ty CP BĐS Saigon Vina	22.500	3,59		15	15,9	22.485	3,59

- Công ty đã thực hiện tăng vốn 17.020 triệu đồng tại Công ty CP Cảng Cát Lái theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2439/UBND-CNN ngày 07 tháng 5 năm 2015.

- Công ty đã thực hiện thủ tục bán đấu giá cổ phần Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina theo chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2878/UBND-CNN ngày 20 tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty chưa bán được hết số cổ phần đang nắm giữ, số tiền thu về từ số cổ phần đã bán là 15.900.000 đồng (=1.500 cổ phần x 10.600 đồng/cổ phần). Công ty đang tiếp tục bán đấu giá số cổ phần còn lại theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2438/UBND-CNN ngày 07 tháng 5 năm 2015.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số tài sản cố định, công cụ dụng cụ không còn giá trị trên sổ sách, giá trị thanh lý thu hồi là 538 triệu đồng.

+ Đối với hàng hóa mất, kém phẩm chất: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm gỗ tồn kho kém phẩm chất đang chờ bán thanh lý của Công ty là 4.811 triệu đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng đối với số nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm gỗ tồn kho kém phẩm chất này.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp 650.032 triệu đồng.

Trong tổng nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi là 3.384 triệu đồng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 3.384 triệu đồng, đây là các khoản nợ phát sinh từ nhiều năm trước, chủ yếu là các khoản nợ của Công ty Khai Thác Chế Biến Lâm Nông Sản Cung Ứng Xuất Khẩu nhận bàn giao từ Nông trường cây công nghiệp số 7 và chi phí xây dựng các công trình cũ của Công ty Dịch vụ Công ích TNXP. Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không phát sinh các khoản nợ khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 901.554 triệu đồng, trong đó: không có nợ đến hạn và nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 11.061 triệu đồng, đây là khoản vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố: 11.061 triệu đồng (vay không lãi) để phục vụ dự án Chung cư Ngô Tất Tố - quận Bình Thạnh.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 103.336 triệu đồng, đạt 813,35% so với kế hoạch năm 2015, đạt 726% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (số phát sinh phải nộp ngân sách tăng cao là do nộp tiền sử dụng đất của khu trung tâm thương mại dự án Bình Trị Đông).

Đến 30 tháng 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 6.716 triệu đồng.

d. Về tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Báo cáo tài chính và các báo cáo khác (báo cáo tháng, báo cáo quý, ...) đúng thời hạn quy định; Các báo cáo có kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Thực hiện đầy đủ: 02/02 chỉ đạo

- Tình hình thực hiện chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đạt gần 50% kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Riêng chỉ tiêu tổng số phát sinh phải nộp ngân sách vượt kế hoạch. Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
27/7 TP.HCM**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
Của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	65.709	200.000	47.422	23,71%	72,17%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.696		44.833		68,24%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	13		2.589		
3	Thu nhập khác			0		
II	Tổng chi phí	63.437	194.192	43.185	22,24%	68,08%
1	Giá vốn hàng bán	58.274		39.262		67,37%
2	Chi phí tài chính	1.905		1.215		63,78%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.905</i>				0,00%
3	Chi phí bán hàng	1.321		1.055		79,86%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.937		1.653		85,34%
5	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,54%		91,07%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	2,95%		3,49%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.273	5.808	1.649	28,39%	72,55%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.273		1.649		72,55%
2	Lợi nhuận khác			0		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 23,71% so với kế hoạch và giảm 27,83% so với doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do Công ty không có hợp đồng xuất khẩu thuốc lá nên doanh thu tiêu thụ thuốc lá giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 94,54% tổng doanh thu, giảm 31,76% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 5,46% tổng doanh thu.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc lá bao, hàng thủ công mỹ nghệ và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 22,24% so với kế hoạch và giảm 31,92% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,92% tổng chi phí, giảm 32,63% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 2,81% tổng chi phí, giảm 36,22% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,44% tổng chi phí, tăng 20,14% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,83% tổng chi phí, giảm 14,66% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 91,07% tổng doanh thu thực hiện, giảm 8,42% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,49% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (2,95%). Công ty chưa tiết giảm được chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 28,39% so với kế hoạch, giảm 27,45 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do doanh thu thực hiện giảm..

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.273	1.649	72,55%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.802	1.287	71,42%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	44.710	44.086	98,60%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	86.046	74.211	86,25%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	5,08%	3,74%	73,57%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,03%	2,92%	72,43%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,09%	1,73%	82,81%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,23 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 38.759 triệu đồng/ 31.385 triệu đồng). Theo đó, Công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,77 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	86.046	74.211
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	38.976	39.261
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	47.070	43.098
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,30%	52,90%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,70%	58,07%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	86.046	82.359
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	41.336	35.829
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	44.710	46.530
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48,04%	43,50%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51,96%	56,50%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm tỉ lệ 58,07% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là các tài sản cố định hữu hình (39.136 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với 6 tháng đầu năm 2014, chiếm tỷ lệ 43,50% trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với 6 tháng đầu năm 2014, chiếm tỷ lệ 56,50% trong tổng nguồn vốn của Công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, Công ty có đầu tư dài hạn vào công ty con là Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Chế biến nguyên phụ liệu thuốc lá Sài Gòn với tổng giá trị là 1.000 triệu đồng, tỷ lệ góp vốn là 100% từ năm 2006.

a.2. Hiệu quả đầu tư :

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chưa ghi nhận doanh thu.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh tăng, giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Công ty thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu (chưa trừ các khoản dự phòng) của Công ty là 18.699 triệu đồng, Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 35.829 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của công ty là 22.064 triệu đồng (trong đó vay ngân hàng là 15.000 triệu đồng và vay cá nhân là 7.064 triệu đồng) để chi mua sắm nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh đầu tư tài sản.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương. Tuy nhiên, đến 30/6/2015, Công ty chưa gửi Quy chế trả thù lao, quy chế thưởng đối với viên chức quản lý cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1521/UBND-CNN ngày 24 tháng 3 năm 2015 về rà soát, xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 20.446 triệu đồng đạt 47,66% so với kế hoạch năm 2015 (42.900 triệu đồng), giảm 23,47% so với cùng kỳ năm trước (26.718 triệu đồng).

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 7.230 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 01/02 chỉ đạo.

+ Không thực hiện: 01/02 chỉ đạo. Cụ thể:

Công ty chưa báo cáo số liệu các khoản phải nộp và lãi chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm 30/11/2014, đồng thời chưa cung cấp bảng tính lãi chậm nộp đối với từng khoản nộp gửi về Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo Công văn số 2026/UBND-CNN ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chưa đạt 50% so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, khoản phải nộp ngân sách nhà nước và mức độ hoàn thành thấp hơn so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Ngoài một số tồn tại nêu trên, Công ty chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
Của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	659.894	1.178.421	420.641	36%	64%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	659.064	1.175.289	419.524	36%	64%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	375	377	134	36%	36%
3	Thu nhập khác	455	2.755	983	36%	216%
II	Tổng chi phí	645.608	1.151.976	405.734	35%	63%
1	Giá vốn hàng bán	617.132	1.077.664	379.560	35%	62%
2	Chi phí tài chính	1.686	7.764	2.735	35%	162%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.618	66.310	23.355	35%	88%
5	Chi phí khác	172	238	84	35%	49%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,84%	97,76%	96,46%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,03%	5,63%	5,55%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.286	26.446	14.909	56%	104%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.003	23.928	14.009	59%	100%
2	Lợi nhuận khác	283	2518	900	36%	318%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 36% so với kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm hơn 99,73% tổng doanh thu, giảm 0,14% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỉ trọng dưới 1%, giảm 0,02% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Thu nhập khác chiếm tỉ trọng dưới 1%, tăng 0,16% so với cùng kỳ năm 2014;

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty phát sinh chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 35% kế hoạch, giảm 37% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,55% tổng chi phí, giảm 2,04% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), tăng 0,41% so với cùng kỳ năm 2014 do chi phí lãi vay giảm;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,76% tổng chi phí, tăng 1,63% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), giảm 0,01% so với cùng kỳ năm 2014;

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,46% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với tỷ trọng cùng kỳ năm 2014 (97,84%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,55% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với tỷ trọng cùng kỳ năm 2014 (4,03%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 56% kế hoạch, tăng 4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.286	14.909	104,36%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.302	12.919	105,02%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	303.956	317.877	104,58%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.432.916	1.326.917	92,60%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,70	4,69	99,79%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,05	4,06	100,42%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,86	0,97	113,40%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 0,97 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 384.296 triệu đồng/396.254 triệu đồng). Tỷ suất này nhỏ hơn 1 cho thấy doanh nghiệp chưa đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,45 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.517.427	1.333.845
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	448.489	384.297
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.068.938	949.548
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,56	28,81
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,44	71,19
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.517.427	1.333.845

1	Nợ phải trả	Triệu đồng	482.268	416.034
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.035.159	917.811
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,78	31,19
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,22	68,81

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn (71,19%) trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình (số dư tại thời điểm 30/6/2015 là 767.044 triệu đồng). Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm 2014, chiếm tỷ lệ 31,19% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 68,81% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty có hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 là $H = 1,05$. Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài Công ty:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị thành phố không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu và công nợ phải trả:

- Về quản lý tài sản:

Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Về quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 216.769 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 7.782 triệu đồng.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 4.455 triệu đồng.

- Về quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 416.034 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 107.673 triệu đồng, toàn bộ vốn huy động từ các tổ chức tín dụng nhằm phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Công ty đang thực hiện 2 dự án thuộc nhóm B, cụ thể như sau:

- Dự án Nghĩa trang Đa Phước giai đoạn 2 – đợt đầu; Tổng mức vốn đầu tư: 99.107 triệu đồng (100% vốn tự có).

Tính đến ngày 30/6/2015, tổng số vốn thực hiện là 74.145 triệu đồng và tổng số vốn đã giải ngân là 65.123 triệu đồng.

- Dự án Xây dựng bãi chôn lấp số 3; Tổng mức vốn đầu tư: 976.450 triệu đồng.

Tính đến ngày 30/6/2015, tổng số vốn thực hiện là 238.627 triệu đồng và tổng số vốn đã giải ngân là 215.300 triệu đồng.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 8.802 triệu đồng, đạt 50% so với kế hoạch năm 2015, tăng 8,42% so với cùng kỳ năm trước.

Đến 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nộp thừa ngân sách là 275 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng 2015 so với KH năm (%)	Tỷ lệ TH 6 tháng 2015 so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm:					
- Bảo quản nghĩa trang	Ha	770,01	385	50	100
- Nhật từ thi	Từ thi	401	215	53,62	115,59

- Bảo quản từ thi	Từ thi	542	332	61,25	135,51
- Thiêu từ thi	Từ thi	145	61	42,07	77,22
- Thu gom vận chuyển rác	T/Km	62.999.439,28	28.745.512,90	45,63	95,11
- Xử lý rác	Kg	118.573	156.929,55	132,35	29,25
- Rác y tế	Kg	5.506.837,20	2.664.630,00	48,39	104,40
2. Tổng chi phí phát sinh thực hiện công ích	Tr.đ	1.151.976	405.733	35,22	62,85
3. Tổng doanh thu thực hiện công ích	Tr.đ	1.178.422	420.642	35,70	63,74

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ: 02/02 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đạt 50% kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách do thực hiện và áp dụng các biện pháp quản lý doanh nghiệp hiệu quả; riêng chỉ tiêu doanh thu Công ty chỉ đạt 46% kế hoạch. Công ty chấp hành tốt các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		TH 6 tháng đầu năm 2015/KH năm 2015	TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	24.134	38.500	10.812	28,08%	44,80%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.096	38.440	10.800	28,10%	44,82%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	36	40	9	22,50%	25,00%
3	Thu nhập khác	2	20	3	15,00%	150,00%
II	Tổng chi phí	27.615	38.500	15.531	40,34%	56,24%
1	Giá vốn hàng bán	24.328	30.900	12.360	40,00%	50,81%
2	Chi phí tài chính	652	1.500	653	43,53%	100,15%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	643	1.000	651	65,10%	101,24%
3	Chi phí bán hàng	551	2.000	550	27,50%	99,82%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.084	4.000	1.968	49,20%	94,43%
5	Chi phí khác	-	100	-	-	-
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	114,42	100	143,65		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	8,64	10,39	18,20		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	(3.481)	-	(4.719)	-	-
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.483)	80	(4.722)	-	-
2	Lợi nhuận khác	2	(80)	3	-	150,00%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 28,08% so với kế hoạch, giảm 55,20%% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do giảm doanh thu

bán hàng tôm đông lạnh và mực khô cho khách hàng nước ngoài (Năm 2014 xuất khẩu: 13.263 triệu đồng; năm 2015 xuất khẩu: 2.072 triệu đồng).

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,89%, tăng 0,05% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08%, giảm 0,07% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,03%, tăng 0,02% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 40,34% kế hoạch, giảm 43,76% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 79,58%, giảm 8,51% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 4,20%, tăng 1,84% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,54%, tăng 1,55% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,67%, tăng 5,12% so với thực hiện năm 2014;

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 143,65% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (tăng 29,23%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 18,20% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (tăng 9,56%); Công ty không tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp do tiền thuê đất tăng trong khi doanh thu giảm nhiều so với cùng kỳ.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty bị lỗ do Công ty hoạt động chủ yếu là nhận gia công các loại thủy hải sản đông lạnh và kinh doanh kho lạnh. Hiệu quả từ hoạt động này không đủ để khấu hao toàn bộ tài sản hiện có của Công ty.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(3.481)	(4.719)	-
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(3.481)	(4.719)	-
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	226.124	226.124	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	131.468	117.875	89,66%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	-	-	-
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-	-	-
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-	-	-

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015, hiệu quả sử dụng vốn thấp; Công ty đã làm thâm hụt vốn nhà nước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 0,12 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 7.652 triệu đồng/ 62.023 triệu đồng). Doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo Điều 10 Nghị định 61/2014/NĐ-CP.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 51,55 lần, vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Nợ phải trả của doanh nghiệp gồm:

- Nợ ngắn hạn: Vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh 10.470 triệu đồng; Khoản nợ thuế phát sinh từ trước năm 1995 và đã được Thủ tướng Chính phủ cho khoan nợ, chậm nộp theo Công văn số 343/KTTH ngày 21/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ 21.613 triệu đồng; Khoản tiền Công ty cổ phần thương mại xây dựng Phương Nghi đã thanh toán cho Công ty 18.570 triệu đồng theo hợp đồng số 22/K/1994 để thuê mặt bằng tại 139 Hùng Vương, phường 6, quận 6 thành phố Hồ Chí Minh; phải trả cho các khách hàng cung cấp dịch vụ, vật tư, vật liệu phục vụ sản xuất 3.601 triệu đồng.

- Nợ dài hạn: Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương số tiền 51.578 triệu đồng tương đương 2.412.993,84 USD.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	130.661	115.825
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	11.725	7.652
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	118.936	108.173
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	8,97	6,61
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	91,03	93,39
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	130.661	115.825
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	115.538	113.621
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	15.123	2.204
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,43	98,10
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11,57	1,90

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (91,03%); Trong đó: Tài sản cố định 82.312 triệu đồng (76,09%), chi phí trả trước dài hạn 25.826 triệu đồng (23,87%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 98,10% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 1,90% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp do Công ty tiếp tục kinh doanh thua lỗ.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh thua lỗ, doanh nghiệp không bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Doanh nghiệp thực hiện trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 5.948 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 1.196 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.196 triệu đồng.

Công nợ phải thu khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 1998 là 639 triệu đồng. Đến 30 tháng 6 năm 2015, phát sinh các khoản công nợ khó đòi của Công ty XNK Phú Long 557 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 113.621 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn là 51.578 triệu đồng.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 62.048 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 51.578 triệu đồng (Vay dài hạn của SaigonBank).

+ Vay của cá nhân: 10.470 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện dự án: Di dời và xây dựng mới nhà máy chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 220.000 triệu đồng

+ Vốn tự có: 180.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: 40.000 triệu đồng.

+ Thời gian hoàn thành: 18 tháng

+ Thực hiện đến 30/6/2015: 126.548 triệu đồng. Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 98.337 triệu đồng.

+ Đã giải ngân: 125.048 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Công ty. Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 103,08% kế hoạch, tăng 17,98% so với thực hiện cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2014.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 21.987 triệu đồng (trong đó: Nợ thuế xuất nhập khẩu cũ từ trước năm 1994 là 21.613 triệu đồng).

d. Tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Công ty thực hiện nộp báo cáo quý, báo cáo giám sát đặc biệt, báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đúng thời hạn quy định.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đầy đủ: 01/02 chỉ đạo.
- Không thực hiện: 01/02 chỉ đạo. Cụ thể:

Chưa thành lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 990/UBND-CNN ngày 27 tháng 02 năm 2015 về triển khai thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ đối với Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp nhà nước (do tình hình sản xuất kinh doanh lỗ liên tiếp trong các năm qua, không có nguồn để trích quỹ).

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Thực hiện đầy đủ: 02 chỉ đạo; Cụ thể:

+ Báo cáo giám sát tài chính đặc biệt hàng tháng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 về việc giám sát tài chính đặc biệt đối với Công ty CBTPXK Hùng Vương.

+ Phối hợp với Ban Đối mới quản lý doanh nghiệp và Công ty Mua bán nợ xây dựng phương án tái cơ cấu thông qua xử lý nợ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 5989/UBND-CNN ngày 14 năm 11 năm 2014 về việc thực hiện tái cơ cấu thông qua xử lý nợ để chuyển đổi DN 100% vốn NN thành công ty cổ phần.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty tiếp tục lỗ và làm thâm hụt vốn nhà nước. Nguyên nhân của tình trạng này là do Công ty không tiếp cận được nguồn vốn của các tổ chức tín dụng dẫn đến không đủ nguồn vốn để sản xuất kinh doanh và sử dụng không hết công suất tài sản cố định. Công ty hoạt động chủ yếu là nhận gia công các loại thủy hải sản đông lạnh và kinh doanh kho lạnh; hiệu quả từ hoạt động này không đủ để khấu hao toàn bộ tài sản hiện có của Công ty. Doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2014 của UBND TP)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2014	Kế hoạch 2015	TH 6 tháng đầu năm 2015	Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	58.898	106.101	54.284	51,16%	92,2%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.429	105.502	53.908	51,10%	92,3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	89	100	66	66,00%	74,2%
3	Thu nhập khác	380	500	310	62,00%	81,6%
II	Tổng chi phí	58.565	105.071	53.518	50,94%	91,4%
1	Giá vốn hàng bán	53.259	95.327	48.326	50,69%	90,7%
2	Chi phí tài chính	29	100	28	28,00%	96,6%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.234	9.344	5.037	53,91%	96,2%
5	Chi phí khác	43	300	127	42,33%	295,3%
III	Tổng chi phí/tổng doanh thu (%)	99,43%	99,03%	98,59%	99,56%	99,15%
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	8,89%	8,81%	9,28%	105,36%	104,42%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	333	1.030	766	74,37%	230,0%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4)	830	583	70,24%	-14575,0%
2	Lợi nhuận khác	337	200	183	91,50%	54,3%
V	Nộp Ngân sách nhà nước	3.584	5.762	5.538	96,11%	154,5%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 51,16% so với kế hoạch, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2014 là do:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm do trong năm 2015 Công ty không có khoản dự kiến ngân sách cấp kinh phí. Trong 6 tháng đầu năm 2015, sản lượng vé đạt được là 986.016 lượt khách tham quan, giảm 26% so với cùng kỳ. Doanh thu vé đạt 41.463 triệu đồng. Doanh thu vé tăng cao là do từ tháng 01/2015, đơn vị tiến hành tăng giá vé 30.000đ – 50.000đ để tăng nguồn thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm do lãi tiền gửi ngân hàng giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,31%, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2014 do công ty không có khoản dự kiến ngân sách cấp kinh phí.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,12%, giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2014 do lãi tiền gửi ngân hàng giảm.

+ Thu nhập khác chiếm 0,57%, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 50,94% kế hoạch, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,3%, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,052%, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,4%, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,2%, tăng 195,3% so với cùng kỳ năm 2014. Chi phí khác tăng so với cùng kỳ năm 2014 do trong 6 tháng đầu năm 2015 số lượng thú chết và cây chết khô, ngã đổ tăng.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 99,15% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (99,56%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,28% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2014 (8,89%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 74,37% kế hoạch, tăng 230% so với cùng kỳ năm 2014. Lợi nhuận tăng do công ty tiết giảm được chi phí.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	TH 6 tháng đầu năm 2015	6T năm 2015/6T năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	333	766	230,0%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	227	598	263,4%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	657.576	664.484	101,1%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	706.878	713.251	100,9%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/vốn chủ sở hữu	%	0,05%	0,12%	227,6%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,03%	0,09%	260,7%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,03%	0,08%	261,1%

Qua số liệu trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,14 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 74.911 triệu đồng / 65.675 triệu đồng), lớn hơn 1. Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,1 lần (65.695 triệu đồng/647.299 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	TH 6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	706.878	713.251
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	78.866	74.911
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	628.012	638.340
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>11,2%</i>	<i>10,5%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>88,8%</i>	<i>89,5%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	706.878	713.251
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	46.572	65.695
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	660.306	647.556
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>6,6%</i>	<i>9,2%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>93,4%</i>	<i>90,8%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 600.044 triệu đồng (trong đó chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án Sài Gòn Safari 593.757 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty tương đối ổn định so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trong đó: khoản phải trả người bán: 11.841 triệu đồng; phải trả người lao động: 41.999 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 9.236 triệu đồng), chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm 2014 do lợi nhuận chưa phân phối giảm, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty là $H = 1,01$ (664.484 triệu đồng/657.576 triệu đồng). Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có đầu tư ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tăng trong 6 tháng đầu năm 2015 của công ty là 42 triệu đồng (trong đó: thú nuôi tăng có giá trị là 3,7 triệu đồng)

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tổng tài sản giảm trong 6 tháng đầu năm 2015 của công ty là 126 triệu đồng (giảm do thú chết).

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 25.147 triệu đồng (không có nợ phải thu khó đòi).

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 65.695 triệu đồng (không có nợ quá hạn và đến hạn trả).

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Công ty đang thực hiện Dự án công viên Sài Gòn Safari.

ST T	Tên hạng mục	Dự toán được duyệt	Ngân sách đã cấp	Chi phí đã thực hiện đến 30/6/2015
1	Giải phóng mặt bằng	619.230	576.215	576.215
2	Trồng cây phủ xanh giai đoạn I	3.306	3.178	2.449
3	Trồng cây phủ xanh giai đoạn II	28.455	22.199	22.700
4	Quy hoạch tỷ lệ 1/2000 Công viên Safari	1.443	675	675
5	Chuẩn bị đầu tư công viên Safari	4.508	2.609	2.609
	Tổng cộng	656.944	604.876	604.648

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện nộp ngân sách nhà nước kịp thời.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 96,11% kế hoạch, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2014, do doanh thu bán vé và doanh thu kinh doanh tăng dẫn đến thuế Giá trị gia tăng phải nộp tăng.

Đến cuối 6 tháng đầu năm 2015, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 8.981 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 2/3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Công ty đã thực hiện đầy đủ: 2/2 chỉ đạo.

a2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đạt trên 50% kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phải nộp ngân sách.

Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6th năm 2014	6 tháng năm 2015		Thực hiện 2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/ Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(4)	(7) = (5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	158.309	283.074	134.965	47,7%	85,3%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	157.672		134.342		85,2%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	637		614		96,4%
3	Thu nhập khác	-		9		
II	Tổng chi phí	157.298	278.603	133.909	48,1%	85,1%
1	Giá vốn hàng bán	133.752		120.721		90,3%
2	Chi phí tài chính	66		111		168,2%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-		-		
3	Chi phí bán hàng	-				
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.480		13.077		55,7%
5	Chi phí khác	-		-		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,4%	98,4%	99,2%	100,8%	99,9%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14,8%		9,7%		65,3%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.011	4.471	1.056	23,6%	104,5%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.011		1.047		103,6%
2	Lợi nhuận khác	-	-	9	-	

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 47,7% so với kế hoạch, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,53% tổng doanh thu, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2014 do doanh thu hoạt động chăm sóc bảo quản cây xanh giảm.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,45%, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,01%.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 48,1% kế hoạch, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,15% tổng chi phí, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2014, tương ứng với sự sụt giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,08% tổng chi phí;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,76%, giảm 44,3% so với cùng kỳ năm 2014. Do Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 99,2% tổng doanh thu thực hiện, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước (99,4%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,7% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với cùng kỳ năm 2014 (14,8%). Công ty đã tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2015.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 23,6% kế hoạch năm, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2014.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 th năm 2014	6th năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.011	1.056	104,45%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	789	824	104,44%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	45.150	45.150	100,00%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	122.817	147.109	119,78%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	2,24%	2,34%	104,45%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,75%	1,83%	104,44%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,64%	0,56%	87,19%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,47 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 122.136 triệu đồng/83.142 triệu đồng), lớn hơn 1: Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 1,59 lần (83.141 triệu đồng/52.426 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 th năm 2014	6th năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	122.817	135.567
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	117.062	122.136
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	5.755	13.431
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>95,31%</i>	<i>90,09%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>4,69%</i>	<i>9,91%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	122.817	135.567
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	70.233	83.141
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	52.584	52.426
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>57,19%</i>	<i>61,33%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>42,81%</i>	<i>38,67%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (78.153 triệu đồng) và tiền và các khoản tương đương tiền (30.382 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp có sự sụt giảm nhẹ trong tỷ lệ tài sản ngắn hạn.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (61,33%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Số dư Nợ phải trả đến ngày 30/6/2015 là 83.141 triệu đồng tăng 18,37% so với cùng kỳ năm 2014 do tăng khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, phải trả người lao động.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm 4,14% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (38,67%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty là $H = 1,0$ (45.150 triệu đồng/45.150 triệu đồng). Công ty đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty không có khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng năm 2015 công ty không thực hiện mua sắm tài sản cố định.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 86.525 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 83.142 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phát sinh khoản nợ vay ngắn hạn 22.346 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: Không có

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có quyết định xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế tổng số tiền là 225 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định và không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 là 3.653 triệu đồng, đạt 32,48% kế hoạch 2015 (11.245 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:
Không có.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty thực hiện kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động Bảo quản công viên: Khối lượng thực hiện là 124,94 ha, đạt 99,43% kế hoạch.

- Hoạt động Bảo quản cây xanh: Khối lượng thực hiện là 96.470 cây, đạt 99,4% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 123.954 triệu đồng (đạt 52,61% kế hoạch), ứng với tổng chi phí là 127.744 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty phải thực hiện 2/3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 1/3 chỉ đạo.

+ Thực hiện không đầy đủ: 1/3 chỉ đạo, cụ thể Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc triển khai thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty đạt dưới 50% kế hoạch đối với chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách.

Công ty thực hiện chưa đầy đủ 01 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

*(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của
Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	232.648	454.410	232.642	51,20%	100,00%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.275	450.410	232.304	51,58%	100,01%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	373	4.000	338	8,45%	90,62%
3	Thu nhập khác	-	-	-		
II	Tổng chi phí	229.173	217.086	229.142	53,27%	99,99%
1	Giá vốn hàng bán	211.001	379.173	211.242	55,71%	100,11%
2	Chi phí tài chính	-	-	-		
	<i>Trong đó: lãi vay</i>	-	-	-		
3	Chi phí bán hàng	-	-	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.172	51.000	17.900	35,10%	98,50%
5	Chi phí khác	-	-	-		
III	Tổng chi phí / Tổng doanh thu	98,51%	94,67%	98,50%		
	Trong đó: Chi phí quản lý trên Tổng doanh thu	7,81%	11,22%	7,69%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.475	24.237	3.500	14,44%	100,72%
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.475	24.237	3.500	14,44%	100,72%
2	Lợi nhuận khác	-	-	-		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 51,20% so với kế hoạch, tương đương so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,85%, tương đương với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,15%, tương đương với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 53,27% so với kế hoạch, tương đương với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92,19%, tăng 0,17% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý chiếm 7,81%, giảm 0,12% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 98,50% tổng doanh thu thực hiện, tương đương so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (98,51%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,69% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với cùng kỳ năm 2014 (7,81%). Công ty đã tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2015.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 14,44% kế hoạch và tăng 0,72% so với cùng kỳ năm trước do đặc thù của hoạt động công ích trong công tác duy tu ,nạo vét hệ thống thoát nước thường được nghiệm thu, quyết toán vào cuối năm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/ TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.475	3.500	100,72%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.711	2.730	100,70%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	235.863	235.863	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	533.255	514.561	96,49%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,47%	1,48%	100,72%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,15%	1,16%	100,70%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,51%	0,53%	104,36%

Qua bảng phân tích trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty là 2,36 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 379.761 triệu đồng/160.908 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 0,49 lần (169.473 triệu đồng/341.054 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	533.255	514.561
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	380.584	379.761
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	152.671	134.800
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,37%	73,80%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,63%	26,20%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	533.255	514.561
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	182.153	169.473
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	351.102	345.088
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,16%	32,94%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,84%	67,06%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của công ty, chủ yếu là khoản mục nợ phải thu ngắn hạn (183.445 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của công ty ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của công ty là $H = 1$ (235.863 triệu đồng/235.863 triệu đồng), công ty đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và cổ tức dự kiến được chia :

Đến 30/6/2015, Công ty có đầu tư ra ngoài với tổng số tiền 6.500 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty liên kết: 6.500 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm không phát sinh các khoản cổ tức được chia, do Công ty cổ phần mới thành lập trong năm 2013, chưa chia cổ tức.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty không phát sinh tăng/giảm các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của công ty là 183.445 triệu đồng. Trong đó nợ khó đòi là 13.008 triệu đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 13.008 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của công ty là 169.473 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 160.908 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm Công ty thực hiện dự án mua xe chuyên dụng vận chuyển bùn thùng kín với tổng mức đầu tư là 16.257 triệu đồng. Công ty đang tổ chức công tác đấu thầu.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện nộp ngân sách nhà nước kịp thời.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật lao động, tiền lương; Công ty đang xây dựng quy chế trả lương, thù lao, quy chế thưởng đối với Viên chức quản lý Công ty.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 937 triệu đồng đạt 4,24% kế hoạch, tăng 1,30% so với cùng kỳ năm trước.

d. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

Doanh thu công ích 6 tháng đầu năm 2015 là 232.304 triệu đồng đạt 100% so với cùng kỳ năm 2014, đạt 102% so với kế hoạch.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 2/3 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ 2/2 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: Không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị hoàn thành trên 50% kế hoạch năm về chỉ tiêu doanh thu và dưới 50% kế hoạch năm về chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước.

- Tình hình chấp hành các quy định về chính sách chế độ: Trong 6 tháng đầu năm 2015 công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng 2015/Thực hiện 6 tháng 2014
			Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	67.862	158.094	87.307	55,22	128,64
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.312	158.094	85.896	54,33	129,53
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.383		934		67,53
3	Thu nhập khác	167		477		285,62
II	Tổng chi phí	65.602	148.591	82.148	55,28	125,22
1	Giá vốn hàng bán	57.988	148.591	75.604		130,37
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.557		6.464		85,53
5	Chi phí khác	57		80		140,35
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,66		94,09		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	11,13		7,40		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.260	9.503	5.159	54,28	228,27
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	767	9.503	3.828		
2	Lợi nhuận khác	1.493		1.331		

a) Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 1 là 87.307 triệu đồng, đạt 55,22 % so với kế hoạch năm, tăng 28,64 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,38 %, tăng 29,53 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,07 %, giảm 32,47 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,54 %, tăng 185,62 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b) Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 55,28 % so với kế hoạch năm, tăng 25,22 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

c) Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2015 của Công ty đạt 54,28 % so với kế hoạch năm, tăng 128,27 % so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a) Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng Năm 2014	6 tháng Năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.260	5.159	228,27
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.194	4.024	337,01
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	137.466	137.466	100.000
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng		297.064	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%		3,75	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%		2,93	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%		1,35	

b) Khả năng thanh toán:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,37 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 189.027 triệu đồng/79.662 triệu đồng).

Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c) Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,65 lần (89.409 triệu đồng/137.466 triệu đồng) nằm trong giới hạn cho phép.

d) Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	297.064
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	189.027
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	108.037
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	63,63
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	36,36
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	297.114
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	89.409
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	207.704
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,09
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,90

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a) Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 51.229 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư dài hạn khác với Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT): 51.229 triệu đồng

b) Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013 /TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Doanh nghiệp không có hàng hóa tồn đọng kém phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 73.835 triệu đồng.

c) Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 89.409 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 27.788 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng mục đích khác 27.788 triệu đồng (nhận vốn góp liên doanh cho dự án Bình Trưng Đông tiểu khu số 14 A-C).
- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a) Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế.

b) Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp trích và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý đúng chế độ.

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 số phát sinh các khoản phải nộp ngân sách nhà nước là 28.405 triệu đồng, công ty đã nộp số năm trước chuyển sang và 6 tháng 2015 là 24.300 triệu đồng, số còn phải nộp 10.577 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

- Duy tu bảo dưỡng công viên: 5.364 triệu đồng
- Nạo vét, duy tu thoát nước: 4.454 triệu đồng
- Quét thu gom rác đường phố: 29.235 triệu đồng
- Thu gom, vận chuyển rác : 11.247 triệu đồng
- Vệ sinh khác: 572 triệu đồng

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a) Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Tốt.

b) Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Tốt.

II. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU:

6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chấp hành đúng các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu 2015/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	75.316.833.531	344.943.000.000	83.604.865.508	24,24%	111,00%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.312.831.180	330.843.000.000	75.947.760.194	22,96%	112,83%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.351.615.468	13.400.000.000	6.693.018.479	49,95%	91,04%
3	Thu nhập khác	652.386.883	700.000.000	964.086.835	137,73%	147,78%
II	Tổng chi phí	63.704.192.043	306.768.000.000	75.004.973.566	24,45%	117,74%
1	Giá vốn hàng bán	52.247.100.906		62.318.515.864		119,28%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.960.892.504		10.130.522.956		92,42%
5	Chi phí khác	496.198.633		2.555.934.746		515,10%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu(%)	84,58%		89,71%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14,55%		12,12%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.612.641.488	38.175.000.000	8.599.891.942	22,53%	74,06%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.456.453.238		10.191.739.853		
2	Lợi nhuận khác	156.188.250		-1.591.847.911		

a) Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 6 tháng đầu năm 2015 đạt 24,24% so với kế hoạch Ủy ban nhân dân thành phố giao, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu kinh doanh và cung cấp dịch vụ (Công ích, xây lắp, bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và quản lý nhà chợ) chiếm tỷ lệ 90,84% tổng doanh thu, tăng 12,83% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ 8,01% tổng doanh thu, giảm 8,96% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm tỷ lệ 1,15% tổng doanh thu, tăng 47,78% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

b) Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 24,45% so với kế hoạch, nhưng tăng 17,74% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ 83,09% tổng chi phí, tăng 19,28% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 13,50% tổng chi phí, giảm 7,58% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Công ty tiết giảm chi phí quản lý so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 3,41% tổng chi phí, tăng 415,10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân do Công ty nộp tiền truy thu thuế, chậm nộp thuế và vi phạm hành chính theo Quyết định số 1045/QĐ-CT ngày 31/12/2014 của Cục Thuế thành phố 15.021.824.245đ.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 89,71% tổng doanh thu thực hiện, tăng 5,13% so với tỷ lệ thực hiện cùng kỳ năm 2014 là 84,58%. Công ty tăng chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

c) Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 22,53% so với kế hoạch năm 2015, giảm 25,94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014, nguyên nhân do trong 6 tháng đầu năm 2014 Công ty có ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính từ cổ tức năm 2011 và 2012 từ Công ty cổ phần đầu tư Thủ Thiêm là 6.800.000.000 đồng. Còn 6 tháng đầu năm 2015 Công ty chưa ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính từ cổ tức năm 2013 từ Công ty cổ phần đầu tư Thủ Thiêm nên giảm lợi nhuận so với cùng kỳ 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a) Khả năng sinh lời:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng 2015/ TH 6 tháng 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	11.612.641.488	8.599.891.942	74,06%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	đồng	11.612.641.488	8.599.891.942	74,06%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	đồng	68.052.000.000	72.210.860.478	106,11%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	đồng	1.123.798.752.176	941.928.091.391	83,82%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	17,06%	11,91%	69,80%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,06%	11,91%	69,80%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,03%	0,91%	88,36%

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ thực hiện tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 giảm 25,94% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân do 6 tháng đầu năm 2014, Công ty có ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính từ cổ tức năm 2011 và năm 2012 của Công ty cổ phần đầu tư Thủ Thiêm, còn 6 tháng đầu năm 2015 Công ty chưa nhận được cổ tức năm 2013 từ Công ty cổ phần đầu tư Thủ Thiêm nên lợi nhuận giảm so với cùng kỳ.

Tổng tài sản trên vốn (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ) 6 tháng đầu năm 2015 giảm 16,18% với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân hệ số quay vòng tài sản 6 tháng đầu năm của Công ty tương đối thấp (doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân, Hệ số vòng quay tổng tài sản càng cao đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh càng hiệu quả) do doanh thu thấp trong khi tài sản ngắn hạn của Công ty tương đối cao (hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn bao gồm chi phí sản xuất dở dang của các dự án và các công trình chưa được quyết toán).

Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu (11,91%) giảm so cùng kỳ năm 2014 (17,06%) là do lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn chủ sở hữu tăng lên; đồng thời đầu năm 2015 Công ty có điều chỉnh kết chuyển (theo biên bản kiểm tra 2013 của Chi Cục tài chính doanh nghiệp) quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tỷ lệ thực hiện tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) 6 tháng đầu năm 2015 giảm 11,64% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân là do cơ cấu tài sản của công ty đa phần là tài sản ngắn hạn (còn tài sản dài hạn thì thấp

hơn do bất động sản đầu tư ít, chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư Thủ Thiêm và Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Vạn Đức Long), chủ yếu Công ty thuê bên ngoài, kết quả làm cho chi phí sản xuất kinh doanh tăng lên rất nhiều làm giảm khả năng tạo ra lợi nhuận cho Công ty, nên khả năng sinh lời từ tài sản chưa hiệu quả.

Như vậy, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014.

b) Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,66 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 828.531.682.797 đồng/499.863.744.806 đồng).

Như vậy, Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c) Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Nợ phải trả: 740.087.468.262 đồng, cụ thể:

+ Phải trả người bán: 2.487.966.864 đồng

+ Người mua trả tiền trước: 63.368.325.409 đồng

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 5.295.049.664 đồng

+ Phải trả người lao động: 276.700.000 đồng

+ Chi phí phải trả: 351.602.150.597 đồng

(chi phí trích trước các công trình và dự án kinh doanh bất động sản).

+ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác: 95.112.657.821 đồng

(phải nộp tiền thu từ bán chung cư nền đất tái định cư, phải trả khác).

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: (18.279.105.549) đồng

(do chưa trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013, 2014 vì chưa có quyết định về công bố xếp loại doanh nghiệp năm 2014) năm 2013 đã có Quyết định xếp loại A về doanh nghiệp và viên chức quản lý xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng Công ty chưa chia, khen thưởng, phúc lợi, còn năm 2014 chưa có Quyết định xếp loại.

+ Phải trả dài hạn khác: 208.124.175.000 đồng

(tiền ký quỹ vào dự án đầu tư Khu 2-3-4 và ký quỹ thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng)

+ Doanh thu chưa thực hiện: 32.099.548.456 đồng

- Vốn chủ sở hữu: 72.210.860.478 đồng.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 là 10,25 vượt quá giới hạn cho phép (vượt quá 3 lần theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

Tại điểm b Khoản 3 Điều 19 có quy định đối với doanh nghiệp có tổng nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại Điểm a Khoản này để đầu tư dự án quan trọng phải báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Chủ sở hữu có trách nhiệm thông báo cho Bộ tài chính để phối hợp theo dõi và giám sát). Trường hợp này Công ty chưa báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc huy động vốn quá mức quy định trên.

Theo giải trình của Công ty: các khoản nợ trên vẫn an toàn do khách hàng chỉ thanh toán trước tiền mua sản phẩm, sau khi hoàn tất pháp lý các dự án và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng thì khoản nợ này được giảm xuống. Các khoản nợ được bảo đảm bằng hàng tồn kho, sản phẩm của các công trình, dự án là 591.837.887.698 đồng.

d) Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	đồng	1.108.141.256.166	926.760.769.799
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	944.253.374.982	828.531.682.797
2	Tài sản dài hạn	đồng	163.887.881.184	98.229.087.002
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,21%	89,40%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,79%	10,60%
II	Tổng nguồn vốn	đồng	1.108.141.256.166	926.760.769.799
1	Nợ phải trả	đồng	862.238.601.081	740.087.468.262
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	245.902.655.085	186.673.301.537
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,81%	79,86%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,19%	20,14%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho 591.837.887.698 đồng, các khoản phải thu ngắn hạn 105.092.903.782 đồng.

+ Tổng tài sản 6 tháng đầu năm 2015 là 926.760.769.799 đồng, giảm 181.380.486.367 đồng so với tổng tài sản cùng kỳ năm 2014 là 1.108.141.256.166 đồng. Nguyên do: chỉ tiêu tài sản ngắn hạn giảm từ 944.253.374.982 đồng xuống còn 828.531.682.797 đồng, giảm 115.721.692.185 đồng (Công ty kết chuyển giá vốn dẫn đến giảm chỉ tiêu hàng tồn kho từ

742.104.502.762 đồng xuống còn 591.837.887.698 đồng, giảm 150.266.615.064 đồng; chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền tăng từ 73.347.467.572 đồng lên 129.722.623.908 đồng, tăng 56.375.156.336 đồng; tài sản ngắn hạn khác giảm từ 12.533.176.030 đồng xuống còn 1.878.267.409 đồng giảm 10.654.908.621 đồng; các khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 116.268.228.618 đồng xuống còn 105.092.903.782 đồng giảm 11.175.324.836 đồng); chỉ tiêu tài sản dài hạn giảm từ 163.887.881.184 đồng xuống còn 98.229.087.002 đồng, giảm 65.658.794.182 đồng.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/6/2015 là 926.760.769.799 đồng, giảm 181.380.486.367 đồng so với cùng kỳ năm trước là 1.108.141.256.166 đồng. Nguyên nhân giảm:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 là 740.087.468.262 đồng, giảm 122.151.132.819 đồng so với cùng kỳ năm trước là 862.238.601.081 đồng. Nguyên do trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã kết chuyển doanh thu dẫn đến giảm chỉ tiêu người mua trả tiền trước từ 161.076.753.101 đồng xuống còn 63.368.325.409 đồng, giảm 97.708.427.692 đồng. Tuy nhiên, tổng nợ phải trả vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (chiếm 79,86% tổng nguồn vốn).

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 là 186.673.301.537 đồng, giảm 59.229.353.548 đồng so với cùng kỳ năm trước là 245.902.655.085 đồng. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn kinh phí sự nghiệp 6 tháng đầu năm 2015 giảm còn 44.351.134.549 đồng so với cùng kỳ năm 2014 là 125.101.414.742 đồng, nguyên do: Công ty quyết toán dự án vòng xoay chân cầu Sài Gòn, dự án điện hạ thế Khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi-giai đoạn 2...

e) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Vốn chủ sở hữu tính theo Điều 14, Thông tư số 158/2013/TT/BTC tại thời điểm báo cáo là 72.210.860.478 đồng, vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo (cùng kỳ năm 2014) là 68.052.000.000 đồng. Tỷ lệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty là $H = \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo} / \text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo} = 1,06$, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a) Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, giá trị đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Công ty là 12.983.300.000 đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm: 7.560.000.000 đồng

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Vạn Đức Long: 5.423.300.000 đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chưa tiến hành chi trả cổ tức. Đến 30/6/2015, Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm còn nợ cổ tức của năm 2013 và 2014 (tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2013 – 2014 là 10% trên mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu vốn đầu tư của Công ty 2.268.000 giá trị cổ phiếu tương đương 22.680.000.000 đồng), vì vậy Công ty chưa ghi nhận doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2015.

+ Công ty CP Khai thác khoáng sản Vạn Đức Long: không chia cổ tức, nguyên nhân Công ty mới góp vốn đầu năm 2013, hiện nay đơn vị được góp vốn mới đi vào hoạt động ổn định, đang tiếp tục đầu tư trang thiết bị máy móc để hạ giá thành, nâng cao tính cạnh tranh.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)		Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách
1	Cty CP ĐT Thủ Thiêm	7.560.000.000	18,93%	0	0		7.560.000.000	18,93%
2	Cty CP KT KS Vạn Đức Long	5.423.300.000	33,33%	0	0		5.423.300.000	33,33%

b) Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có đầu tư trang bị mới một số thiết bị văn phòng: Máy vi tính, máy in, máy lạnh và công cụ dụng cụ khác ... với tổng giá trị 692.000.000 đồng. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã đầu tư 1 xe tưới nước mới, trị giá 1.620.000.000 đồng và một số tài sản cố định khác trị giá 217.000.000 đồng.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng nhà thuộc sở hữu nhà nước thực hiện mức trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/TC/TT ngày 10/02/1993 của Bộ Tài chính về hướng dẫn tính và thu nộp khấu hao cơ bản đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho thuê.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Công ty là 105.092.903.782 đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 275.996.997 đồng; đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tổn thất các khoản đầu tư tài chính (khảo sát thiết kế nhưng không thực hiện dự án...) theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 số tiền là 275.996.997 đồng (theo đề nghị của Chi cục Tài chính doanh nghiệp) tại biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2009 ngày 22/10/2010. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh thêm công nợ khó đòi.

c) Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 740.087.468.262 đồng, Công ty không vay ngân hàng và không có nợ phải trả quá hạn.

d) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, Công ty không có dư nợ vay của các tổ chức tín dụng, cá nhân.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a) Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty đã tuân thủ và chấp hành tốt việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đầy đủ, kịp thời cho Cục Thuế thành phố theo quy định.

Ngày 09/01/2015 Công ty đã thực hiện nộp số tiền 15.012.824.245 đồng vào ngân sách (xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính) trong đó:

- Phạt tiền về hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp:

1.076.657.764 đồng

- Truy thu thuế:

12.680.254.044 đồng

+ Thuế TNDN:

1.521.715.173 đồng

+ Thuế GTGT đối với hoạt động thu hộ tiền bán căn hộ, nền đất tái định cư:

6.739.000.000 đồng

+ Thuế GTGT các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

4.419.538.871 đồng

- Số tiền chậm nộp thuế:

1.255.912.437 đồng

b) Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty chi trả tiền lương kịp thời cho người lao động theo như quy chế trả lương và thỏa ước lao động tập thể. Công ty có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký và chi nộp tiền bảo hiểm hàng tháng kịp thời cho Bảo hiểm Xã hội quận 2.

+ Quỹ tiền lương thực hiện 6 tháng đầu năm 2015:	21.685 triệu đồng
- Người lao động (gồm XDCB):	20.846 triệu đồng
- Viên chức quản lý:	839 triệu đồng
+ Quỹ tiền lương đã chi 6 tháng đầu năm 2015:	21.504 triệu đồng
- Người lao động (gồm XDCB):	20.847 triệu đồng
- Viên chức quản lý (80%):	657 triệu đồng

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng số đã nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 32.160.000.000 đồng giảm 14.440.000.000 đồng, tương đương giảm 30,99% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 131,86% so với kế hoạch thành phố giao (24.385.000.000 đồng) Nguyên nhân lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 giảm nên thuế thu nhập doanh nghiệp giảm và doanh thu của năm 2014 đã được kết chuyển hết trong cuối năm 2014.

Đến 30/6/2015, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 5.295.049.664 đồng.

d) Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nộp khoản lợi nhuận còn lại của năm 2014 vào ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) số tiền là 5.553.459.651 đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đối với hoạt động công ích là 15.467.000.000 đồng, đạt 36% sản lượng kế hoạch năm 2015, trong đó :

+ Vệ sinh công cộng : Sản lượng thực hiện là 9.360.000.000 đồng đạt 50% kế hoạch 2015.

+ Chăm sóc cây xanh : Sản lượng thực hiện là 4.710.000.000 đồng đạt 50% kế hoạch 2015 và đạt 94% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, Công ty được Khu quản lý giao thông đô thị số 2 và Trung tâm quản lý Hàm sông Sài Gòn ký hợp đồng đặt hàng năm 2015 với các công trình : Đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích năm 2015 ; Chăm sóc, bảo quản công viên cây xanh năm 2015 hạng mục mảng xanh vỉa hè đường Mai Chí Thọ , mảng xanh tiểu đảo tại nút giao thông đường Đồng Văn Cống.

+ Nạo vét hệ thống thoát nước : Sản lượng thực hiện là 1.000.000.000 đồng đạt 7,69% kế hoạch năm 2015 (13 tỷ đồng).

+ Duy tu đảm bảo giao thông : Sản lượng thực hiện là 397.000.000 đồng đạt 19,85% kế hoạch năm 2015 (2 tỷ đồng).

Tổng doanh thu thực hiện công ích trong 6 tháng đầu năm 2015 (gồm cả công ích do Ủy ban nhân dân quận giao là 43.140.000.000 đồng và phần Công

ty chủ động nhận thầu bên ngoài là 29.400.000.000 đồng) đạt 12,84 tỷ đồng, đạt 17,70% so với kế hoạch năm 2015 là 72.540.000.000 đồng và đạt 45,51% so với cùng kỳ năm 2014.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan :

a) Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Thực hiện Công văn số 839/UBND-TM ngày 26/02/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính: Công ty thực hiện ước tính để tạm nộp khoản lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của cả năm 2014 (theo Tờ khai quyết toán năm 2014) vào Ngân sách nhà nước số tiền là 5.553.459.651 đồng (nộp ngày 30/3/2015).

b) Tình hình thực hiện các đề nghị của Cục Thuế thành phố :

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận, kiến nghị trong Biên bản kiểm tra thuế năm 2013 ngày 26/12/2014 của Đoàn Kiểm tra thuế thành phố và Quyết định số 1045/QĐ-CT ngày 31/12/2014 của Cục Thuế thành phố. Đã thực hiện nộp ngân sách Nhà nước số tiền truy thu thuế là 15.012.824.245 đồng (ngày 09/01/2015)

II. Kết luận:

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận (số liệu không được kiểm toán), một số chỉ tiêu doanh thu chưa đạt so với kế hoạch năm nhưng có tăng so với cùng kỳ năm 2014; có phát sinh lợi nhuận, tuy nhiên lợi nhuận đạt thấp (**Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh**: Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 đạt 22,53% so với kế hoạch và giảm 25,94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014; **Khả năng sinh lời tài chính của Công ty**: Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 giảm 25,94% so với cùng kỳ năm 2014, lợi nhuận thực hiện trên vốn sở hữu đạt 11,91% giảm 17,06% so với cùng kỳ năm 2014, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 6 tháng đầu năm 2015 giảm 11,64% so với cùng kỳ năm 2014).

- | | |
|---------------------------|---|
| + Phân loại doanh nghiệp: | - An toàn về tài chính: <input checked="" type="checkbox"/> |
| | - Mất an toàn về tài chính: <input type="checkbox"/> |

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng năm 2015/ Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	19.131	82.418	30.436	36,93%	159,09%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.233	82.418	29.642	35,97%	162,57%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	833	-	739	-	88,71%
3	Thu nhập khác	65	-	55	-	83,59%
II	Tổng chi phí	17.196	77.513	28.220	36,41%	164,11%
1	Giá vốn hàng bán	11.883	62.703	22.644	36,11%	190,56%
2	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-37,24%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.313	14.810	5.404	36,49%	101,71%
5	Chi phí khác	-	-	172	-	-
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	89,88	94,04	92,72		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	22,77	17,96	17,75		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.935	4.905	2.216	45,18%	114,52%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.870	4.905	2.333	47,56%	124,75%
2	Lợi nhuận khác	65	-	(117)	-	-

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 36,93% so với kế hoạch, tăng 59,09% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,39%, tăng 62,57 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,43%, giảm 11,29% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014..

+ Thu nhập khác chiếm 0,18%, giảm 16,41 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do công tác hoạt động dịch vụ công ích đã ký biên bản nghiệm thu nên đã phản ánh doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 36,41% kế hoạch, tăng 64,11% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014..

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 80,24%, tăng 90,56% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 19,15%, tăng 1,71% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,61% là 172 triệu đồng do trong 6 tháng đầu năm 2015 công ty đã xử lý khoản nợ phải thu.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 92,72% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (89,88%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 17,75% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (27,77%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 45,18% kế hoạch, tăng 14,52% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015(6T)/ TH năm 2014 (6T)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.935	2.216	114,52%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.522	1.728	113,53%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	38.719	39.315	0,99

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	125.119	125.458	1%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	48	56	117
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	38	44	115,7
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	121	137	113,22

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,57 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 97.061 triệu đồng/27.162 triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn theo các trường hợp sau: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 1,05 lần (41.124 triệu đồng/39.315 triệu đồng), nằm trong giới hạn phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	125.119	125.458
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	98.567	97.061
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	26.552	28.397
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79	77
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	21	23
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	125.119	125.458
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	51.471	41.124
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	73.648	84.334
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41	33
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59	67

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu khách hàng 29.756 (triệu đồng) và khoản trả trước cho người bán 24.589 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm khoản 33% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ 67% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 0,99$ (39.315 triệu đồng/39.823 triệu đồng), doanh nghiệp chưa bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: đến 30/6/2015, doanh nghiệp có đầu tư vào Ngân hàng Phương Nam dưới hình thức cổ phần. Số vốn góp là 750 triệu đồng tương đương 75.000 cổ phần và chưa được chia cổ tức do Ngân hàng vẫn đang lỗ lũy kế.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp không trang bị thêm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 60.747 triệu đồng (gồm: nợ đến hạn thanh toán 20.397 triệu đồng; nợ quá hạn thanh toán 38.148 triệu đồng; nợ không có khả năng thu hồi 2.201 triệu đồng) giảm 13.268 triệu đồng so với đầu năm 2015 (74.015 triệu đồng)

Trong năm 2015, doanh nghiệp đã thường xuyên rà soát các khoản nợ quá hạn thanh toán do phải thu các công trình xây dựng cơ bản thuộc Ngân sách nhà nước chưa ghi vốn hoặc chưa được duyệt quyết toán. Doanh nghiệp cố gắng khắc phục có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: họp hội đồng xử lý công nợ hàng quý 1 lần.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 41.123 triệu đồng, giảm 21.226 triệu đồng so với đầu năm 2015 (62.349 triệu đồng)

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, Công ty không có huy động vốn.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Đến thời điểm 30/6/2015, doanh nghiệp không có thực hiện dự án.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có Quyết định của cơ quan thuế về xử lý vi phạm về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã nộp Báo cáo quỹ lương kế hoạch và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2015.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 55,84% kế hoạch, 112,4 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Đến thời điểm 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 8.053 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty không hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét dọn vệ sinh: Khối lượng thực hiện là 91.540.330 m², tương đương 7.928 triệu đồng, đạt 41,26% kế hoạch

- Duy tu mảng xanh, công viên: Khối lượng thực hiện là 2.695.070 m², tương đương 2.345 triệu đồng, đạt 43,21 % kế hoạch giảm diện tích do giảm mảng xanh Hoàng Sa từ tháng 4 năm 2014.

- Nạo vét cống: Khối lượng thực hiện là 23.139 md, tương đương 2.002 triệu đồng, đạt 38,3% kế hoạch.

- Nạo vét hầm ga: Khối lượng thực hiện là 1.453 hầm, tương đương 664 triệu đồng, đạt 33,77% kế hoạch.

- Vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 603.207 tấn, tương đương 6.265 triệu đồng, đạt 43,09% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 25.372 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 22.898 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 4 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 3/4 chỉ đạo

- Không thực hiện: 1/4 chỉ đạo, cụ thể:

Công văn số 1052/UBND-CNN của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn điều chuyển khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu của các Công ty con 100% vốn Công ty mẹ vượt vốn điều lệ được phê duyệt: công ty không nhận được văn bản.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Thanh tra Thành phố có Kết luận số 06/KL-TTTP-P1 ngày 20 tháng 01 năm 2015 về việc quản lý sử dụng đất và thu chi tài chính liên quan của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 3 và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo số 319/TB-VP ngày 18 tháng 4 năm 2015 về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Hữu Tín về Kết luận thanh tra việc quản lý sử dụng đất và thu chi tài chính liên quan của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 3. Đến nay, Công ty chưa thực hiện nội dung sau:

+ Chưa thu hồi đầy đủ các khoản nợ còn lại của Công ty Á Châu

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Ngày 03 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 3277/QĐ-UBND về việc bổ sung kinh phí cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện đặt hàng cung ứng sản phẩm – dịch vụ công ích và thu hồi kinh phí sản phẩm – dịch vụ công ích từ ngân sách quận, huyện về ngân sách thành phố do điều chỉnh giảm mức tiền lương tính trong đơn giá sản phẩm – dịch vụ công ích năm 2012, 2013. Qua đó, số kinh phí phải thu hồi dịch vụ công ích là 10.142.440.000 đồng (Mười tỷ một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng). Tính đến nay, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 3 đã nộp trả số tiền

4.787.518.857 đồng, số chưa nộp 5.354.921.143 đồng. Công ty đã có văn bản số 1179/DVCI ngày 28 tháng 8 năm 2015 đề nghị được hoàn trả số còn lại vào 2 năm cụ thể là cuối các năm 2015, 2016

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Công ty chưa hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp dịch vụ quét dọn vệ sinh, chưa thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Thanh tra Thành phố và Sở Tài chính .

Doanh nghiệp đã chấp hành tốt các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 4**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6th/2014	Năm 2015		TỶ LỆ	
			Kế hoạch	Thực hiện 6th/2015	TH 6th 2014 so KH 2015	6th 2015 so 6th 2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	176.392	269.500	317.479	117,80%	179,98%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.801	269.500	315.646	117,12%	179,55%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	136		258		189,71%
3	Thu nhập khác	455		1.575		346,15%
II	Tổng chi phí	130.333	239.600	297.147	124,02%	227,99%
1	Giá vốn hàng bán	113.827	199.400	278.203	139,52%	244,41%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	0				
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.501	40.200	18.667	46,44%	113,13%
5	Chi phí khác	5		277		6014,98%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	73,89%	88,91%	93,60%	105,28%	126,67%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,35%		5,88%		62,85%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	46.059	29.900	20.332	68,00%	44,14%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.609	29.900	19.034	63,66%	41,73%
2	Lợi nhuận khác	450	0	1.298		288,26%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 vượt 17,12% so với kế hoạch, tăng 79,55% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,42% tổng doanh thu, giảm nhẹ 0,24% so với thực hiện cùng kỳ năm trước do kết chuyển khoản doanh thu nhận trước của khách hàng từ các năm trước của hoạt động kinh doanh địa ốc.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08% tổng doanh thu, bằng với thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thu nhập khác chiếm 0,5% tổng doanh thu, tăng 0,24% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 124,02% kế hoạch, tăng 127,99% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,62% so với tổng chi phí, tăng 6,29% so với thực hiện cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí tài chính, chi phí bán hàng: không phát sinh;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,28% so với tổng chi phí, giảm 6,38% so với thực hiện cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí khác chiếm 0,09% so với tổng chi phí, tăng 0,089% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 chiếm 93,6% tổng doanh thu thực hiện, tăng 26,67% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,88% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện cùng kỳ năm trước (37,15%) do Công ty hạch toán tiền điện của hoạt động cho thuê mặt bằng, cung cấp điện vào chi phí quản lý doanh nghiệp và trích tiền lương bộ phận quản lý công ty tăng tương ứng với tăng doanh thu và lợi nhuận của hoạt động kinh doanh địa ốc

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 68% so với kế hoạch, tăng giảm 55,86 % so với thực hiện cùng kỳ năm trước do chi phí tăng mạnh từ hoạt động kinh doanh địa ốc.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	6th 2014	6th 2015	Tỷ lệ TH 6th 2015 so 6th 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	46.059	20.332	44,14%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	35.926	14.810	41,22%
3	Vốn chủ sở hữu (Điều 14 TT158)	Tr đồng	169.569	145.858	86,02%
4	Tổng tài sản	Tr đồng	2.284.314	2.217.132	97,06%
5	Tỷ suất LN thực hiện / Vốn CSH	%	31,58%	13,94%	44,14%
6	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	24,63%	10,15%	41,22%
7	Tỷ suất LN sau thuế / tổng tài sản (ROA)	%	1,57%	0,67%	42,47%

Chỉ số ROE, ROA của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với 6 tháng đầu năm 2014. Như vậy Công ty hoạt động kém hiệu quả hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,34 lần > 1: doanh nghiệp đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2014 là 1.914.598 triệu đồng /243.163 triệu đồng = 7,87 vượt mức quy định (quá 3 lần) tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ do trong tổng nợ phải trả 1.914.598 triệu đồng có khoản tiền nhận trước của khách hàng mua nền đất, căn hộ của dự án (754.081 triệu đồng), nhận của đối tác liên doanh để thực hiện dự án (458.487 triệu đồng), phải trả người lao động (47.204 triệu đồng). Tuy nhiên, các khoản nợ này đã được đảm bảo bằng hàng tồn kho, sản phẩm dở dang của các dự án là 1.640.147 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6T/Năm 2014	6T/Năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.190.014	2.217.132
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.030.736	1.961.610
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	159.278	255.522
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,73%	88,48%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	7,27%	11,52%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.190.014	2.217.132
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.920.804	1.914.598
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	269.210	302.534
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,71%	86,35%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,29%	13,65%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (1.640.147 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (86,35%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (13,65%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,12$. Công ty đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty có góp vốn liên doanh 5 tỷ đồng với Công ty cổ phần Đay Sài Gòn (do Công ty Cổ Phần Đay là chủ đầu tư) để thực hiện dự án tại số 1 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4. Phương án liên doanh là chia sản phẩm, phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 4 là bố trí tái định cư. Dự án đã xây dựng và hoàn thành năm 2005, đang chờ Chủ đầu tư quyết toán. Cty TNHH MTV DVCI Q4 đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở Công ty cổ phần Đay Sài Gòn quyết toán dự án này, dự kiến năm 2015 sẽ quyết toán xong.

Dự án tại số 1 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4 góp vốn với Công ty cổ phần Đay Sài Gòn được thực hiện với phương án liên doanh là chia sản phẩm.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty không phát sinh đầu tư vốn ra ngoài hay thoái vốn.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015 công ty không phát sinh đầu tư, mua sắm tài sản cố định.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong 6 tháng năm 2015, Công ty không thanh lý nhượng bán tài sản.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 19.548 triệu đồng. Trong đó, nợ khó đòi là 817 triệu đồng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 817 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 1.914.598 triệu đồng. Công nợ phải trả 6 tháng năm 2015 của Công ty giảm nhiều so với đầu năm 2015 (giảm 81.991 triệu đồng) chủ yếu do giảm doanh thu chưa thực hiện, người mua trả tiền trước. Công ty không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty vay ngân hàng (vay ngắn hạn và dài hạn) để thực hiện các dự án lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Số dư nợ vay ngân hàng của Công ty đến cuối ngày 30/6/2015 là 458.487.076.093 đ

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Các dự án thuộc nhóm A: gồm 4 dự án với tổng mức dự toán đầu tư là 3.697 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- + Chung cư 430 Nguyễn Tất Thành với tổng mức dự toán đầu tư là 595.896 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 150.754 triệu đồng.

- + Chung cư 299 Tôn Thất Thuyết với tổng mức dự toán đầu tư là 1.163.329 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 599.624 triệu đồng.

- + Chung cư Phú Mỹ Q.7 lô C với tổng mức dự toán đầu tư là 544.172 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 254.784 triệu đồng.

- + Chung cư Belleza Phú Mỹ Q.7 lô A,D,E với tổng mức dự toán đầu tư là 1.393.948 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 312.087 triệu đồng.

- Các dự án thuộc nhóm B: gồm 3 dự án với tổng mức dự toán đầu tư là 721,398 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- + Cao ốc số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4 với tổng mức dự toán đầu tư là 163.387 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 160.697 triệu đồng.

- + Chung cư P.8, Q.4 lô H2 Hoàng Diệu với tổng mức dự toán đầu tư là 307.450 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 162.331 triệu đồng.

- + Chung cư P.6, Q.4 lô H3 Hoàng Diệu với tổng mức dự toán đầu tư là 250.561 triệu đồng. Tính đến ngày 30/06/2015, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 21.436 triệu đồng.

Hầu hết các dự án trên công ty đã có nhiều cố gắng nhưng không hoàn thành tiến độ, nguyên nhân chính là các dự án đều phải điều chỉnh quy mô, thiết kế phù hợp với quy hoạch chung theo quy định.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế,

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 25,07% kế hoạch, giảm 4,77% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 do tăng chi phí từ hoạt động kinh doanh địa ốc.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định trong 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

- Hoạt động vệ sinh môi trường: Khối lượng thực hiện 34.460.859 m², đạt 49,45% kế hoạch.

- Hoạt động duy tu, nạo vét cống:

+ Nạo vét hệ thống thoát nước: Khối lượng thực hiện 36.319 m, đạt 95,97% kế hoạch.

+ Nạo vét hệ hồ ga: Khối lượng thực hiện 4.791 cái, đạt 66,41% kế hoạch

- Hoạt động chăm sóc cây xanh: Khối lượng thực hiện 13.391 m², đạt 50% kế hoạch.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty phải thực hiện 4 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty đã thực hiện đầy đủ 4/4 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đạt trên 50% các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước theo kế hoạch năm.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 5**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6T năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	88.063	148.787	59.680	40,11%	67,76%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.075	146.792	58.406	39,79%	82,17%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	16.796	495	247	49,89%	1,47%
3	Thu nhập khác	192	1.500	1.027	68,47%	534,9%
II	Tổng chi phí	85.548	143.845	58.061	40,36%	63,15%
1	Giá vốn hàng bán	62.622	126.045	49.726	39,45%	79,41%
2	Chi phí tài chính	17.223	5.100	2.541	49,82%	14,75%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.223</i>	<i>2.293</i>	<i>2.541</i>	<i>110,81%</i>	<i>207,76%</i>
3	Chi phí bán hàng	38,5	300	145	48,33%	376,62%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.553	12.000	5.569	46,41%	100,29%
5	Chi phí khác	111	400	80	20,00%	72,07%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,14	96,68	97,29		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	6,3	8,1	9,3		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.515	4.942	1.620	32,78%	64,41%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.435	3.842	673	17,52%	27,64%
2	Lợi nhuận khác	80	1.100	947	86,10%	1.183,75%

1.1. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015, đạt 40,11% so với kế hoạch; giảm 32,24% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu (97,86%), nhưng chỉ đạt 39,79% kế hoạch và giảm 17,83% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, tương ứng với 12.669 triệu đồng, trong đó giảm nhiều nhất là doanh thu xây dựng (919 triệu đồng), chỉ bằng 16,63% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (5.525 triệu đồng).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng thấp trong tổng doanh thu (0,41%), và chỉ bằng 1,47% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do trong 6 tháng đầu năm 2014 đơn vị có phát sinh phần thu nhập từ chuyển nhượng vốn dự án Trung tâm liên hiệp - TMDV Tân Đà - Hàm Tử là 16.584 triệu đồng. Nếu so với kế hoạch năm 2015, doanh thu hoạt động tài chính đã đạt tương đương 50%.

+ Thu nhập khác chiếm 1,73% trong tổng doanh thu, tăng 434,9% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân tăng cao là do phát sinh khoản thu nhập không thường xuyên là 1,027 tỷ đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 của đơn vị chủ yếu từ các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, nhưng chỉ đạt 39,79% so với kế hoạch, do đó đã làm giảm tổng doanh thu của đơn vị.

1.2. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 40,36% kế hoạch, giảm 36,85% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ *Giá vốn hàng bán chiếm 85,64% tổng chi phí, giảm 20,59% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;*

+ *Chi phí tài chính chiếm 4,37% tổng chi phí, giảm 85,25% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014; Riêng chi phí lãi vay 6 tháng năm 2015 lại tăng 107,76% so với cùng kỳ năm 2014.*

+ *Chi phí bán hàng chiếm 0,25% tổng chi phí, tăng 276,62% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;*

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,59% tổng chi phí, tăng 0,29% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;*

+ *Chi phí khác chiếm 0,15% tổng chi phí, giảm 27,93% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.*

Như vậy, tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 97,28% so với tổng doanh thu thực hiện, tăng 0,6% so với kế hoạch (chi phí kế hoạch bằng 96,68% doanh thu kế hoạch) và tương đương với chi phí thực hiện cùng kỳ năm 2014 (bằng 97,14%). Nhìn chung Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ công ích chưa có biện pháp tiết giảm chi phí. Ngoài ra, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp lại có xu hướng tăng trong khi doanh thu không tăng.

1.3. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của đơn vị chỉ đạt 37,28% so với kế hoạch và bằng 64,41% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014, trong đó :

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ đạt 17,52% kế hoạch và chỉ bằng 27,64% so với lợi nhuận thực hiện cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân là do doanh thu của hoạt động này không tăng, trong khi chi phí lại tăng đáng kể, đặc biệt tăng những khoản chi phí mang tính chất quản lý hoạt động kinh doanh không phải là chi phí trực tiếp.

- Lợi nhuận khác đạt 86,1% kế hoạch và tăng 1.083,75% (tương đương 867 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân là do phát sinh khoản thu nhập khác từ việc điều chỉnh nguồn kinh phí bảo trì chung cư.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

2.1. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.515	1.620	64,41%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.962	1.264	64,42%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	90.706	90.706	
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	762.060	778.083	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	2,77	1,78	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,16	1,39	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%		0,16	

Qua phân tích, đánh giá các số liệu ở bảng trên cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 5 sử dụng vốn đạt hiệu quả thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

2.2. Khả năng thanh khoản:

Theo số liệu báo cáo tài chính của đơn vị, tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là **2,45** lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 643.333 triệu đồng/262.239 triệu đồng). Tuy nhiên, khoản phải nộp ngân sách quận từ nguồn thu bán các căn hộ chung cư lô B Phan Văn Trị, chung cư Hùng Vương, Nguyễn Trãi và chung cư Ngô Quyền (nhận bàn giao từ Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 5) chưa được đơn vị hạch

toán thể hiện nợ ngắn hạn phải trả. Do đó, hệ số 2,45 lần chưa phản ánh đúng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của đơn vị.

2.3. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 là **4,99** vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP.

Doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá 3 lần do doanh nghiệp thực hiện huy động vốn đầu tư các dự án là 242.765 triệu đồng, nhưng hiện nay các dự án đều tạm dừng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn thực hiện trích trước chi phí đầu tư cho khu dân cư Vĩnh Lộc là 109.336 triệu đồng. Hệ số này sẽ tăng khi đơn vị hạch toán khoản còn phải nộp ngân sách quận từ tiền bán nhà chung cư được nhận bàn giao.

2.4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	760.467	785.876
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	612.024	643.333
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	148.443	142.543
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,48	81,86
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,52	18,14
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	760.467	785.876
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	579.272	605.254
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	181.195	180.622
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,17	77,02
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23,83	22,98

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho là 441.999 triệu đồng và các khoản phải thu khác là 158.711 triệu đồng.

+ Tài sản ngắn hạn tăng 5,11% (tương đương 31,309 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2014, chủ yếu là giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tăng cao (39,85%, tương đương 38,084 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 tăng 4,48% (tương đương 25,982 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ lệ cao (76,18%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Nguyên nhân là

do Công ty đã vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và số dư nợ vay ngân hàng vẫn còn tồn tại đến thời điểm báo cáo.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 22,98% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

2.5. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$: doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

3.1. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

3.1.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, đơn vị đã đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 5,7 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào Công Ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 30-4: 4, 5 tỷ đồng
- Đầu tư vào Công Ty TNHH Bất động sản Tam Đức : 1 tỷ đồng
- Đầu tư vào Công Ty TNHH TM Đại Thế Giới : 200 triệu đồng

3.1.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Do việc các dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 30-4, Công ty TNHH Bất động sản Tam Đức và Công Ty TNHH Thương mại Đại Thế Giới đã tạm dừng, nên không phát sinh lợi nhuận hay cổ tức.

3.1.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, việc đầu tư vào các đơn vị khác của Công ty không thay đổi so với năm 2014.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyên nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 30-4	4.500					4.500	
2	Công ty TNHH BĐS Tam Đức	1.000					1.000	
3	Công ty TNHH TM Đại TG	200					200	

	Giới							
	Tổng cộng	5.700					5.700	

3.2. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

3.2.1 Quản lý tài sản:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, đơn vị không phát sinh hoạt động mua sắm tài sản.

- Đơn vị thực hiện việc trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.2.2 Quản lý công nợ phải thu:

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 158, 711 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 57,968 tỷ đồng và đơn vị đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 20 tỷ đồng.

Công nợ khó đòi của đơn vị chủ yếu là các khoản còn phải thu của Ông Phan Việt Tiến - Đội thi công 3, trong 6 tháng đầu năm 2015 không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

3.2.3. Quản lý nợ phải trả:

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng nợ phải trả của đơn vị là 605,254 tỷ đồng.

3.2.4. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 282,765 tỷ đồng, trong đó:

+ *Vay Ngân hàng NN & PTNT: 40 tỷ đồng.*

+ *Tiền đầu tư của các đơn vị: 242,765 tỷ đồng.*

- Việc huy động vốn, đơn vị sử dụng vào các mục đích sau:

+ *Đầu tư các dự án : 242, 765 tỷ đồng.*

+ *Bổ sung vốn lưu động : 40 tỷ đồng.*

3.2.5. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

4.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, đơn vị chưa nhận được Quyết định kiểm tra của cơ quan thuế.

4.2. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã chi trả tiền lương cho người lao động là 15,864 tỷ đồng và cho viên chức quản lý chuyên trách là 1,478 tỷ đồng.

4.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Đầu năm số phải nộp ngân sách là 21,274 tỷ đồng, trong 6 tháng phát sinh phải nộp ngân sách là 13,23 tỷ đồng, số đã thực hiện nộp ngân sách là 22,465 tỷ đồng (chủ yếu là do thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất).

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số phải nộp ngân sách là 12,039 tỷ đồng.

4.4. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đơn vị không có Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích.

Đơn vị hoàn thành ở mức tương đối kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích và chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vệ sinh, quét dọn thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 130.742.771 m², tương đương 13.053,512 tỷ đồng, đạt 44,35% (13.053,512/29.434) so với kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc, bảo dưỡng công viên: Khối lượng thực hiện là 11.523.876 m², tương đương 3.452,66 tỷ đồng, đạt 48,5% (3.452,66/7.119,314) so với kế hoạch.

- Hoạt động duy tu thoát nước: Khối lượng thực hiện:

- + Nạo vét hầm ga hèm cấp 4 là 4.547 cái;
- + Thông lòng cống hèm cấp 4 là 38.741 md;
- + Nạo vét hầm ga hèm cấp 3 là 431 cái;
- + Thông lòng cống hèm cấp 3 là 7.641 md,

Tổng giá trị thực hiện là 4.772,65 tỷ đồng, đạt 78,02% (4.772,65/6.116,90) so với kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 29.923,05 tấn/tháng, tương đương 6.562,57 tỷ đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích (theo đơn giá tạm tính) là 27.841,39 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 24.538 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

6.1. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

6.2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong những năm qua, đơn vị cũng đã chủ động thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước nhưng vẫn còn một số kiến nghị chưa thực hiện xong do đơn vị gặp khó khăn về tài chính. Cụ thể như sau:

- Chưa thu hồi hết số tiền **5.133.362.462 đồng** do tăng đơn giá cho thuê nhà của 22 căn nhà cho thuê sản xuất kinh doanh (SXKD) và nộp bổ sung thuế giá trị gia tăng số tiền **1.249.421.593 đồng** của khoản phát sinh trên.

- Nộp bổ sung lợi nhuận sau thuế cho thuê nhà tạm giữ tính đến ngày 31/12/2010 (thời điểm kiểm tra của Đoàn Kiểm toán nhà nước) số tiền **2.702.907.315 đồng**

- Nộp ngân sách số tiền **9.780.000.000 đồng** do Ủy ban nhân dân Quận 5 chuyển cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 5 từ nguồn trích khấu hao cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để sửa chữa nhà ở nhưng chưa sử dụng hết.

6.3. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Hiện tại, đơn vị chưa thực hiện xong 02 nội dung theo kiến nghị của Thanh tra Thành phố tại Kết luận thanh tra số 32/KL-TTTP-KT1 ngày 20 tháng 01 năm 2010. Cụ thể như sau:

- **Tại dự án xây dựng chung cư 1015 Trần Hưng Đạo:** Công ty chưa thực hiện thu hồi khoản nợ phải thu số tiền: **1.555.535.800 đồng** của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phú Hào (là đơn vị đã nhận chuyển nhượng dự án xây dựng Cao ốc văn phòng tại 1015 Trần Hưng Đạo, Quận 5 từ năm 2009).

- **Tại dự án 107 - 107B Trung tâm Thương mại – Giải trí – Văn phòng Trần Hưng Đạo:** Chưa thực hiện trả khoản tiền nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hồng Quang **85,444 tỷ đồng** (đây là khoản tiền Công ty Hồng Quang đóng hộ tiền sử dụng đất tại khu đất 107B Trần Hưng Đạo Quận 5) do Quận 5 đang làm thủ tục trình duyệt giá bán đấu giá (đã đo vẽ lại khu đất để thuê thẩm định lại giá theo yêu cầu của Sở Tài chính).

6.4. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

II. Kết luận của đơn vị được ủy quyền nhiệm vụ quản lý:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích quận 5 hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng năm 2015/ Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	43.765	87.632	44.117	50,34	100,80
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.426	87.400	43.885	50,21	101,06
2	Doanh thu hoạt động tài chính	309	232	232	100,00	75,08
3	Thu nhập khác	30,1				0,00
II	Tổng chi phí	39.412	79.672	39.375	49,42	99,91
1	Giá vốn hàng bán	36.153		35.359		97,80
2	Chi phí tài chính	0		0		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	0		0		
3	Chi phí bán hàng	0		0		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.259		4.016		123,23
5	Chi phí khác	0,1		0		0,00
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	90,05		89,25		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	7,45		9,10		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.353	7.960	4.742	59,57	108,94
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.323		4.742		109,69
2	Lợi nhuận khác	30		0		0,00

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 50,34% so với kế hoạch, tăng 0,8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,47% tổng doanh thu, tăng 1,06% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do năm 2015 doanh thu từ hoạt động giao thực hiện sản lượng dịch vụ công ích tăng

+ Doanh thu tài chính chiếm 0,53%, giảm 24,92% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do năm 2015 thu lãi tiền gửi ngân hàng giảm

+ Thu nhập khác chiếm 0% tổng doanh thu, giảm 100% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do năm 2015 không phát sinh thu nợ cũ tiền thuê nhà SXKD thuộc SHNN

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Chỉ tiêu chi phí

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 49,92% kế hoạch, giảm 0,09% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,8%, giảm 2,2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do giá vốn sản lượng dịch vụ công ích giảm

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,2%, giảm 23,23% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do chi phí sửa chữa công cụ dụng cụ văn phòng giảm

+ Chi phí khác chiếm 0%, giảm 100% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do năm 2014 phát sinh chi phí thẩm định giá xe Lavi và xe ép, năm 2015 không phát sinh.

- Tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 89,25% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (90,05%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 9,1% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (7,45%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2014

c. Chỉ tiêu lợi nhuận

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 59,57% kế hoạch, tăng 8,94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015(6T)/ TH năm 2014 (6T)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.353	4.742	108,94
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.395	3.699	108,95
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	30.452	30.452	100,00
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	124.466	125.303	100,67
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	14,29	15,57	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,15	12,15	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,73	2,95	

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014

b. Khả năng thanh khoản

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,66 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 70.076 triệu đồng / 19.132 triệu đồng)

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 1,21 lần (36.858 triệu đồng/30.452 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (nhỏ hơn 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	124.466	125.303
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	67.626	70.076
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	56.840	55.227
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54,33	55,93
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,67	44,07
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	124.466	125.303
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	40.644	36.858

2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	83.822	88.445
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,65	29,42
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,35	70,58

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (64.203 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm 2014

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm 9,32% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp .

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng 5,52% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$ (30.452 triệu đồng/30.452 triệu đồng); doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh mua sắm tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp có phát sinh thanh lý thiết bị dụng cụ quản lý với nguyên giá là 14.942.700 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng .

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 29.907 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 0 đồng .

c. Quản lý nợ phải trả

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp là 36.858 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có

e. Tình hình đầu tư tài sản: Không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành chính sách thuế đúng quy định..

b. Tình hình thực hiện chính sách tiền lương

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 59,57% kế hoạch, tăng 8,87% so với cùng kỳ năm 2014

Số nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014 do thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng so với cùng kỳ năm 2014

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: Không có

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động quét, vệ sinh đường phố: khối lượng thực hiện là 83.852.160 m², tương đương 9.663 triệu đồng, đạt 50% kế hoạch năm.

- Hoạt động duy tu hệ thống thoát nước: khối lượng thực hiện 68.742 m³ công và 5.446 hầm ga, tương đương 10.403 triệu đồng, đạt 50% kế hoạch năm

- Hoạt động chăm sóc hoa viên: khối lượng thực hiện 65.140,89 m², tương đương 4.091 triệu đồng, đạt 100,22% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích trong 6 tháng đầu năm 2015 là 39.333 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 34.823 triệu đồng

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Căn cứ báo cáo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận 6 về thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 6 trong 6 tháng đầu năm 2015: Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện đầy đủ 54/54 chỉ đạo.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành trên 50% kế hoạch năm đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp chấp hành đúng các quy định hiện hành

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá về tài chính của doanh nghiệp:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện/ Kế hoạch	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	47.592	164.450	54.926	33,4%	115%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.713		53.324		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.818		1.586		
3	Thu nhập khác	61		16		
II	Tổng chi phí	44.518	155.193	52.237	33,6%	118%
1	Giá vốn hàng bán	40.348	143.820	47.492		
2	Chi phí tài chính	518	1.500	888		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			398		
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.552	9.748	3.661		
5	Chi phí khác	100	125	196		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,5%	94,37%	95,10%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	7,46%	5,93%	6,68%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.074	9.257	2.689	29%	87.5%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.074	9.257	2.689		
2	Lợi nhuận khác					

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 đạt 33,4% so với kế hoạch, tăng 15% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014;

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97%, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,9%, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 thấp so với kế hoạch là do các công trình XD CB thường được nghiệm thu vào 6 tháng cuối năm nên doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm chỉ đạt 33,4% kế hoạch năm.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện bằng 33,6% kế hoạch, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90.9%, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 1.7%, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2014; (chi phí tài chính tăng cao do chi phí trực tiếp tại các mặt bằng hợp tác kinh doanh tăng như chi phí quản lý, tiền thuê đất, lãi tiền vay NH, ...)

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7%, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2014;

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 29% kế hoạch, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2014, do năm 2015 phải trả lãi vay vốn 398 triệu đồng trong khi cùng kỳ năm trước không phải vay vốn của ngân hàng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.074	2.689	87.47%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.398	2.055	85.7%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	23.972	24.166	100.8%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	95.468	125.105	131%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	12.8	11.13	86.9%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10	8.5	85%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2.5	1.64	65.6%

Qua bảng trên cho thấy 06 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là **1,52 lần** (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 106.398 triệu đồng/70.022 triệu đồng). **Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.**

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn theo các trường hợp sau:

+ Nhỏ hơn 0,5: Doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo Điều 10 Nghị định 61/2014/NĐ-CP.

+ Trong khoảng từ 0,5 đến 1: Doanh nghiệp không đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

+ Lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 là **2.5 lần, nằm trong giới hạn cho phép** (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

Nợ phải trả của đơn vị chủ yếu là tiền hàng phải trả cho các nhà cung cấp vật tư thi công công trình, tiền của chủ đầu tư ứng trước, nợ vay ngân hàng, nợ lương của người lao động,...

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	95.891	125.945
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	76.855	106.398
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	19.036	19.547
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,15	84,48
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,85	15,52
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	95.891	125.945
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	50.357	82.753
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	45.534	43.192
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,51	65,70
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,49	34,30

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn (hoặc dài hạn) chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và tương đương tiền 21.206 (triệu đồng), phải thu ngắn hạn 66.736 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản thời điểm 30/6/2015 của doanh nghiệp ổn định, khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ lệ 53% trên tổng tài sản, các khoản nợ này đã được chủ đầu tư chi trả trong những tháng kế tiếp trong năm 2015 khoảng 50% tổng nợ.(do hồ sơ nghiệm thu rơi vào thời điểm cuối quý nên chủ đầu tư không thanh toán kịp thời).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 giảm 5.14% so với cùng kỳ năm trước do trong kỳ đã thực hiện phân phối lợi nhuận của các năm trước theo quy định (do đã có quyết định xếp loại doanh nghiệp năm 2012 và 2013).

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 24.166/23.972 = 1,01$ doanh nghiệp đã bảo toàn/phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 650 triệu đồng, số vốn này được đầu tư từ đầu năm 2010, doanh nghiệp liên doanh, liên kết với Công ty CP đầu tư Thành Hiếu để xây dựng nghĩa trang xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, Long An, tổng mức đầu tư khoảng 200 tỷ đồng, tỷ lệ công ty nắm giữ là 49%, hiện đã đầu tư 650 triệu đồng.

Hiện doanh nghiệp đang làm việc với công ty CP đầu tư Thành Hiếu để thoái vốn đầu tư.

a.2. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty Cổ phần đầu tư Thành Hiếu	650	49%				650	49%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều lệ hoạt động và quy chế đầu tư mua sắm tài sản của công ty, (các dự án đầu tư dưới 50% vốn điều lệ do HĐQT phê duyệt, trên 50% vốn điều lệ phải trình chủ sở hữu phê duyệt).

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 66.736 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 0 triệu đồng, và không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ phải thu của đơn vị chủ yếu là khoản phải thu khách hàng là chủ đầu tư các công trình XD CB mà công ty đã thi công và được nghiệm thu nhưng chưa thanh toán, một phần của khoản nợ này được thanh toán trong quý 3/2015;

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015 tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 82.752 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

Nợ phải trả của công ty chủ yếu là khoản nợ các đơn vị cung cấp vật tư, dịch vụ cho việc thi công các công trình và cung cấp dịch vụ công ích; phần nhiều chưa đến hạn thanh toán, công ty đã chủ động vay vốn ngân hàng để thanh toán một phần nợ cho khách hàng, các khoản nợ còn lại công ty đã cân đối thanh toán khi được chủ đầu tư thanh toán tiền thi công công trình.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 8.819 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng : 8.819 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 8.819 triệu đồng.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- **Dự án 1:** Xây dựng trạm kinh doanh bán lẻ xăng dầu Đào Trí

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.500 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: nguồn vốn kinh doanh tại đơn vị

+ Thời gian hoàn thành: Trong quý 3 năm 2015

+ Tiến độ thực hiện: 90%

Dự án 2 : Trạm rác ép kín:

+ Đang tiến hành các thủ tục đầu tư.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 12.500 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Ngân sách NN

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng năm 2015 đơn vị đã tuân thủ, chấp hành các quy định về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

- Tiền lương của người lao động:

+ Tổng quỹ lương 6 tháng 2015: 13.802 triệu đồng

+ Số đã chi trong kỳ: 10.681 triệu đồng

+ Số còn lại cuối kỳ: 3.121 triệu đồng

- Tiền lương của viên chức quản lý:

+ Tổng quỹ lương 6 tháng 2015: 1.072 triệu đồng

+ Số đã chi trong kỳ: 747 triệu đồng

+ Số còn lại cuối kỳ: 325 triệu đồng

- Quỹ lương của VCQL tuân thủ nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ đã quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 là 3.514 triệu đồng, đạt 48% kế hoạch, tăng 17,3% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014, do doanh thu thực hiện cao hơn cùng kỳ năm trước.

Đến cuối kỳ doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.566 triệu đồng, số này đã nộp vào trước ngày 20 của tháng liền kề theo luật thuế hiện hành.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Trình bày tình hình biến động, số dư cuối kỳ, tình hình quản lý: **Không có**

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty thực hiện kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 39.602 tấn, đạt 57.4% kế hoạch.

- Hoạt động quét rác đường phố: Khối lượng thực hiện là 87.162 (1.000m²), đạt 47.6% kế hoạch.

- Hoạt động nạo vét cống: Khối lượng thực hiện là 47.246 m³, đạt 42.6% kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc Công viên – Cây xanh: Khối lượng thực hiện 6.170 triệu đồng, đạt 37.6% kế hoạch.

- Hoạt động duy tu sửa chữa đường giao thông: Khối lượng thực hiện là 2.075m², đạt 20% kế hoạch. (hoạt động này chưa ghi doanh thu trong kỳ)

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 45.184 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 42.840 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Không có

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Doanh nghiệp đã nộp trả ngân sách theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo báo cáo kiểm toán ngày 25/12/2014 với số tiền **484.652.807 đồng** (kèm giấy nộp trả kinh phí ngày 17/6/2015 của Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích Quận 7)

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

- Công ty đã thực hiện quyết định số 38/QĐ-CT-XP ngày 06/01/2015 của Cục thuế thành phố và các kiến nghị của thanh tra Cục thuế thành phố tại thời điểm quý 01/2015.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách còn thấp (chưa đạt đến 50% kế hoạch), phải nỗ lực nhiều hơn để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao trong 6 tháng cuối năm.

- Trong kỳ doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản nộp NSNN, tuân thủ đầy đủ các quy trình về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải và phòng chống cháy nổ, ...

- Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chính sách về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN,... cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa ước lao động tập thể được ký kết, triển khai tại đại hội người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		So với kế hoạch năm 2015	So với cùng kỳ năm 2014
			Kế hoạch	Thực 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	72.449	132.344	70.997	53,65%	98%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.355	132.344	70.348	53,16%	97,23%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	61	-	38	-	62,30%
3	Thu nhập khác	33	-	611	-	1.851,52%
II	Tổng chi phí	69.739	126.340	67.842	53,70%	97,28%
1	Giá vốn hàng bán	61.846	-	57.993	-	93,77%
2	Chi phí tài chính	2.068	-	2.035	-	98,40%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>2.068</i>	<i>-</i>	<i>2.035</i>	<i>-</i>	<i>98,40%</i>
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.825	-	7.525	-	129,18%
5	Chi phí khác		-	289	-	%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,26%		95,56%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	8,04%		10,60%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.710	6.004	3.155	52,55 %	116,42%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.677	-	2.833	-	105,83%
2	Lợi nhuận khác	33	-	322	-	975,76%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 53,65% so với kế hoạch, giảm 2,00% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,09%, giảm 2,77% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,05%, giảm 37,70% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,86%, tăng 1851,52% so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chi tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 53,70% kế hoạch, giảm 2,72% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 85,48%, giảm 6,23% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 3%, giảm 1,60% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,09%, tăng 29,18% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,28%, tăng 189% so với cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 95,56% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (0,70%). Công ty tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,60% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2014 (2,56%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chi tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đạt 52,55% kế hoạch, tăng 16,42% so với cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Thực 6 tháng đầu năm 2015	So với cùng kỳ năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.710	3.155	116,42%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.114	2.397	113,39%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	34.040	34.040	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	661.851	680.540	110,72%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	7,96%	9,27%	116,46%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,21%	7,04%	113,37%

7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,32%	0,35%	109,38%
---	--	---	-------	-------	---------

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,33 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 618.773 triệu đồng/185.565 triệu đồng). > 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 17,85 lần, vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

Nợ phải trả bao gồm các khoản như:

- Nhận vốn góp liên doanh để đầu tư dự án Trương Đình Hội 2 (50.995 triệu đồng), dự án Trương Đình Hội 3 (45.244 triệu đồng), dự án An Sinh (35.336 triệu đồng), dự án Âu Dương Lâm (2.500 triệu đồng), dự án Tạ Quang Bửu 5.200 triệu đồng).

- Ngân sách tạm ứng đền bù giải toả dự án Trương Đình Hội 2 là 251.174 triệu đồng (theo hợp đồng tạm ứng vốn với phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8 số 01/HĐ-TCKH ngày 12/09/2008, hợp đồng tạm ứng ngân sách số 01/2006-STC-NS ngày 24/10/2006 và phụ lục hợp đồng tạm ứng ngân sách số 8997/2008-STC-NS ngày 12/09/2008 với Sở Tài chính, công văn chấp thuận tạm ứng của UBND TPHCM số 248/UBND-ĐTMT ngày 27/05/2013)

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	663.262	697.818
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	621.586	618.773
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	41.676	79.045
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,72%	88,67%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,28%	11,33%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	663.262	697.818
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	614.816	607.614
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	48.446	90.205
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	92,70%	87,07%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	7,30%	12,93%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản phải thu: 159.208 triệu đồng, hàng tồn kho: 439.927 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1(34.040 \text{ triệu đồng} / 34.040 \text{ triệu đồng})$, doanh nghiệp bảo toàn và phát triển.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

+ Trong năm 2015, doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Doanh nghiệp không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 159.208 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 2.701 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh là các khoản ứng trước cho người bán thi công các công trình XD/CB phát sinh từ năm 2010.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 607.614 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 417.559 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 27.110 triệu đồng.

+ Ngân sách ứng kinh phí đền bù giải tỏa dự án Trương Đình Hội 2: 251.174 triệu đồng.

+ Nhận vốn góp liên doanh thực hiện dự án: 139.275 triệu đồng

- Doanh nghiệp huy động vốn để đầu tư thi công các dự án nhà ở xã hội và chung cư tái định cư: 417.559 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: (6 tháng đầu năm 2015)

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Đầu tư 04 sà lan, .

+ Tổng mức vốn đầu tư: 4.150 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: 1 năm

+ Tiến độ thực hiện: đã hoàn thành

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế 0 triệu đồng

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

+ Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ lương 2015

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2015: 6.539 triệu đồng đạt 87,72% kế hoạch, tăng 379 triệu đồng, tăng 6,15% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân tăng do tăng sản lượng và đơn giá.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 3.781 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích 6 tháng đầu năm 2015:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng và chất lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, cụ thể:

- Hoạt động quét dọn vệ sinh: Khối lượng thực hiện là 142.675.000 m², tương đương 15.993 triệu đồng, đạt 49,59 % kế hoạch.

- Hoạt động thu gom rác trong dân: Khối lượng thực hiện là 348.674 lượt hộ, tương đương 7.225 triệu đồng, đạt 50,68 % kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 63.487 tấn, tương đương 9.827 triệu đồng, đạt 50,79 % kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc công viên cây xanh: doanh thu 1.500 triệu đồng, đạt 50% kế hoạch.

- Hoạt động thoát nước: khối lượng thực hiện thông lòng cống là 84.593 md, nạo vét hố ga là 7.465 cái tương đương 10.794 triệu đồng, đạt 50 % kế hoạch.

- Hoạt động sửa chữa thay thế nắp đan hố ga và lưới chắn rác: khối lượng thực hiện 196 hố ga các loại tương đương 0,250 triệu đồng, đạt 50 % kế hoạch.

- Hoạt động điện chiếu sáng dân lập: khối lượng 10.573 bộ bóng đèn tương đương 711 triệu đồng, đạt 50 % kế hoạch.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty thực hiện 16 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 13/16 chỉ đạo

- Không thực hiện: 3/16 chỉ đạo do không thuộc đối tượng

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày /2014 của UBND TP)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		6 tháng thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch năm	6 tháng thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	24.631	82.146	41.961	51,08%	170,4%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.610	82.146	41.049	49,97%	166,8%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	21	-	14	-	66,7%
3	Thu nhập khác		-	898	-	
II	Tổng chi phí	23.523	79.731	40.656	50,99%	172,8%
1	Giá vốn hàng bán	19.566	67.590	34.834	51,54%	178,0%
2	Chi phí tài chính	452	950	476	-	-
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	452	950	476	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	8	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.505	11.191	5.338	47,7%	152,3%
5	Chi phí khác	-	-	8	-	-
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95,5%	97,06%	96,89%	-	-
	Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14,23%	13,62%	12,72%	-	-
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.108	2.415	1.303	53,46%	117,6%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.108	2.415	401	16,6%	36,2%
2	Lợi nhuận khác	-	-	890	-	-

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 51,06% so với kế hoạch, tăng 70,3% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,82%, giảm 2% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0.03%, giảm 60,87% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm tỷ lệ 2.14% tổng doanh thu.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 50,99% kế hoạch, tăng 72,8% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 85,7%, tăng 3,01% so với thực hiện năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,17%, tăng 8,8% so với thực hiện năm 2014;

+ Chi phí bán hàng: không có.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 13,1%, giảm 11,9% so với thực hiện năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm tỷ lệ nhỏ không đáng kể trong tổng chi phí.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,89% tổng doanh thu thực hiện, tăng 1,4% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (95,5%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,72% tổng doanh thu thực hiện, giảm 10,61% so với thực hiện năm 2014 (14,23%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 53,95% kế hoạch, tăng 17,6% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.108	1.303	117,6%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	864	1.015	117,5%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	11.671	11.671	100%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	882.682	1.220.753	138,3%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	9,49%	11,16%	117,6%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,4%	8,7%	117,5%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,10%	0,08%	84,9%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, cao hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,3 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 933.664 triệu đồng/ 369.752 triệu đồng) >1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 48,65 lần (952.645 / 19.580) vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP và có chiều hướng tăng so với năm trước. Do đó đề nghị công ty có biện pháp để giải quyết hệ số này và đơn đốc Quỹ phát triển nhà ở mua lại chung cư tái định cư Hiệp Phú theo giá của các cơ quan chuyên môn thẩm định và được UBND Thành phố phê duyệt để giảm hệ số này. Song song đó công ty nhanh chóng hoàn thành hồ sơ quyết toán các dự án, kiểm toán các dự án hoàn thành, trình các Sở ngành thành phố phê duyệt giá chính thức.

Doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá 3 lần do huy động để đầu tư dự án:

a. **Dự án tái định cư ấp Cầu Xây:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 7.614 triệu đồng. Khởi công ngày 04/9/2000. Đã xây dựng hoàn thành cơ sở hạ tầng, bàn giao năm 2004 bố trí được 49 nền, Công ty đã thu của các hộ dân là: 5.725 triệu đồng và Ban bồi thường GPMB quận 9 tạm ứng cho Công ty là: 5.614 triệu đồng.

b. **Dự án tái định cư ấp Cây Dầu:** Tổng dự toán: 12.503 triệu đồng (theo QĐ số 158/QĐ-CT ngày 22/12/2014). Công ty xây dựng phương án thực hiện giá nền 1479/Cty-ĐT-DA với tổng mức đầu tư 41.142 triệu đồng (bao gồm cả chi phí bồi thường, lãi vay ngân hàng, hỗ trợ theo chỉ thị 24,...). Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng với giá 41.142 triệu đồng và bàn giao nền cho Ban bồi thường GPMB quận 9 theo biên bản số 584/BB-CT là 101 nền. Ban bồi thường GPMB quận 9 đã tạm ứng cho Công ty 32.000 triệu đồng tương đương 80%.

c. **Dự án tái định cư Long Bửu (giai đoạn I):** Tổng dự toán: 111.107 triệu đồng (theo QĐ 157/QĐ-CT ngày 22/12/2014). Ban bồi thường GPMB quận 9 đã tạm ứng tiền mua nền cho Công ty là 81 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đã thu tiền nền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 117.002 triệu đồng. Ngoài ra, khi triển khai dự án, Kho bạc thành phố tạm ứng cho Công ty tiền đền bù, kiến thiết cơ bản khác là: 35.139 triệu đồng.

d. **Dự án tái định cư Long Bửu (giai đoạn II):** Tổng mức đầu tư tạm tính: 880.757 triệu đồng (chia thành 4 tiểu khu: TK1: 221.893 triệu đồng, TK2: 258.403 triệu đồng, TK3: 235.399 triệu đồng, TK4: 165.061 triệu đồng). TK1: qui mô 21,40 ha có 235 nền cơ bản hoàn thành nền thô; TK2: qui mô 18,50ha có 563 nền đã thi công san lấp mặt bằng đạt 90%; TK3: qui mô 18ha có 105 nền cơ bản hoàn thành nền thô; TK4: qui mô 21,1ha có 836 nền, đã thực hiện cơ bản xong công tác bồi thường; Cấp điện: đã có kết quả đấu thầu, công ty đang triển khai thi công. Cấp nước đã thực hiện thi công xong trên các cụm lô nền thuộc tiểu khu 1, 3, đã cung cấp nước sạch cho người dân vào xây dựng nhà ở. Hiện nay, Công ty đã thu được 22.000 triệu đồng. Trong đó bao gồm: Tiền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 13.432 triệu đồng. Ban bồi thường GPMB quận 9 tạm ứng mua nền là: 8.568 triệu đồng.

e. **Dự án tái định cư Long Sơn:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 397.712 triệu đồng (theo QĐ số 74/QĐ-Cty ngày 28/5/2012). Tổng mức đầu tư tạm tính tăng thêm 142.228 triệu đồng so với Báo cáo giám sát tài chính năm 2014 của Công ty.

Công ty đã ký với Ban bồi thường GPMB quận 9 Hợp đồng số 179/HĐ-CTY ngày 29/11/2011 về chuyển nhượng 150 nền đất tái định cư giá tạm tính: 79.399 triệu đồng. Đến nay, Ban bồi thường đã tạm ứng 45.700 triệu đồng, ngân sách tạm ứng để chi trả kinh phí bồi thường GPMB là 57.490 triệu đồng, Công ty đã thu tiền nền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 19.761 triệu đồng.

f. **Dự án cụm công nghiệp Long Sơn (DA Khu nhà ở Long Sơn):** Hiện nay, dự án đang tạm ngưng do phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chức năng, Công ty đang thực hiện tất toán các công việc dở dang liên quan đến Cụm công nghiệp Long Sơn. Công ty đã nộp hồ sơ xin cấp phép quy hoạch ở Sở QH-KT thành phố, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa được cấp phép quy hoạch do chưa xác định được phạm vi ảnh hưởng của tuyến vành đai 3 mới. Tổng chi phí đã đầu tư khá lớn (khoảng 300 tỷ đồng), trong đó phần lớn là vay ngân hàng phải trả lãi vay hàng tháng.

g. **Dự án chung cư tái định cư Hiệp Phú:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 177.000 triệu đồng. Hiện nay, đã hoàn thành cơ bản, đang tiếp tục thi công phần hoàn thiện: điện, nước, PCCC... để bàn giao căn hộ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	882.681	1.220.753
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	836.095	933.664
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	46.586	287.089
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>94,7%</i>	<i>76,5%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>5,3%</i>	<i>23,5%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	882.681	1.220.753
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	854.123	952.646
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	28.558	268.107
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>96,8%</i>	<i>78%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>3,2%</i>	<i>22%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho 881.128 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp có nhiều thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2014. Tỷ lệ tài sản dài hạn trên Tổng tài sản 6 tháng đầu năm 2015 (30,7%) chiếm tỷ lệ cao gấp 5,5 lần hơn so với 6 tháng đầu năm 2014 (5,6%). Do công ty nhận quản lý (hoặc bán) căn hộ chung cư C3, C4 Man Thiện.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm 22% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 11.671/11.671 = 1$

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: 6 tháng đầu năm 2015 công ty không có thực hiện đầu tư vốn ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm Công ty điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản là nhà cửa vật kiến trúc là 7.272 triệu đồng và đồng thời điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản 2.270 triệu đồng.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 19.252 triệu đồng, không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 547.240 triệu đồng, không có nợ quá hạn. Tuy nhiên nợ hầu hết là xin gia hạn nộp lãi và ân hạn nộp gốc.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 484.353 triệu đồng, trong đó:

- Ngân hàng NNPTNT – CN 9:	33.255 triệu đồng
+ Vay thi công dự án Khu TĐC Long Sơn	19.150 triệu đồng
+ Vay xây dựng Trụ sở Công ty	7.634 triệu đồng
+ Vay đầu tư mua xe vận chuyển rác	6.471 triệu đồng
- Ngân hàng NNPTNT – Chi nhánh Mỹ Thành (Vay thi công dự án TĐC Long Bửu II)	20.000 triệu đồng
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Vay thi công cụm CN Long Sơn)	225.390 triệu đồng
* <i>Tiền VN</i>	225.390 triệu đồng
- Cty CP Bệnh viện Đa Khoa Triều An (Góp vốn thi công cụm CN Long Sơn)	92.000 triệu đồng
- Quỹ phát triển nhà ở thành phố (Vay thi công dự án Chung cư TĐC Hiệp Phú)	83.707 triệu đồng
- Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Hữu Tài (12 tháng thi công dự án TĐC Long Bửu gđ II).	30.000 triệu đồng

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty chưa có bị phạt hành chính về thuế.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý. Công ty đã chi trả tiền lương cho người lao động tính vào giá thành là: 10.315 triệu đồng và viên chức quản lý 821.461 triệu đồng. Số tiền lương thực trả cho người lao động và viên chức quản lý không vượt quá tổng quỹ lương kế hoạch.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 2.700 triệu đồng. Công ty đã nộp 1.602 triệu đồng, đạt 60% so với số phát sinh phải nộp.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích (chưa có nhận xét về chất lượng) cụ thể:

- Hoạt động thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 122.125.704 m², tương đương 7.229 triệu đồng, đạt 60.56% kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 2.255.932 tấn.km, tương đương 4.930 triệu đồng, đạt 52.43% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 21.032 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố có 6 chỉ đạo đối với Công ty. Trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 6/6 chỉ đạo

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty thực hiện chưa đầy đủ kiến nghị năm 2012 của Kiểm toán nhà nước và công ty đã có ý kiến gửi Kiểm toán nhà nước tại Công văn số 161/BC-CTY ngày 19/3/2014.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đạt kế hoạch được giao tăng so với năm trước, Công ty có tăng trưởng, song tỷ lệ thấp. Tuy nhiên, đặc biệt lưu ý về nợ phải trả của Công ty trên vốn chủ sở hữu vượt quá quy định và có xu hướng ngày càng tăng. Hàng tồn kho bất động sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng tài sản. Hệ số nợ phải trả vượt quá quy định trong đó là các khoản vay ngân hàng và lãi vay phải trả

sẽ là yếu tố tiềm ẩn, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu. Do đó, Công ty cần có biện pháp cải thiện để giảm dần các yếu tố tồn thất nêu trên.

- Công ty cần quyết toán các dự án hoàn thành như dự án tái định cư Cầu Xây, Tái định cư Cây Dầu, Tái định cư Long Bửu gđ1. Sau khi có kết quả kiểm toán nhanh chóng trình Sở tài chính phê duyệt quyết toán đưa ra giá chính thức.

- Công ty cần quyết toán từng hạng mục đã hoàn thành trong các dự án chưa hoàn thành như: Long Bửu gđ2, Long Sơn, Chung cư Hiệp Phú (quyết toán khối lượng từng hạng mục) thuê kiểm toán xác định giá trị hạng mục đó, giảm giá trị hạng mục hàng tồn kho.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và chưa có vi phạm quy định về chính sách thuế trong 6 tháng đầu năm 2015.

- Công ty cần thực hiện nghiêm túc kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2012; nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính X

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện /Kế hoạch	Thực hiện 2015/ Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7 = 5/3
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	51.099	80.400	40.433	50,29%	79,13%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.336	77.000	39.724	51,59%	82,18%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.246	3.000	710	23,66%	31,60%
3	Thu nhập khác	517	400	0,0015	0,00%	0,00%
II	Tổng chi phí	47.697	71.613	36.685	51,23%	76,91%
1	Giá vốn hàng bán	42.194	62.850	31.749	50,52%	75,25%
2	Chi phí tài chính		-			
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	12	-	-	0,00%	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.492	8.713	4.936	56,65%	89,88%
5	Chi phí khác	-	50	-	0,00%	0,00%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,34%	89,07%	90,73%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	10,75%		12,21%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.401	8.787	3.749	42,66%	110,21%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.885	8.437	3.749	44,43%	129,95%
2	Lợi nhuận khác	517	350	0	0,00%	

a. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 40.433 triệu đồng đạt 50,29% so với kế hoạch là 80.400 triệu đồng , giảm 20,87% tương đương 10.666

triệu đồng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (51.099 triệu đồng). Do trong tháng 6 tháng đầu năm 2014 Công ty thu tiền bán nền đất Cao Thắng nổi dài 29 tỷ (đây là dự án đã tồn tại từ năm 1999 đến tháng 6, 7 năm 2014 mới thu tiền).

Cơ cấu doanh thu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 39.724 triệu đồng chiếm 98,25% tổng doanh thu, giảm 17,82% tương đương 8.612 triệu đồng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (48.336 triệu đồng) do Công ty thu tiền bán nền đất Cao Thắng nổi dài 38,88 tỷ (tồn tại từ năm 1999 đến nay UBND thành phố mới giải quyết).

- Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,76% tương đương 710 triệu đồng, giảm 68,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (2.246 triệu đồng) do Công ty nhận cổ tức Eximbank năm 2013 trong năm 2014 giảm nhiều so với các năm trước.

- Thu nhập khác chiếm 0% do Công ty không phát sinh các thu nhập ngoài cung cấp dịch vụ và tài chính trong 6 tháng đầu năm 2015.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 36.685 triệu đồng bằng 51,23% kế hoạch (71.613 triệu đồng), giảm 23,09% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (62.850 triệu đồng).

Cơ cấu chi phí như sau:

- Giá vốn hàng bán chiếm 86,54% tương đương 31.749 triệu đồng, giảm 24,75% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (42.194 triệu đồng) do doanh thu thực hiện và chi phí nguyên vật liệu trong năm 2015 tăng;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 13,46% tương đương 4.936 triệu đồng, giảm 10,12% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (5.492 triệu đồng);

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,21% tổng doanh thu thực hiện (40.433 triệu đồng), có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (1,46%).

Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 90,73% tổng doanh thu thực hiện (40.433 triệu đồng), giảm 2,61% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do Công ty đã tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 42,66% tương đương 3.749 triệu đồng so với kế hoạch (8.787 triệu đồng) do chi phí nguyên vật liệu tăng, tăng 10,21% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (3.401 triệu đồng).

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.401	3.749	110,23%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.831	2.924	103,29%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	55.787	55.787	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	207.047	194.263	97,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	6,10%	6,72%	110,16%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,07%	5,24%	103,35%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,37%	1,51%	110,22%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,81 lần > 1 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 69.930 triệu đồng / 38.541 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 là 0,98 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	194.138	191.895
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	64.723	69.930
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	129.415	121.965
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	33,34%	36,44%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	66,66%	63,56%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	194.138	191.895
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	45.652	54.471
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	148.486	137.424

3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,52%	28,39%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	76,48%	71,61%

Về cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (28.542 triệu đồng), bất động sản đầu tư (77.229 triệu đồng), đầu tư dài hạn khác (mua cổ phiếu Eximbank 15.177 triệu đồng).

- Cơ cấu tài sản của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm 2014.

Về cơ cấu nguồn vốn:

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 là 54.471 triệu đồng tăng 19,32% so với cùng kỳ năm trước (45.652 triệu đồng), chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

- Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 là 137.424 giảm 7,45% so với cùng kỳ năm trước (148.486 triệu đồng), chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Do trong năm năm 2015, Công ty đã sử dụng lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 để trích lập các quỹ theo quy định.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp theo Điều 14 Thông tư 158 được tính bằng tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 so với vốn chủ sở hữu cùng kỳ năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,05 > 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 15.177 triệu đồng, mua cổ phiếu của Eximbank (2.599.695 cổ phiếu, giá trị sổ sách 15.177 triệu đồng; giá trị thị trường ước tính của 2.599.695 cổ phiếu này trị giá khoảng 40.035 triệu đồng)

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia: Không có.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không có thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư.

Công ty đã có công văn số 126/ĐA-TC-CTY ngày 20/02/2013 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu nhưng chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

b.1 Quản lý tài sản:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không mua sắm tài sản.
- Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

b.2 Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.035.000.203 đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 15.182.167.900 đồng. Theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 cụ thể như sau:

- Phải thu từ ngân sách số tiền 61.947.900 đ. Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho đơn vị tư vấn Công trình Xây dựng mới nhà xe Chung cư Trần Văn Kiêu do Công ty làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến năm 2011, Ủy ban nhân dân Quận 10 thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành Phố không giao chủ đầu tư các công trình xây dựng cho các Công ty công ích nữa, Công ty đã có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 10 để thu hồi từ ngân sách và đang được giải quyết.

- Phải thu chênh lệch chi phí quản lý nhà số tiền 488.263.113 đ. Đây là số tiền chi sửa chữa nhà SHNN từ năm 2011 trở về trước vượt quá 40% Công ty được giữ lại. Công ty đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân Thành Phố để xử lý số tiền này. Hiện nay Chi cục Tài chính Doanh nghiệp đang đề xuất Ủy ban nhân dân Thành Phố giao Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân Quận 10 và Công ty quyết toán chi phí này.

- Phải thu tiền thuê nhà thuộc SHNN số tiền 5.618.956.887 đ. Đây là các khoản nợ của các hộ thuê nhà thuộc SHNN. Do:

+ Đa số các hộ thuê nhà là người dân lao động, khó khăn về kinh tế, nhiều hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo, người già neo đơn, bệnh tật sống bằng trợ cấp của Phường. Bên cạnh đó, do giá thuê nhà không còn phù hợp kể từ tháng 3/2010 (tăng gấp 4 lần giá cũ trước đây) nên khó thu tiền thuê nhà và giải quyết nợ đọng;

+ Một số hộ chây ỳ không đóng tiền thuê nhà thời gian dài do có suy nghĩ không ai bị trục xuất ra khỏi nhà vì nợ tiền thuê nhà.

Do đó, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 có đề xuất một số biện pháp như sau:

- Định kỳ 2 tháng/lần gửi Giấy báo thanh toán tiền thuê nhà đến các hộ dân, đồng thời phân công nhân viên tăng cường đi địa bàn tuyên truyền, giải thích, vận động người dân thực hiện đúng nghĩa vụ của người sử dụng nhà thuộc SHNN, đôn đốc nộp tiền thuê nhà, tạo mọi điều kiện cho người dân nộp tiền kể cả ngày nghỉ;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các Phường liên quan, Ban quản trị chung cư trong việc thu tiền thuê nhà.

- Phải thu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 10 số tiền 9.013.000.000 đ. Đây là giá trị còn lại của hợp đồng thu mua Cao ốc B Nguyễn

Kim do vượt dự toán ban đầu, hiện tại Ủy ban nhân dân Quận 10 đang chờ hướng dẫn của Sở Xây dựng và Sở Tài chính để có cơ sở thanh toán cho Công ty.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 54.471 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn (trong đó có 5.619 triệu đồng là số tiền nợ của các hộ dân thuê nhà SHNN Công ty phải hạch toán vào nợ phải trả theo quy định).

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty không huy động vốn

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Thực hiện đầy đủ.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Thực hiện chi trả lương theo Thông tư 19/2013 hướng dẫn việc xây dựng và chi trả lương cho Viên chức quản lý và Thông tư 18/2013 về việc chi trả lương cho người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 9.711 triệu đồng đạt 100,97% so với kế hoạch (9.711/9.618) và đạt 32,36% so với cùng kỳ năm trước (9.711/30.005).

Nguyên nhân tổng số phát sinh phải nộp ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước do trong tháng 4/2014 Công ty xuất hóa đơn quyết toán Lô B Ngô Gia Tự (19 tỷ).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Tháng 6 năm 2015, Ủy ban nhân dân quận 10 đã có báo cáo thẩm định xếp loại doanh nghiệp năm 2014, Công ty đã phân phối lợi nhuận trên cơ sở loại A nên lợi nhuận còn lại không còn để chuyển vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét dọn vệ sinh ban đêm: Khối lượng thực hiện là 80.611 m², đạt 49,6% kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: Khối lượng thực hiện là 223 ha, đạt 49,5% kế hoạch.

- Thông vét hầm ga: Khối lượng thực hiện là 5.653 cái, đạt 60,7% kế hoạch.

- Thông vét lòng cống: Khối lượng thực hiện là 63.262 m, đạt 62% kế hoạch.
- Vận chuyển rác sinh hoạt: Khối lượng thực hiện là 826.101 tấn.km, đạt 53,5% kế hoạch.
- Lau kính: Khối lượng thực hiện là 4.066 m², đạt 50% kế hoạch.
- Tưới rửa đường: Khối lượng thực hiện 1.842.960 m², đạt 85,7% kế hoạch.
- Lau thùng 50L: Khối lượng thực hiện là 3.480 lần, đạt 50% kế hoạch.
- Thay bao nilon thùng 50L: Khối lượng thực hiện là 1.044 kg, đạt 49,3% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 31.857 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 31.772 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty phải thực hiện 04 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố (theo phụ lục đính kèm), trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 03/04 chỉ đạo.
- Thực hiện không đầy đủ: 0/04 chỉ đạo.
- Không thực hiện: 01/04 chỉ đạo do Công ty không thuộc diện phải thực hiện. Cụ thể:

+ Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 03/03/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hướng dẫn điều chuyển khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu của các Công ty con 100% vốn Công ty mẹ vượt vốn điều lệ được phê duyệt.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 và đã có công văn báo cáo số 1670/CV-KT-CTY ngày 29/12/2014 gửi các ban ngành.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Ngày 17 tháng 12 năm 2014 Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận 10 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Do đó, Ủy ban nhân dân quận 10 căn cứ số liệu báo cáo do Công ty cung cấp và kết luận của Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo giám sát tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận 10 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã không hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận (Công ty chỉ đạt 42,66% < 50% so với kế hoạch được giao)

- Công ty hoàn thành đối với chỉ tiêu số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 (Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 9.711 triệu đồng đạt 100,97% so với kế hoạch (9.711/9.618) và đạt 32,36% so với cùng kỳ năm trước (9.711/30.005).

- Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tương đương (2.827.400 khối lượng thực hiện, đạt 70,93% so với kế hoạch) đảm bảo chất lượng trong 6 tháng đầu năm theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng 2014	Năm 2015		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện 6 tháng 2015 so KH 2015	Thực hiện 6 tháng 2015 so TH 6 tháng 2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	39.122	103.435	43.159	41,73%	110,32%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.485	101.235	42.372		113,04%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.589	2.100	711		44,75%
3	Thu nhập khác	48	100	76		158,33%
II	Tổng chi phí	36.714	94.664	41.495	43,83%	113,02%
1	Giá vốn hàng bán	32.938	86.644	37.470		113,76%
2	Chi phí tài chính	0		0		0
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>0</i>		<i>0</i>		<i>0</i>
3	Chi phí bán hàng	0		0		0
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.776	8.000	4.012		106,25%
5	Chi phí khác		20	13		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,84%	91,52%	96,14%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,65%		9,30%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.408	8.771	1.664	18,97%	69,10%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.360	8.691	1.601		67,84%
2	Lợi nhuận khác	48	80	63		131,25%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 đạt tỷ trọng 41,73% so với kế hoạch (43.159 triệu đồng/ 103.435 triệu đồng), tăng 10,32% (43.159 triệu đồng/ 39.122 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do doanh thu mảng dịch vụ công cộng tăng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,18% (42.372 triệu đồng/43.159 triệu đồng), tăng 13,04% (42.372 triệu đồng/37.485 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,65% (711 triệu đồng/43.159 triệu đồng), giảm 55,25% (711 triệu đồng/1.589 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 vì lãi suất ngân hàng giảm, lượng tiền gửi giảm.

+ Thu nhập khác chiếm 0,17% (76 triệu đồng/43.159 triệu đồng), tăng 58,33% (76 triệu đồng/48 triệu đồng) so với thực hiện năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 bằng 43,83% so với kế hoạch (41.495 triệu đồng/94.664 triệu đồng), tăng 13,02% (41.495 triệu đồng/36.714 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,30% (37.470 triệu đồng/41.495 triệu đồng), tăng 13,76% (37.470 triệu đồng/32.938 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí tài chính: không phát sinh;

+ Chi phí bán hàng: không phát sinh;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,67% (4.012 triệu đồng/41.495 triệu đồng), tăng 6,25% (4.012 triệu đồng/3.776 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 0,03% (13 triệu đồng/41.495 triệu đồng).

- Tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 96,14% tổng doanh thu thực hiện (41.495 triệu đồng/43.159 triệu đồng), có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 chiếm 93,84% (36.714 triệu đồng/39.122 triệu đồng) doanh nghiệp chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu chiếm 9,30% (4.012 triệu đồng/43.159 triệu đồng), có xu hướng

giảm so với thực hiện năm 2014 (9,65% - 9,30% = 0,35%). Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 18,97% so kế hoạch (1.664 triệu đồng/8.771 triệu đồng), giảm 30,9% (1.664 triệu đồng/2.408 triệu đồng) so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 do chi phí tăng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng 2014	Thực hiện 6 tháng 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.408	1.664	69,10%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.878	1.298	69,12%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT158)	Triệu đồng	34.950	39.050	111%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	649.342	618.746	95,29%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6,89%	3,32%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,37%	3,81%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,29%	0,21%	

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 4,09 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 72.588 triệu đồng/17.746 triệu đồng).

→ Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,03 lần (20.421 triệu đồng/ 598.325 triệu đồng) nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2014	6 tháng 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	649.342	618.746

1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	76.136	72.588
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	573.206	546.158
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	11,73%	11,73%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	88,27%	88,27%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	649.342	618.746
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	16.514	20.421
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	632.828	598.325
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	2,54%	3,3%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	97,46%	96,7%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục bất động sản đầu tư (542.403 triệu đồng), Tài sản cố định (2.906 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp là $H > 1$ lần (=Vốn chủ sở hữu thời điểm báo cáo/ Vốn chủ sở hữu cuối kì trước liền kề = 39.050 triệu đồng/ 34.950 triệu đồng). Doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Đến 30/6/2015, doanh nghiệp không đầu tư ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: không có

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 17.663 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 634 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 634 triệu đồng.

STT	Hạng mục	Năm phát sinh nợ	Giá trị công nợ	Giá trị đã thanh toán	Giá trị còn lại chưa thanh toán
1	Nhà SXKD 2004	2004	4.715.760		4.715.760
2	Nhà SXKD các năm trước	Trước 2004	82.236.662		82.236.662
3	Nhà SXKD 2005	2005	5.940.180		5.940.180
4	Nhà SXKD 2006	2006	8.266.615		8.266.615
5	Nhà SXKD 2007	2007	38.718.990		38.718.990
6	Nhà SXKD 2008	2008	15.791.244		15.791.244
7	Nhà SXKD 2009	2009	235.270.922		235.270.922
8	Nhà SXKD 2010	2010	119.086.053	5.000.000	114.086.053
9	Nhà ở năm 2005	2005	4.978.795	609.168	4.369.627
10	Nhà ở các năm trước	Trước 2004	32.957.764	2.082.256	30.875.508
11	Nhà ở năm 2006	2006	9.226.230	1.682.983	7.543.247
12	Nhà ở năm 2007	2007	14.521.464	994.620	13.526.844
13	Nhà ở năm 2008	2008	6.500.961	1.258.956	5.242.005
14	Nhà ở năm 2009	2009	19.896.305	2.050.994	17.845.311
15	Nhà ở năm 2010	2010	58.471.348	8.745.433	49.725.915
Tổng cộng			656.579.293	22.424.410	634.154.883

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2004, chủ yếu là các khoản phải thu tiền thuê nhà SHNN (nhà ở và kinh doanh). Trong 6 tháng năm 2015, doanh nghiệp đã thu được một số khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã phân công bộ phận quản lý nhà tích cực thu hồi công nợ còn tồn đọng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 20.421 triệu đồng, trong đó không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của doanh nghiệp là 0 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

+ Doanh nghiệp đã xây dựng Quy chế trả lương, thưởng viên chức quản lý theo Quyết định 03/QĐ-HĐ-CIQ11 ngày 11/2/2014 và Quy chế trả lương, thưởng cho CBCNV theo Quyết định 05/ QĐ-HĐ-CIQ11 ngày 25/4/2014.

+ Quỹ lương 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp trích vào giá thành của:

- Người lao động: 12.003 triệu đồng
- Viên chức quản lý: 912 triệu đồng

+ Quỹ lương 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp thực chi cho:

- Người lao động: 10.160 triệu đồng
- Viên chức quản lý: 788 triệu đồng

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng năm 2015 (6.294 triệu đồng/15.331 triệu đồng) đạt 41,05% so với kế hoạch, tăng 3,23% so với thực hiện 6 tháng năm 2014 (6.294 triệu đồng/6.097 triệu đồng). Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách trong 6 tháng năm 2015 tăng so với 6 tháng năm 2014.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.008 triệu đồng (trong đó tiền thuê đất là 1.886 triệu đồng chưa đến hạn nộp)

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch ở một số hoạt động về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét thu gom rác đường phố ban đêm: Khối lượng thực hiện là 112.590,326 m², đạt 58,82% kế hoạch năm do diện tích lòng đường tính lại theo QĐ 592/QĐ-BXD (giảm từ 3m còn 2m) và cắt giảm thanh toán 30% diện tích lề nhà dân.

- Thu gom rác thùng công cộng: Khối lượng thực hiện là 64,62 tấn, đạt 10,77% kế hoạch do thùng rác công cộng bị hư hỏng không sử dụng được.

- Nạo vét lòng cống các loại: Khối lượng thực hiện là 49.402 m, đạt 47,73% kế hoạch do bàn giao về thành phố một số tuyến cống.

- Nạo vét hầm ga các loại: Khối lượng thực hiện là 4.265 m, đạt 49,63% kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: Khối lượng thực hiện là 2,0482 ha, đạt 104,99% kế hoạch.

- Vận chuyển rác từ điểm hẹn về TTC Tổng Văn Trân: Khối lượng thực hiện là 4.919,68 tấn đạt 45,05% kế hoạch.

- Vận chuyển rác từ bờ Tân Hóa đến các bãi đổ: Khối lượng thực hiện là 75.471,39 tấn, đạt 47,12% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 29.087 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 28.690 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp phải thực hiện 08 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

+ Thực hiện đầy đủ: 04/08 chỉ đạo.

+ Thực hiện không đầy đủ: 0/08 chỉ đạo.

+ Không thực hiện: 04/08 chỉ đạo do không thuộc đối tượng thực hiện chỉ đạo của UBND TP, cụ thể:

- Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 30/1/2015 về hướng dẫn các công ty con là công ty TNHH MTV thuộc tổng công ty, công ty – TNHH MTV hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con căn cứ kết cấu và nội dung Điều lệ mẫu để xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với đặc thù.

- Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 3/3/2015 về hướng dẫn điều chuyển khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu của các công ty con 100% vốn công ty mẹ vượt vốn điều lệ được phê duyệt.

- Công văn số 2026/UBND-CNN ngày 14/4/2015 về việc cung cấp thông tin khoản phải thu của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Công văn số 2026/UBND-CNN ngày 14/4/2015 về việc báo cáo số liệu và lãi chậm nộp (nếu có) về quỹ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Thực hiện 100%

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Thực hiện 100%

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có

II. Kết luận:

Trong 6 tháng năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, số phát sinh phải nộp ngân sách. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch được giao vì lý do tăng chi phí xử lý bùn cồng ở bộ phận thoát nước và giá điện nước sinh hoạt tăng.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	40.595	100.679	40.556	40,28%	99,90%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.483		40.519		100,09%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	50		35		70%
3	Thu nhập khác	62		2		3,28%
II	Tổng chi phí	36.994	92.066	36.716	39,88%	99,25%
1	Giá vốn hàng bán	32.414		31.152		96,11%
2	Chi phí tài chính	103		495		480,58%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>103</i>		<i>495</i>		<i>480,58%</i>
3	Chi phí bán hàng	0		6		-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.477		5.044		112,66%
5	Chi phí khác	0		19		-
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	91,13	91,45	90,53		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	11,03	-	12,44		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.601	8.613	3.840	44,58%	106,64%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.539		3.857		108,95
2	Lợi nhuận khác	62		-17		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 40,28% so với kế hoạch, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,91%, tăng 0,09% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,089%, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,001%, giảm 96,72% so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 39,88% kế hoạch, giảm 0,75% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 84,85%, giảm 3,89% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,35%, tăng 380,58% so với cùng kỳ năm 2014 do phát sinh chi phí lãi vay để xây dựng các công trình lớn như xây dựng trường Mầm non Học Mi 1, xây dựng trụ sở Công an phường Tân Chánh Hiệp,...;

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,02%;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 13,74%, tăng 12,66% so với cùng kỳ năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,05%.

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 90,53% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (91,13%). Công ty đã tiết giảm cho phí so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,44% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2014 (11,03%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014 do số lao động trong 6 tháng đầu năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 44,58% kế hoạch, tăng 6,64 % so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân: do tiết kiệm chi phí giá vốn hàng bán.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.601	3.840	106,64%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.701	2.995	110,88%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	7.933	12.757	160,81%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	139.770	134.891	93,32%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	45,39	30,10	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,05%	23,48	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,93	2,22	

Qua bảng trên cho thấy trong 6 đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,18 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 114.578 triệu đồng/ 97.420 triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp (109.033/12.757) tại thời điểm 30/6/2015 là 8,55 nằm ngoài giới hạn cho phép (vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP). Do vốn ngân sách ứng trước cho nhà tái định cư là: 87.997 triệu đồng nên hệ số lớn hơn 3 lần. Nợ phải trả thực tế của công ty là 21.036 triệu đồng (109.033 – 87.936). Nên hệ số nợ phải trả thực tế trên vốn chủ sở hữu của công ty (21.097/12.757) tại thời điểm 30/6/2015 là 1,65 lần (nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	144.130	125.651
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	138.521	114.578
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	5.909	11.073
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99,11	91,19
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4,10	8,81
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	144.130	125.652
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	121.201	109.033
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7.933	12.757
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,09	86,77
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	5,50	10,15

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (106.612 triệu đồng), hàng tồn kho (7.126 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp đã thay đổi so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Nguyên nhân do công ty đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn và thanh toán một phần nợ cho người bán.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2016 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$: doanh nghiệp bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tình hình thanh lý tài sản cố định trong 6 tháng đầu năm 2015: Không có.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: không có.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 106.612 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 109.033 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 0 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 là 11.613 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 11.613 triệu đồng.

+ Vay của cá nhân: 0 triệu đồng.

+ Phát hành trái phiếu: 0 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 8.013 triệu đồng.

- Mua 02 xe ép rác loại 11 tấn: 3.600 triệu đồng.

+ Mục đích khác: 0 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế: Quyết định số 1660/QĐ-CT-XP ngày 14/5/2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế. Theo đó, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng truy thu với tổng số tiền 1.127.082.500 đồng từ doanh thu bán căn hộ tái định cư của chung cư Tín Phong.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: đã báo cáo tình hình thực hiện các chính sách tiền lương hằng tháng gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 12.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 3.009 triệu đồng đạt 68% so với kế hoạch, tăng 101,17% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân do trong 6 tháng đầu năm 2015 thuế GTGT của công tác vận chuyển rác đã được ghi nhận, 6 tháng đầu năm 2014 thuế GTGT của công tác vận chuyển rác chưa được ghi nhận.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.461 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN: không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã thực hiện việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1: Thu gom rác đường phố.

Khối lượng thực hiện là 114.932.842 m², đạt 50% kế hoạch.

- Hoạt động 2: Chăm sóc cây xanh.

Khối lượng thực hiện là 7.300.000 m², đạt 50% kế hoạch.

- Hoạt động 3: Vận chuyển rác.

Khối lượng thực hiện là 26.836,51 tấn.

- Hoạt động 4: Duy tu đường giao thông.

Khối lượng thực hiện là 31.577 m², đạt 100% kế hoạch đợt 1.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 22.405 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 17.240 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

e. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 1660/QĐ-CT-XP ngày 14/5/2015: Công ty đã có ý kiến phản hồi với Cục thuế thành phố tại cuộc họp ngày 07/7/2015 (theo biên bản cuộc họp ngày 07/7/2015).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Doanh nghiệp chưa hoàn thành đối với các chỉ tiêu doanh thu (đạt 40,28% so với kế hoạch) và chỉ tiêu lợi nhuận (đạt 44,58% so với kế hoạch). Tuy nhiên, Doanh nghiệp hoàn thành vượt mức đối với chỉ tiêu số phát sinh phải nộp ngân sách (đạt 68% so với kế hoạch).

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nội dung	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015		Biến động thực hiện 2015 so với tỷ lệ (%)		
			Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	Kế hoạch 2015
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
I - Tổng doanh thu và thu nhập khác	80,814.80	58,999.59	160,500	64,715	80%	109.7%	40.3%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79,845.54	58,196	160,500	64,111	80%	110.2%	39.9%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	932.83	763		439	47%	57.5%	
3. Thu nhập khác	36.43	40		165	453%	414.1%	
Ghi chú :							
Khoản giảm trừ doanh thu	7,673.28	7,960		7,493	98%	94.1%	
II - Tổng chi phí	66,681.67	48,113.01	154,527	54,687	82%	113.7%	35.4%
1. Giá vốn hàng bán	61,116.27	43,599	144,651	50,815	83%	116.6%	35.1%
2. Chi phí tài chính	158.76	172		115	72%	66.9%	
3. Chi phí bán hàng	-						
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,291.07	4,342	9,876	3,757	71%	86.5%	38.0%
5. Chi phí khác	115.57	-			0%		
III- Tổng chi phí trên tổng doanh thu	83%	82%	96%	85%	102%	103.6%	87.8%
Trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	6.5%	7.4%	6.2%	5.8%	89%	78.9%	94.3%
IV- Tổng lợi nhuận trước thuế	6,459.85	2,926.65	5,973.00	2,535	39%	86.6%	42.4%
1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	6,538.99	2,886.76	5,973	2,370	36%	82.1%	39.7%
2. Lợi nhuận khác	(79.14)	39.89	-	165	-209%	414.1%	

a. Chỉ tiêu doanh thu :

- Tổng doanh thu thực hiện 6 năm 2015 đạt 40.3% so với kế hoạch, đạt 80% so với thực hiện năm 2013 và đạt 109.7% so với thực hiện năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau :

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99.1% tổng doanh thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0.07% tổng doanh thu.

+ Thu nhập khác chiếm 0.03% tổng doanh thu.

+ Thu nhập khác có tỷ lệ tăng cao so với 6 tháng đầu năm 2013 và năm 2014.

- Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (lĩnh vực ngành nghề chính), đơn vị đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trên giấy phép đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Chỉ tiêu chi phí :

- Tổng chi phí thực hiện 6 năm 2015 bằng 35.4% so với kế hoạch, giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2013 và năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau :

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92.92% so với tổng chi phí;

+ Chi phí tài chính chiếm 0.21%;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6.87% so với tổng chi phí, giảm so với thực hiện 6 tháng năm 2013 và năm 2014.

Do 2 nguyên nhân:

* Doanh nghiệp tăng cường tiết kiệm giảm chi phí quản lý.

* Do chính sách thuế GTGT thay đổi (hoạt động công ích chịu thuế GTGT được khấu trừ và không hạch toán chi phí).

- Tổng chi phí 6 năm 2015 chiếm 84.5 % so với doanh thu thực hiện 6 tháng 2015, giảm so với 6 tháng đầu năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5.8% so với doanh thu 6 tháng đầu năm 2015, giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014. Công ty đã tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp hiệu quả.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp :

a. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6T năm 2015/ TH 6T năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	2,926.7	2,534.9	86.6%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	2,282.8	1,977.2	86.6%

3	Vốn chủ sở hữu (theo điều 14 TT 158)	triệu đồng	14,844.9	14,844.9	100.0%
4	Tổng tài sản bình quân đầu kỳ, cuối kỳ	triệu đồng	131,267.1	138,903.5	105.8%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	0.197	0.171	86.6%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.154	0.133	86.6%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0.0174	0.0142	81.9%

ROE, ROA đều giảm so với cùng kỳ năm 2013 và 2014 do hoạt động xây dựng cơ bản của đơn vị trong giai đoạn thi công chưa được nghiệm thu thanh toán khối lượng.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,38 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 109.770 triệu đồng/79.523 triệu đồng), cho thấy, doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 là 0.79 nằm trong giới hạn cho phép.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	137,908	139,897
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	104,490	109,770
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	33,418	30,127
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75.77%	78.46%
4	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	24.23%	21.54%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	137,908	139,897
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	76,450	82,098
2	vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	61,456	57,799
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55.44%	58.68%
4	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	44.56%	41.32%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (48.072 triệu đồng), hàng tồn kho (24.347 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 giảm so cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,00$, cho thấy doanh nghiệp đã bảo toàn được nguồn vốn .

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty không có khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thảm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Công ty không có hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/06/2015 tổng số nợ phải thu khách hàng ngắn hạn của doanh nghiệp là 39,375 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ năm 2002 là các khoản thuế tài định của các đơn vị thi công do Công ty Quản Lý Nhà Bình Thạnh và nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như : cắt điện, cắt nước đối với một số hộ lâu năm không trả.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng nợ phải trả ngắn hạn của doanh nghiệp là 79,523 triệu đồng, Công ty không có khoản nợ phải trả không ai đòi.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 5,100 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 5,100 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 5,100 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư 2 xe ép rác:

+ Tổng mức vốn đầu tư: 5,100 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 5,100 triệu đồng

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp luôn tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp tuân thủ đúng qui định quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 32 % kế hoạch.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Trình bày tình hình biến động, số dư cuối kỳ, tình hình quản lý: Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

- Hoạt động thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 331,512,423m², đạt 50% kế hoạch, đạt 51% so với năm trước.

- Hoạt động thu gom rác từ thùng rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 12 thùng, đạt 32% kế hoạch (do thùng rác công cộng bị hao hụt nhiều nguyên nhân khách quan).

- Hoạt động duy tu từ bảo quản công viên cây xanh: Khối lượng thực hiện là 163,258 m², đạt 50 % kế hoạch, đạt 58% so với năm trước.

- Hoạt động vận chuyển rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 686,874 tấn/km, đạt 51% kế hoạch, đạt 51% so với năm trước.

- Hoạt động duy tu ngoài khoán & khoán quản lý đường bộ : khối lượng thực hiện là: 47,171 m² ,đạt 50% kế hoạch và đạt 50% so với năm trước.

- Hoạt động nạo vét hầm ga: Khối lượng công thực hiện là 93,906 (cái, md) đạt 45% kế hoạch, đạt 46% so với năm trước.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Doanh nghiệp đã tuân thủ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, chế độ chính sách nhà nước qui định.

II. Kết luận củ chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, chỉ tiêu doanh thu đạt 40.3% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 42.4% so kế hoạch, nộp ngân sách nhà nước đạt 32% kế hoạch.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp:

- An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng 2015/Thực hiện 6 tháng 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.997	51.918	10.569	20,36	117,47
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.997	51.918	10.303	19,84	114,52
2	Doanh thu hoạt động tài chính			49		
3	Thu nhập khác			217		
II	Tổng chi phí	8.147	48.355	11.535	23,85	141,59
1	Giá vốn hàng bán	4.683	41.340	7.239	17,51	154,58
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	638	1.644	386	23,48	60,50
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.826	5.371	3.420	63,68	121,02
5	Chi phí khác			490		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	90,55	93,14	109,14		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	31,41	10,35	32,36		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	850	3.563	-966	-27,11	-113,65
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	850	3.563	-693		-81,53
2	Lợi nhuận khác	-	-	-273		

1.1. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 đạt 20,36% so với kế hoạch, tăng 14,52% so với cùng kỳ năm 2014. Tổng doanh thu 06 tháng đầu năm 2015 đạt thấp so

với kế hoạch năm đã được phê duyệt (Thông báo số 26/TB-VP ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố), nguyên nhân là do doanh thu từ việc thực hiện các sản phẩm công ích (thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chăm sóc cây xanh, duy tu giao thông) và các công trình doanh nghiệp thực hiện thông qua đấu thầu, chưa hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, do đó chưa ghi nhận được doanh thu. Cơ cấu doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,5%, tăng 14,52% so với thực hiện năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,46%.

+ Thu nhập khác chiếm 2,05%.

Doanh thu thực hiện 06 tháng năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2. Chỉ tiêu chi phí: Tổng chi phí thực hiện 06 tháng đầu năm 2015 đạt 23,85% kế hoạch, tăng 41,59% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Cơ cấu như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 62,76% tổng chi phí, tăng 54,58% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm 2014 là do tăng giá vốn từ việc thực hiện các sản phẩm công ích (thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chăm sóc cây xanh, duy tu giao thông) các công trình xây dựng cơ bản được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách.

+ Chi phí bán hàng chiếm 4,52% (chủ yếu là chi phí khấu hao và sửa chữa sự cố trạm nước), giảm 39,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 29,65%, tăng 21% so với thực hiện 6 tháng năm 2014. Tăng do chi phí hoạt động văn phòng, chi phí xe công vụ, tiếp khách và các khoản khác ngoài kế hoạch....Do đó, 06 tháng cuối năm 2015 doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý để đảm bảo lợi nhuận kế hoạch đặt ra.

+ Chi phí khác chiếm 4,25%.

1.3. Chỉ tiêu lợi nhuận: Sáu tháng đầu năm 2015, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp không đạt kế hoạch đề ra (lỗ 966 triệu đồng). Nguyên nhân là do một số khoản doanh thu chưa đủ điều kiện để được ghi nhận theo quy định (vận chuyển rác, chăm sóc cây xanh, duy tu giao thông, các công trình công ty đấu thầu); trong khi chi phí quản lý và một số khoản chi phí khác phải hạch toán dẫn đến lợi nhuận âm. Do đó, trong 06 tháng cuối năm 2015, doanh nghiệp phải tập trung làm việc với các chủ đầu tư, nhanh chóng hoàn thành các thủ tục để được ghi nhận doanh thu, trên cơ sở đó hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

2.1. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015/ 6 TH tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	850	-996	-117,18
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	663	-753	-113,57
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	42.171	42.171	100
	Vốn đầu chủ sở hữu (MS 411)		38.783	38.783	100
	Quỹ đầu tư phát triển (MS417)		3.388	3.388	100
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	83.216	81.297	97,69
	Tổng tài sản số đầu kỳ		68.983	73.709	106,85
	Tổng tài sản số cuối kỳ		97.449	88.885	91,21
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	2,02	-2,36	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,57	-1,79	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,80	-0,93	

Phân tích số liệu trên cho thấy 06 tháng đầu năm 2015, tình hình tài chính doanh nghiệp có nhiều khó khăn, các chỉ tiêu (tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, ROE, ROA) đều giảm so với 06 tháng năm 2014. Tình hình này xuất phát từ khó khăn trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (chậm hoàn thành các thủ tục ghi nhận doanh thu, huy động vốn sản xuất kinh doanh khó khăn do chậm xử lý các khoản nợ phải thu kéo dài, đấu thầu thực hiện các dự án, sản phẩm dịch vụ công ích gặp khó khăn).

2.2. Khả năng thanh khoản: Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3.4 lần (81.629/23.991). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2.3. Các chỉ tiêu cân đối nợ: Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 0,57 lần (42.171/23.991) nằm trong giới hạn cho phép (quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

2.4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	97.449	88.885
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	89.977	81.629
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	7.472	7.256
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92	92

4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8	8
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	97.449	88.885
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	4.428	23.991
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	43.021	37.104
3	Nguồn kinh phí và quỹ khác (Kinh phí cấp bù giá nước)	Triệu đồng	50.000	27.790
4	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	5	27
5	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44	42

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm 92% tổng tài sản của doanh nghiệp (trong đó khoản phải thu ngắn hạn 46.018 triệu đồng, tiền và các tài khoản tương đương tiền 16.570 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 3.770 triệu đồng). Trong tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2014, cơ cấu tài sản như vậy là phù hợp.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 27% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước (do lợi nhuận chưa phân phối MS 421: -5,1 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ năm 2014: -3,6 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 41,74% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

2.5. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ (42.171 triệu đồng/42.171 triệu đồng). Doanh nghiệp đã bảo toàn vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

3.1. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 38.475 triệu đồng, giảm 16,39% cùng kỳ năm 2014 (38.475 triệu đồng/46.018 triệu đồng). Tuy nhiên nợ khó đòi của doanh nghiệp vẫn còn cao, việc trích quỹ dự phòng theo quy định tại nghị định 206/2013/NĐ-CP còn gặp khó khăn gắn với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời điểm hiện nay. Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 616 triệu đồng. Trong 06 tháng năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 23.991 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 23.991 triệu đồng (chủ yếu là tiền tạm ứng dự án nguồn vốn ngân sách 12 tỷ đồng, phải nộp ngân sách tiền thu hồi từ các vệ tinh hợp đồng cung cấp nước 1 tỷ đồng...) Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

4.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:
Trong 06 tháng đầu năm 2015 không có văn bản nhắc nhở và không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.

4.2. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm, số lao động thực tế sử dụng tại doanh nghiệp là 193 người, tiền lương và thu nhập của người lao động là 8,3 tỷ đồng. Doanh nghiệp thực hiện đúng chính sách tiền lương đối với người lao động theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Nghị định số 50/2013/NĐ-CP.

Về tiền lương và thù lao viên chức quản lý: Số viên chức quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm là 06 người, tổng thu nhập là 1,16 tỷ đồng. Doanh nghiệp thực hiện đúng chính sách tiền lương đối với viên chức quản lý quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP.

4.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Sáu tháng đầu năm Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước là 207 triệu đồng.

4.4. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:
Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chưa thực hiện trích lập quỹ.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1: Quét dọn, thu gom vận chuyển và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn. Khối lượng thực hiện: 3.492 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Chưa được ghi nhận doanh thu.

- Hoạt động 2: Bảo quản chăm sóc cây xanh trên địa bàn các xã, thị trấn. Khối lượng thực hiện: 1.757 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Chưa được ghi nhận doanh thu.

- Hoạt động 3: Thoát nước đô thị: Khối lượng thực hiện 2.699 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Chưa được ghi nhận doanh thu.

- Hoạt động 4: Duy tu giao thông 1.500 triệu đồng. Ghi nhận doanh thu 785 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích sáu tháng năm 2015 là 785 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

6.1. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Sáu tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp phải thực hiện 4/4 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đầy đủ: 4/4 chỉ đạo.

Trong năm, Công ty không có Biên bản, Quyết định xử phạt về thuế.

6.2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không.

6.3. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không.

6.4. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Sáu tháng 2015, doanh nghiệp không đạt kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Chưa hoàn thành tốt chỉ tiêu phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp:

- An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng 2015/Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng 2015/Thực hiện 6 tháng 2014
			Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	80.257	178.094	75.766	42,54%	94,4%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.606	178.094	74.927		95,32%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	775		765		98,71%
3	Thu nhập khác	876		74		8,45%
II	Tổng chi phí	71.855		67.219		93,55%
1	Giá vốn hàng bán	68.008		62.881		92,46%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.825		4.338		113,41%
5	Chi phí khác	22				
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	89,53%		88,72%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,62%				
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.402	18.025	8.547	47,42%	101,73%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.548		8.473		
2	Lợi nhuận khác	854		74		-

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 42,54% so với kế hoạch, giảm 5,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,89%, giảm 4,68% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1%, giảm 1,29% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,11%, giảm 91,55% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 giảm 6,45% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,55%, giảm 7,54% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,45%, tăng 13,41% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 88,72% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (0,81%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,73% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 (0,96%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 47,42% kế hoạch, tăng 1,73% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH2015/TH2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.402	8.547	101,73
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.553	6.666	101,73
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	47.357	47.065	99,38
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	127.966	129.370	101,1
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	17,74%	18,16%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,84%	14,16%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	5,12%	5,15%	

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,65 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 98.436 triệu đồng/26.948 triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp:

+ Lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,65, nằm trong giới hạn cho phép không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	127.966	129.370
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	92.960	98.436
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	35.006	30.934
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,64%	76,09%

4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,36%	23,91%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	127.966	129.370
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	40.569	30.595
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	87.397	98.775
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,7%	23,65%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,3%	76,35%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 2,26$, doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Không đầu tư.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia: Không có.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài: Không đầu tư.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không mua sắm, thanh lý và nhượng bán tài sản.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: Không có.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.508 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 673 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 673 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2013 (đã trích lập dự phòng), chủ yếu là các khoản bảo hành công trình. Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp vẫn tiếp tục theo dõi các khoản công nợ khó đòi này (cụ thể bao gồm: Công ty CP cấp nước Gia Định – 161.335.410đ, Trường đào tạo dạy nghề Việt Thái – 474.824.000đ, UBND Phường 14 – 37.044.000đ). Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: có đối chiếu thường xuyên với đối tác và được bên nợ xác nhận công nợ và sẽ thanh toán trong năm.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 30.595 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 30.595 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có.

e. Tình hình đầu tư tài sản: Không có.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: không có vi phạm về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- Công ty thực hiện thanh toán tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động theo quy chế.

- Đảm bảo chế độ báo cáo 6 tháng đầu năm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của viên chức quản lý cho Phòng Lao động Thương binh xã hội, trong đó: Quỹ tiền lương: 702.000.000 đồng (đạt 44,66% so với kế hoạch), thù lao: 65.500.000 đồng và quỹ tiền thưởng: 1.890.000 đồng (đạt 50% so với kế hoạch).

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi cục tài chính doanh nghiệp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Nội vụ hợp kiểm tra việc xác định quỹ lương thực hiện của người lao động và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện

của viên chức quản lý Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Phú Nhuận năm 2014.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 11.414 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 27.725 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 26.616 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Có thực hiện (đính kèm báo cáo của công ty).

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có.

II. Kết luận:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN THỦ ĐỨC

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 /Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	36.469	82.563	25.451	30,82	69,79
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.432	82.563	25.406	30,77	69,74
2	Doanh thu hoạt động tài chính	37		8		21,62
3	Thu nhập khác			37		
II	Tổng chi phí	34.809	78.913	24.443	30,97	70,22
1	Giá vốn hàng bán	30.040	71.482	22.214	31,08	73,94
2	Chi phí tài chính	9		173		1.922
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			173		1.922
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.403	7.431	2.056	27,67	60,41
5	Chi phí khác	1.357				
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95.45	95.57	96.03	99,26	101,67
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,3	9	8,1	90	87,09
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.660	3.650	1.008	27,62	60,72
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.017	3.650	971	26,60	32,18
2	Lợi nhuận khác	-1.357		37		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 30,82% so với kế hoạch, bằng 69,79% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Doanh thu 6 tháng đầu

năm 2015 chủ yếu là doanh thu hoạt động công ích. Doanh thu hoạt động kinh doanh đạt thấp do một số công trình đang trong thời gian thi công, chưa hoàn thành bàn giao nên chưa ghi nhận doanh thu.

Doanh thu sản phẩm công ích 6 tháng đầu năm 2015 thực hiện là 23.270 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 91,4% trên tổng doanh thu, bằng 77,23% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 là do chưa có doanh thu cấp bù khối lượng vận chuyển rác năm 2013. Tuy nhiên, công ty luôn hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích theo hợp đồng ký kết với các đơn vị đặt hàng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,82%.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,03%.

+ Thu nhập khác chiếm 0,15%.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 30,97% kế hoạch, chiếm 96,03% tổng doanh thu, tăng 0,58% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,9%, tăng 4,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,4%, giảm 1,2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí khác không có

Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,1% tổng doanh thu thực hiện, giảm 1,2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Công ty đã giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 27,62% kế hoạch, bằng 60,72% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Do doanh thu thực hiện giảm dẫn tới lợi nhuận giảm tương ứng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.660	1.008	60,72
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.356	786	57,96
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	13.636	13.763	100,93
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	125.850	126.017	100,35
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH (%)	12,17	7,32	60,14
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	9,94	5,71	57,44
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (%)	1,07	0,62	57,94

Qua bảng trên cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,05 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 49.336 triệu đồng/46.767 triệu đồng)>1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 2,71 lần (35.844 triệu đồng/13.763 triệu đồng), không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

Nợ phải trả đến 30/06/2015 là 48.481 triệu đồng, nhưng thực tế là 35.844 triệu đồng, trong đó có 2 khoản công nợ không tính vào để phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị gồm :

- Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chung cư Hiệp Bình Chánh (5.833 triệu đồng). Đây là khoản phân nguồn số thu. Thực tế toàn bộ số tiền thu được công ty đã hoàn trả Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước (Quỹ đầu tư). Tính đến thời điểm 30/6/2015 còn 1.059 triệu đồng. Sau khi hoàn tất việc trả nợ Quỹ đầu tư, số tiền thu được sẽ nộp ngân sách và làm giảm nguồn này.

- Khoản nợ (5.338 triệu đồng) là khoản phản ánh số nợ công ty Công Ích Quận 3 đã trả ngân sách. Khi giao nợ và bàn giao chung cư về cho công ty quản lý, công ty hạch toán để cân đối giữa tài sản và nguồn vốn; và khoản nợ 1.466 triệu đồng, phản ánh nghĩa vụ của công ty đối với người mua nhà. Khi người mua nhà

thanh toán xong và công ty hoàn tất thủ tục cấp chủ quyền cho người mua nhà đồng thời ghi giảm tài sản thì khoản nợ này sẽ giảm.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu Năm 2014	6 tháng đầu Năm 2015
I	Tổng tài sản	123.354	128.680
1	Tài sản ngắn hạn	45.383	49.336
2	Tài sản dài hạn	79.344	79.344
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	36,79	38,34
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	64,32	61,66
II	Tổng nguồn vốn	123.354	128.680
1	Nợ phải trả	36.412	35.844
2	Vốn chủ sở hữu	13.636	13.763
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	29,52	27,85
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	11,05	10,69

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục bất động sản đầu tư (68.641 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (27,85%), giảm 567 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng 127 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Do được bổ sung vốn từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của công ty đến năm 2013.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,01$ doanh nghiệp đã bảo toàn vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

* Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp thực hiện quản lý tài sản theo quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ và Quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-DVCI ngày 22/10/2014.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

* Quản lý nợ :

Công ty thực hiện quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP và Quy chế quản lý nợ do Công ty xây dựng và ban hành. Trong quản lý, công ty đã theo dõi, phân loại, đối chiếu, xác nhận, đôn đốc thu hồi nợ. Công ty thực hiện khởi kiện gán như toàn bộ các trường hợp nợ chây ì, không có thiện chí trả nợ. Bên cạnh giải quyết các khoản nợ lâu, công ty cũng chủ động xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi; chú trọng ngăn ngừa không để phát sinh nợ mới.

- Quản lý nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 25.186 triệu đồng, trong đó nợ phải thu trong hạn 20.330 triệu đồng; nợ quá hạn khó đòi là 4.856 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.313 triệu đồng, bao gồm:

+ Khoản lãi chiếm dụng vốn 2.516 triệu (phát sinh từ năm 2009): đây là khoản lãi người chiếm dụng tiền của công ty cam kết trả (số tiền chiếm dụng công ty đã thu hết). Công ty đã khởi kiện và Tòa án đã hòa giải thành, đối tượng nợ đã cam kết trả nợ trong vòng 9 tháng, hạn chót hết tháng 1/2016 nếu không trả thì sẽ chuyển qua thi hành án. Do chưa thu được nên Công ty chưa ghi vào thu nhập và không trích lập dự phòng. Việc thu được khoản tiền này sẽ góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Trường hợp không có khả năng thu được cũng không làm mất vốn chủ sở hữu.

+ Các khoản nợ khác: 2.340 triệu đồng

Trong đó:

9 đối tượng với tổng số tiền là 1.313 triệu:

Công ty đã khởi kiện ra tòa 7 trường hợp. Việc xử lý các khoản nợ này trong trường hợp không còn khả năng thu hồi đã được đảm bảo bằng nguồn dự phòng mà công ty đã trích lập, không làm mất vốn chủ sở hữu.

Các trường hợp là cơ quan nhà nước với số tiền nợ là 501 triệu đồng: UBND phường Linh Tây nợ 196 triệu đồng; UBND phường Trường Thọ nợ 134 triệu đồng; khoản công ty tạm ứng 170 triệu đồng để thực hiện khảo sát địa chất, tư vấn, lập dự án đầu tư cho hai dự án trên địa bàn phường Bình Chiểu và phường Tam Bình. Công ty đã nỗ lực trong công tác đòi nợ nhưng vẫn chưa thu hồi được.

39 đối tượng thuê nhà thuộc SHNN với tổng số tiền 846 triệu đồng: công ty đang khởi kiện 13 trường hợp ra tòa, 11 trường hợp gửi thư xác nhận đối chiếu nợ lần hai, 7 trường hợp đang thực hiện cam kết trả nợ, 8 trường hợp đã gửi thông báo thu hồi nhà. Đây là khoản thu hộ, không phải là thu nhập của đơn vị nên công ty không trích lập dự phòng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015 tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 48.481 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có

d. Tình hình đầu tư tài sản: không có

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp chấp hành và tuân thủ các chính sách pháp luật và chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh qui chế trả lương, thưởng.

Công ty đã nộp kế hoạch xây dựng tiền lương 2015.

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: Chấp hành đúng theo qui định. Thực hiện công khai đầy đủ: niêm yết tài văn phòng công ty, trụ sở làm việc của người lao động và công bố thông tin trên Website: <http://www.congichthuduc@vnn.vn>.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 thực hiện 2.178 triệu đồng đạt 44,11% kế hoạch, giảm 44,77% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân giảm là do năm 2014 có truy nộp tiền thuê đất tại phân xưởng Salan từ năm 2006 đến năm 2013 là 1,3 tỷ đồng, năm 2015 không có khoản này.

6 tháng đầu năm 2015 tình hình tài chính doanh nghiệp gặp khó khăn. Do công ty TNHH MTV Môi Trường đô thị thành phố chưa thanh toán tiền cấp bù tiền lương và nhiên liệu năm 2013, 2014 và tiền vận chuyển rác năm 2015, nên đến cuối tháng 6 năm 2015 Công ty chưa nộp ngân sách là 1.703 triệu đồng, trong đó tiền thuê đất là 1.409 triệu đồng. Trong tháng 8/2015 công ty đã nộp vào ngân sách đầy đủ.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động quét thu gom rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 83.183 triệu m² đạt 46,51% kế hoạch. Do tuyến đường Phạm Văn Đồng chưa thi công xong và chưa đưa vào sử dụng toàn tuyến.

- Hoạt động vận chuyển rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 66.342 tấn, đạt 53,61% kế hoạch.

- Hoạt động cho thuê nhà SHNN: doanh thu thực hiện 2.566 triệu đồng, đạt 64,15% kế hoạch.

- Hoạt động duy tu, chăm sóc cây xanh: doanh thu thực hiện 130 triệu đồng, đạt 1,98% so kế hoạch. Do một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu thanh quyết toán và một số công trình còn đang thi công.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 23.270 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 22.595 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của UBND Thành phố: Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin hoạt động, tài chính, tiền lương, tình hình quản trị công ty lên Website: <http://www.congichthuduc@vnn.vn>.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận theo chỉ đạo của Sở Tài chính về việc thu hồi kinh phí ngân sách do điều chỉnh giảm tiền lương tối thiểu tính trong đơn giá sản phẩm công ích năm 2012, năm 2013:

Số tiền công ty phải hoàn trả ngân sách được xác định là 1.507 triệu đồng (kinh phí duy tu cây xanh) và công ty đã hoàn trả ngân sách số tiền trên vào ngày 14/8/2015.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách. Để hoàn thành kế hoạch năm, công ty cũng đang nỗ lực tìm kiếm thêm việc làm; thực hiện các giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ chi phí, sắp xếp tinh gọn bộ máy; tăng cường công tác thanh quyết toán thu hồi và xử lý các khoản nợ đã lâu khó đòi; kịp thời hoàn thành và bàn giao các công trình trong năm. Mặc dù chưa đạt kế hoạch nhưng các chỉ số tài chính của doanh nghiệp vẫn trong mức độ an toàn và bảo toàn về vốn.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính X

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	101.400.640.408	261.503.000.000	61.699.257.210	23,59	60,40
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.111.296.636	256.060.095.000	59.859.777.462	23,38	60,40
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.235.575.590	5.402.050.000	1.837.979.748	34,02	82,22
3	Thu nhập khác	53.768.182	40.000.000	1.500.000	3,75	2,79
II	Tổng chi phí	96.333.142.039	242.105.043.000	58.230.001.329	24,05	60,45
1	Giá vốn hàng bán	91.558.796.646	230.389.043.000	53.121.247.698	23,06	58,02
2	Chi phí tài chính		1.000.000			
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.719.695.393	11.680.000.000	5.108.753.631	43,74	108,24
5	Chi phí khác	54.650.000	35.000.000			
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95,00	92,58	94,38		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,65	4,47	8,28		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	5.067.498.369	19.397.957.000	3.469.255.881	17,88	68,46
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.068.380.187	19.392.957.000	3.467.755.881	17,88	68,42
2	Lợi nhuận khác	(881.818)	5.000.000	1.500.000	30,00	(170,10)

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 23,59% so với kế hoạch, đạt 60,85% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014

- Cơ cấu doanh thu như sau :

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,02 %, đạt 60,40 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,98 %, giảm 17,78 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với năm 2014 là do lãi suất tiền gửi giảm

+ Doanh thu khác chiếm 0,002 %, giảm 99,998% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Nhìn chung, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với kế hoạch và so với 6 tháng đầu năm 2014

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 24,05 % so với kế hoạch, giảm 41,98 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014, tương ứng với tốc độ giảm doanh thu.
- Cơ cấu như sau :
 - + Giá vốn hàng bán chiếm 91,23%, giảm 58,02% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
 - + Chi phí tài chính chiếm 0 %,
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,77%, tăng 8,24 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
 - + Chi phí khác chiếm 0%, giảm 100 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 94,38 % trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm nhẹ so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 là 0,62% do doanh thu thực hiện giảm nên chi phí cũng đồng thời gia giảm tương ứng.
- + Về chi phí quản lý doanh nghiệp : Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,28 % trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với 6 tháng đầu năm 2014 (4,65%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 17,88 % so với kế hoạch và giảm 31,54 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/ TH 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.067	3.469	68,46
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.924	2.293	58,44
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	53.926	53.926	100
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	364.075	406.182	111,57
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	9,40	6,43	68,46
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,28	4,25	58,44
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,08	0,56	52,38

Qua bảng trên cho thấy, 6 tháng đầu năm 2015 công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2014

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,24 lần (244.318 triệu đồng / 197.562 triệu đồng)

Như vậy, công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 30/06/2015 là 5,97= 322.033

triệu đồng / 53.926 triệu đồng.

Nợ phải trả là 322.033 triệu đồng, trong đó :

- + Tiền người mua ứng trước công trình xây dựng đang thi công : 55.578 triệu đồng.
- + Kinh phí ngân sách ứng trước khâu quét thu gom vận chuyển rác, duy tu cây xanh: 34.689 triệu đồng.
- + Khoản phải trả người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi : 13.736 triệu đồng
- + Thuế và các khoản phải nộp nhà nước : 1.913 triệu đồng.
- + Phải trả người bán về vật tư XD CB : 69.563 triệu đồng
- + Phải trả người bán về kinh phí xây lắp công trình chung cư Tân Trụ : **18.934 triệu đồng (a)**
- + Phải trả Ngân sách nhà nước liên quan đến công trình xây dựng chung cư Tân Trụ : **105.072 triệu đồng (b)**
- + Các khoản phải trả khác 3.148 triệu đồng.
- + Doanh thu chưa thực hiện (nợ tiền thuê nhà ở chưa thu được lũy kế đến 30/06/2015) : **2.637 triệu đồng (c)**.
- + Quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ : **458 triệu đồng (d)**.
- + Ngân sách tạm ứng kinh phí chung cư lô J- Bàu Cát 2 : **16.305 triệu đồng (e)**

Nếu loại trừ các yếu tố (a),(b),(c), (d), (e) là những khoản nợ nằm ngoài khả năng chủ quan của doanh nghiệp thì chỉ tiêu nợ phải trả chỉ còn 178.627 triệu đồng, bằng 2,49 lần vốn chủ sở hữu và bằng 3,42 lần vốn điều lệ .

Ngoài ra, 02 công trình “ Trường Âu Lạc” và “nạo vét thoát nước năm 2015” sẽ được quyết toán trong năm 2015, khi ấy sẽ làm tỷ suất nợ phải trả/ vốn điều lệ xuống < 3 lần.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	367.607	406.182
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	225.181	244.318
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	142.426	161.864
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	61,26	60,15
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	38,74	39,85
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	367.607	406.182
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	287.296	322.033
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	80.311	84.149
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,15	79,28
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,85	20,72

- Về cơ cấu tài sản:

- Về cơ cấu tài sản :

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong tổng tài sản của công ty, chủ yếu là khoản mục "tiền và các khoản tương đương tiền" (115.026 triệu đồng) và khoản mục "Các khoản phải thu" (84.796 triệu đồng)

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 tương đối ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014

- Về cơ cấu nguồn vốn :

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 tăng 12,09 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 79,28 % trong tổng nguồn vốn của công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng 4,78 % so với cùng kỳ năm trước, Chiếm 20,72 % trong tổng nguồn vốn của công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của công ty H = 53.926 triệu đồng / 53.926 triệu đồng = 1. Vốn nhà nước tại công ty được bảo toàn và tăng lên so với đầu năm, hệ số bảo

toàn của Vốn chủ sở hữu là 1 , tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 4,25%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,56%

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

- Công ty có đầu tư vốn vào công ty con là Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Tân Bình, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304855078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/06/2011 với ngành nghề kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng và đồ dùng trang trí nội thất, vốn điều lệ 2.351.500.000 đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, lợi nhuận được chia từ công ty vật liệu xây dựng Tân Bình là 0 đồng, chiếm tỷ lệ 0 % trên vốn đầu tư.

- Theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, Công ty vật liệu xây dựng Tân Bình sẽ được tạm thời tiếp tục duy trì hoạt động đến năm 2015 nhằm cung cấp vật tư, thiết bị, trang trí nội thất cho các công trình do công ty công ích Tân Bình nhận thầu, trong 6 tháng cuối năm 2015, công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Tân Bình thực hiện thoái vốn và giải thể.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Công ty mua sắm tài sản hoặc thanh lý tài sản có giá trị lớn đều thực hiện tổ chức đấu thầu, đấu giá theo quy định, việc khấu hao tài sản cố định cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành.

- Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của công ty là 84.796 triệu đồng. Chủ yếu là tiền ứng trước cho các công trình xây dựng cơ bản của công ty.

- Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải trả của công ty là 322.033 triệu đồng.

- Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

c) Tình hình đầu tư tài sản và huy động vốn

- Công ty không sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án cũng như không huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 vừa qua, công ty có tuân thủ (*không bị xử phạt hành chính*) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (*chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...*) cho người lao động. Quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý theo đúng quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Công ty có số phát sinh phải nộp Ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 6.285 triệu đồng đạt 32,52% kế hoạch, giảm 28,72 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014

- Đến cuối tháng 6 năm 2015, công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là âm 852.378 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty không phát sinh và không sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể như sau :

- Vệ sinh quét dọn : Khối lượng thực hiện là 315.611.407 lượt/m², tương đương 25.848.837.293 đồng, đạt 43,09 % kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh : Khối lượng thực hiện là 105.731 m², tương đương 6.050.000.000 đồng, đạt 100 % kế hoạch.

- Vận chuyển rác : Khối lượng thực hiện là 3.033.972 tấn.km, tương đương 19.655.522.000 đồng, đạt 46,14 % kế hoạch.

- Xây dựng cơ bản : 1.941 triệu đồng, đạt 1.38 % kế hoạch

Tổng doanh thu công ích là 58.102 triệu đồng, ứng với tổng chi phí công ích là 56.493 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a) Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố : không có

b) Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước : không có

c) Tình hình thực hiện kiến nghị của Thanh tra thành phố : không có

d) Tình hình thực hiện kiến nghị của Sở Tài chính : không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty đã hoàn thành 23,59 % kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu, 17,88 % kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận,

và hoàn thành 32,52 % kế hoạch đối với số phát sinh phải nộp Ngân sách.

- Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành :

Công ty chấp hành đúng các chế độ chính sách pháp luật theo quy định tại khoản 2, điều 15 Quy chế ban hành theo nghị định số 61/2013/NĐ-CP bao gồm các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác.

- Phân loại doanh nghiệp

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính X

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015 /Thực hiện 6 tháng năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện (6 tháng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	12.963	43.054	16.922	39,30%	130,54 %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.764	42.954	16.807	39,13%	131,68%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	199	100	90	90%	45,23%
3	Thu nhập khác			25		
II	Tổng chi phí	11.923	40.133	15.622	38.93%	131,02%
1	Giá vốn hàng bán	9.786	35.607	13.410	37,66%	137,03%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.137	4.526	2.212	48,87%	103,51%
5	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	91,98%	93,22%	92,32%	99,04%	100,37%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	16,49%	10,51%	13,07%	124,35%	79,27%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.040	2.921	1.300	44,51%	125%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.040	2.921	1.275	43,65%	122,6%
2	Lợi nhuận khác			25		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 39,30% so với kế hoạch, tăng 30,54% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân tăng là do 6 tháng đầu năm 2015 có doanh thu công trình.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,32%, tăng 31,68% so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,53%, giảm 54,77% so với thực hiện 6 tháng năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,15%.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 38,93% kế hoạch, tăng 31,02% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 85,84%, tăng 37,03% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân, do trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp tăng số lượng lao động, dẫn đến chi phí nhân công tăng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,16%, tăng 3,51% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 92,32% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (91,98%). Doanh nghiệp chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 13,07% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (16,49%). Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp đạt 44,51% kế hoạch, tăng 25% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân, lợi nhuận tăng do doanh thu tăng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.040	1.300	125%

2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	811	1.014	125,15%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	20.593	20.593	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	46.485	46.189	99,36%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/Vốn chủ sở hữu	%	5,05%	6,31%	1,25
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,94%	4,92%	1,25
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,74%	2,2%	1,26

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn tương đương với 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,83 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn: 38.331 triệu đồng/10.007 triệu đồng). Lớn hơn 1: doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 là 0,29, nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	44.545	46.606
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	35.426	38.331
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	9.119	8.275
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79,53%	82,24%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	20,47%	17,75%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	44.545	46.606
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	9.684	10.489
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	34.700	35.956
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,74%	22,51%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	77,90%	77,15%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn: 24.142 triệu đồng, tiền và các khoản tương đương tiền: 10.362 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 tăng 8.31% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (22,51%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng 3.62% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (77,15%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 30/06/2015 của doanh nghiệp là $H = 1,04$, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Doanh nghiệp không có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp không có mua sắm mới tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

+ Doanh nghiệp đã trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho là 373 triệu đồng (Hàng đất, sỏi).

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 24.138 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 725 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 725 triệu đồng.

+ Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2002 đến 2007, chủ yếu là các khoản tạm ứng thi công công trình. Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp là 10.489 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 1.852 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Doanh nghiệp không có hoạt động vay nợ.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp không có hoạt động đầu tư dự án.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 không có quyết định của cơ quan thuế về xử phạt đối với doanh nghiệp.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: doanh nghiệp xác định quỹ lương theo Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2010; Thông tư 18/2013, 19/2013 ngày 09/09/2013 của Bộ LĐTBXH.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 đạt 49,04% kế hoạch, tăng 58,83% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân tăng do doanh thu công trình 6 tháng năm 2015 tăng so với 6 tháng năm 2014 nên thuế GTGT tăng.

Đến 30/06/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.070 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã thực hiện khối lượng dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Thu gom, vận chuyển rác: khối lượng thực hiện là 461.744,32 tấn/Km, đạt 42,7% kế hoạch, tương đương 4.670 triệu đồng.

- Quét rác đường phố: khối lượng thực hiện là 50.417,26 (1000m²) , đạt 34,2% kế hoạch, tương đương 6.300 triệu đồng.

- Chăm sóc công viên cây xanh: khối lượng thực hiện là 71.337,59 (100 m²), đạt 50,4% kế hoạch, tương đương 2.183 triệu đồng.

- Bùn công, hồ ga: khối lượng thực hiện là 3.235 (m), đạt 64,8 % kế hoạch, tương đương 275 triệu đồng.

- Cho thuê nhà SHNN là 23,2 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 13.452 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 10.936 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ 07/07 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Doanh nghiệp không có chỉ đạo riêng phải thực hiện.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không có chỉ đạo, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không có chỉ đạo, kiến nghị của Thanh tra thành phố.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ 08/08 chỉ đạo chung của Sở Tài chính thành phố. Doanh nghiệp không có chỉ đạo riêng phải thực hiện.

e. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ 02/02 chỉ đạo chung của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố. Doanh nghiệp không có chỉ đạo riêng phải thực hiện.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp cơ bản hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra như doanh thu quét rác đường phố, 6 tháng đầu năm 2015 đạt 34,2% so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân: Do một số tuyến đường đang thực hiện thi công, duy tu sửa chữa, làm giảm diện tích quét rác đường phố.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp: doanh nghiệp chấp hành chế độ, chính sách pháp luật đầy đủ và đúng quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 Tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6TĐN 2014	Năm 2015		Thực hiện 6TĐN2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 6TĐN2015/ Thực hiện 6TĐN2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	55.733	114.148	38.937	34,11	69,86
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.890	114.108	38.393	33,65	69,95
2	Doanh thu hoạt động tài chính	21	40	16	40,00	76,19
3	Thu nhập khác	822	0	528		64,23
II	Tổng chi phí	52.350	109.108	36.900	33,82	70,49
1	Giá vốn hàng bán	49.826	102.259	35.065	34,29	70,37
2	Chi phí tài chính	-				
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-				
3	Chi phí bán hàng	-				
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.524	6.849	1.835	26,79	72,70
5	Chi phí khác	-				
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,93	95,58	94,77		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,53	6,00	4,71		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.383	5.040	2.037	40,42	60,21
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.561	5.040	1.509	29,94	58,92
2	Lợi nhuận khác	822		528		64,23

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 34,11% so với kế hoạch, giảm 30,14% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,6%, giảm 30,05% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,04%, giảm 23,81% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 1,36%, giảm 35,77% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 33,82% kế hoạch, giảm 29,51% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 95,03%, giảm 29,63% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,97%, giảm 27,3% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác 6 tháng đầu năm 2015: không phát sinh

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 94,77% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (93,93%). Doanh thu đã bao gồm điều chỉnh giảm kinh phí quét rác, thu gom và vận chuyển rác năm 2012: 5.012 triệu đồng. Chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đã bao gồm giảm dự phòng tiền lương năm 2015: 4.095 triệu đồng (do tính vào chi phí năm 2014 nhưng đến 30/06/2015 chưa chi hết nên hoàn nhập ghi giảm chi phí năm 2015). Nếu loại trừ giảm doanh thu năm 2012 và giảm dự phòng tiền lương thì Tổng chi phí trên tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 là: 93,27% (40.995/43.949) tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,71% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (4,53%). Doanh nghiệp chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 40,42% kế hoạch, giảm 39,79% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015 / TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.383	2.037	60,21
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.631	1.693	64,35
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	8.383	8.588	102,45
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	41.889	50.199	119,84
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	40,36	23,72	58,77
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	31,38	19,71	62,81
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	6,28	3,37	53,66

Qua trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,15 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 46.128 triệu đồng/ 39.955 triệu đồng) lớn hơn 1. Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải trả 36.959 triệu đồng; trong đó:

+ Phải trả CNV: 3.905 triệu đồng

+ Phải trả cho người bán: 3.278 triệu đồng

+ Thuế và các khoản phải nộp NSNN: 827 triệu đồng

+ Thu hộ ngân sách nhà nước: 10.034 triệu đồng (do chưa xuất hóa đơn tài chính, và các khoản giữ lại cho chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng cho khu 2+3ha, 6ha, 30ha Vĩnh Lộc B)

+ Tạm ứng ngân sách Thành phố để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B: 5.000 triệu đồng.

+ Phải trả cho các Đội ứng vốn thi công: 11.771 triệu đồng

+ Phải trả khác: 2.144 triệu đồng

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là các khoản ứng vốn thi công của các Đội tác nghiệp trực thuộc Công ty, các khoản phải trả cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị thi công sẽ thanh toán khi Công ty nhận được kinh phí từ chủ đầu tư (bên A).

Các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán trên BCTC là: 976 triệu đồng. Đây là các khoản nợ liên quan hoạt động quản lý dự án do Công ty làm Chủ đầu tư (thu – chi hộ NSNN), không ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản nợ này chủ yếu là các khoản bảo hành dự án, đang chờ quyết toán công trình hoặc sẽ thanh toán cho nhà thầu khi có biên bản kết thúc bảo hành. Nếu loại trừ các khoản nợ của hoạt động quản lý dự án thì Công ty không có nợ phải trả đã quá hạn thanh toán.

Nếu loại trừ khoản thu chi hộ ngân sách và khoản ứng vốn của các Đội thi công thì Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty = $(36.959 - 10.034 - 5.000 - 976 - 11.771) / 8.588 = 9.178 / 8.588 = 1,07$ lần nhỏ hơn 3, không vượt mức an toàn theo quy định.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	40.188	46.728
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	39.263	46.128
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	925	600
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	97,70	98,72
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	2,30	1,28
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	40.188	46.728
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	37.849	40.062
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.339	6.666
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	94,18	85,73
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	5,82	14,27

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền 11.817 (triệu đồng), phải thu khách hàng 15.249 (triệu đồng), phải thu khác 10.313 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1,02$ (8.588/8.383), doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Doanh nghiệp không có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không mua sắm tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Từ năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 doanh nghiệp đã có văn bản gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký khấu hao nhanh bằng 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ.

+ Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN ngày 19/11/2009 của Ủy ban nhân dân Tp.HCM, từ năm 2010 đơn vị không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Đến thời điểm 30/06/2015, doanh nghiệp không có hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 26.753 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 84 triệu đồng, doanh nghiệp chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để trích lập dự phòng theo qui định.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2010, chủ yếu là các khoản phải thu cho thuê nhà sở hữu nhà nước do các hộ dân không chịu ký hợp đồng thuê nhà, đang chờ các Sở ngành có liên quan giải quyết. Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/06/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 36.959 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn là 976 triệu đồng (là các khoản nợ liên quan đến hoạt

động dự án – Doanh nghiệp làm chủ đầu tư (thu chi hộ NSNN), không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các khoản nợ này chủ yếu là các khoản bảo hành dự án, đang chờ quyết toán công trình, sẽ thanh toán cho nhà thầu khi đã có biên bản kết thúc bảo hành. Nếu loại trừ các khoản nợ của hoạt động dự án thì doanh nghiệp không có nợ phải trả đã quá hạn thanh toán)

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Doanh nghiệp không có vốn tự huy động.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp không có dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Không có

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp thực hiện việc trả lương, thưởng cho người lao động theo Quy chế trả lương, trả thưởng của doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện, nợ lương người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 (hoạt động sản xuất kinh doanh) đạt 83,07 % so với kế hoạch năm và giảm 35,7 % so với 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân giảm: tương ứng doanh thu, lợi nhuận.

Đến cuối 30/06/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 827 triệu đồng nhưng chưa đến hạn nộp ngân sách, doanh nghiệp đã nộp đúng hạn trong tháng 07/2015.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 1.138.783 (T-Km), tương đương 11.859 triệu đồng, đạt 50,62% kế hoạch.

- Hoạt động quét, thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 231.772.422 (m² quy ước), tương đương 10.879 triệu đồng, đạt 49,63% kế hoạch.

- Hoạt động khác (quản lý cầu đường không vật tư, nhà sở hữu nhà nước, quản lý chăm sóc cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, phá dỡ nhà dân dụng, xây dựng các công trình công cộng,): 20.629 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kinh phí quét rác, vận chuyên rác năm 2012: -5.012 triệu đồng.

- Điều chỉnh khác của năm 2014: 37 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 25.859 triệu đồng (chưa bao gồm điều chỉnh giảm kinh phí 2012 và 2014), ứng với tổng chi phí là 18.275 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố: 20

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp không thuộc diện thực hiện: 5/20

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp phải thực hiện: 15/20

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp đã thực hiện: 9/20

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp chưa thực hiện: 6/20 là:

+ 701/QĐ-UBND ngày 13/02/2015: chờ biên bản kiểm tra BCTC N2013 của CCTCDN để xác định lợi nhuận được phân phối các quỹ theo quy định;

+ 1333/QĐ-UBND ngày 27/03/2015: doanh nghiệp sẽ thực hiện khi có thông báo số tài khoản do UBND huyện Bình Chánh quản lý đúng thời gian theo quy định;

+ 1952/UBND-CNN ngày 13/04/2015: UBND huyện Bình Chánh chưa giao chỉ tiêu đánh giá cho doanh nghiệp;

+ 2026/UBND-CNN ngày 14/04/2015: đến ngày 30/11/2014 doanh nghiệp chưa nhận được kết quả xếp loại DN và VCQL năm 2012, 2013, 2014 nên chưa trích lập các quỹ theo quy định, do đó chưa thể xác định được các khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

+ 2477/QĐ-UBND ngày 15/05/2015: Doanh nghiệp chưa nhận được biên bản kiểm tra BCTC năm 2013 nên chưa trích lập các quỹ theo quy định;

+ 2463/QĐ-UBND ngày 15/05/2015: Doanh nghiệp chưa nhận được kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2012 nên chưa trích lập các quỹ theo quy định;

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

- Tổng số chỉ đạo của Sở Tài chính: 2

- Tổng số chỉ đạo của Sở Tài chính, doanh nghiệp đã thực hiện: 2/2

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, vượt kế hoạch số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp có ý thức chấp hành tốt các chế độ kế toán, thống kê, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách theo quy định, không nợ thuế.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	44.778	142.789	37.782	26,46%	84,38%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.393	141.489	37.362	26,41%	84,16%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	357	800	272	34,00%	76,19%
3	Thu nhập khác	28	500	148	29,60%	528,57%
II	Tổng chi phí	42.324	133.533	36.495	27,33%	86,23%
1	Giá vốn hàng bán	37.428	121.625	32.841	27,00%	87,74%
2	Chi phí tài chính	367	672	241	35,86%	65,67%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>367</i>	<i>672</i>	<i>241</i>	<i>35,86%</i>	<i>65,67%</i>
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.529	11.036	3.405	30,85%	75,18%
5	Chi phí khác		200	8	4,00%	
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,52%	93,52%	96,59%	103,29%	102,19%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	10,11%	7,73%	9,01%	116,60%	89,10%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.454	9.256	1.287	13,90%	52,44%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.426	8.956	1.147	12,81%	47,28%
2	Lợi nhuận khác	28	300	140	46,67%	500,00%

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 26,46% so với kế hoạch, giảm 15,62% so với 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm:

+ Chưa đạt so với kế hoạch do một số hoạt động sản phẩm công ích chủ đầu tư chỉ thanh toán sau khi nghiệm thu khối lượng; khối lượng của hoạt động xây dựng đã có nhưng chưa nghiệm thu, quyết toán nên chưa ghi nhận doanh thu.

+ Giảm so với cùng kỳ do tháng 4/2014 đơn vị nhận kinh phí vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt do Công ty Môi trường thành phố vấp bù của năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,89%, giảm 15,84% so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,72%, giảm 23,81% so với 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,39%, tăng 428,57% so với 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân tăng do thu tiền thanh lý 02 xe ép rác.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 27,33% kế hoạch, giảm 13,77% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân chi phí chưa đạt so với kế hoạch chủ yếu do chi phí giảm tương ứng doanh thu giảm; chưa trích lương hiệu quả vào chi phí.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,99%, giảm 12,26% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,66%, giảm 34,33% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,33%, giảm 24,82% so với 6 tháng đầu năm 2014;

+ Chi phí khác chiếm 0,02%, tăng so với 6 tháng đầu năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 96,59% tổng doanh thu, tổng chi phí trên tổng doanh thu 6 tháng đầu năm có xu hướng tăng so với cùng kỳ (2,19%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,01% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (10,9%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 13,9% kế hoạch, giảm 47,56% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu giảm như đã phân tích doanh thu.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.454	1.287	52,44%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.914	1.004	52,44%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	27.944	27.944	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	73.462	73.828	100,50%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	8,78%	4,61%	52,44%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,85%	3,59%	52,44%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,61%	1,36%	52,18%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,98 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 39.134 triệu đồng/19.737 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 0,86 lần (23.997 triệu đồng/27.944 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	72.888	65.955
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	40.654	39.134
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	32.234	26.821
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	55,78%	59,33%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44,22%	40,67%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	72.888	65.955
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	26.889	23.998
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	45.999	41.957
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,89%	36,39%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,11%	63,61%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (59,33%), chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền 21.398 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn 8.358 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp là $H = 1$ doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn (Điều 12 Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có.

- Công ty chưa được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án tái cơ cấu.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thảm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định Điều 20 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong 6 tháng đầu năm, Công ty có thanh lý nhượng bán 02 xe ép rác nguyên giá là 598 triệu đồng, giá trị còn lại là 0 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 8.440 triệu đồng (8.358 triệu đồng +82 triệu đồng), trong đó nợ phải thu khó đòi là 2.534 triệu đồng (Công ty Thành Phát 1.519 triệu đồng, công ty Thương Nghiệp Tổng hợp 800 triệu đồng, công ty Thành Phát Lộc 214 triệu đồng), đến 30/6/2015, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.320 triệu đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Công ty là 23.997 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số vốn huy động của Công ty là 3.818 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 3.818 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 3.818 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: mua mới 01 xe ép rác 10 tấn (đã mua năm 2014; năm 2015 công ty tiếp tục chi lệ phí đăng kiểm, nâng tổng giá trị tài sản 2.616 triệu đồng đã hoàn thành thủ tục chủ quyền xe và ghi tăng tài sản)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 2.616 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: quỹ đầu tư phát triển của Công ty

+ Thời gian hoàn thành: 2014

+ Tiến độ thực hiện: 2014

- Dự án 2: mua 02 xe ép rác 10 tấn, 01 xe tưới nước dung tích 5,5m³

+ Tổng mức vốn đầu tư: 8.358 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: quỹ đầu tư phát triển của Công ty (xe tưới nước); vay quỹ bảo vệ môi trường (xe ép rác, lãi suất 4,8%/năm, thời gian vay 5 năm)

+ Thời gian hoàn thành: 2020

+ Tiến độ thực hiện: 2015

- Dự án 3: xây dựng văn phòng làm việc và cửa hàng tiện ích

+ Tổng mức vốn đầu tư: 11.325 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: quỹ đầu tư phát triển của Công ty; nguồn vốn khấu hao cơ bản hàng năm và vay ngân hàng.

+ Thời gian hoàn thành: 2016

+ Tiến độ thực hiện: 2015

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế, không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH, 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho người lao động: bảo đảm an toàn lao động, thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 4.018 triệu đồng đạt 51,39% kế hoạch (4.018 triệu đồng/7.818 triệu đồng).

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.684 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Lợi nhuận của Công ty cuối năm sau khi trích lập các quỹ theo quy định không còn dư để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Công tác quét dọn, vệ sinh thu gom rác: sản lượng theo kế hoạch năm 327.584,00 m², đã thực hiện 158.518,00 m²; đạt tỷ lệ 48,39% so với kế hoạch và giảm 37,38% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác vận chuyển chất thải rắn: sản lượng theo kế hoạch năm 7.025.000,00 Tấn.Km, đã thực hiện 3.474.000,00Tấn.Km; đạt tỷ lệ 49,45% so với kế hoạch và vượt 5,71% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác duy tu, sửa chữa đường: sản lượng theo kế hoạch năm 18.739,00 m², đã thực hiện 9.369,00 m²; đạt tỷ lệ 50% so với kế hoạch và vượt 13,18% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác nạo vét lòng cống: sản lượng theo kế hoạch năm 49.462,00 m, đã thực hiện 24.731,00 m; đạt tỷ lệ 50,00% so với kế hoạch và vượt 22,36% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác nạo vét hầm ga và máng: sản lượng theo kế hoạch năm 3.346 cái, đã thực hiện 1.673 cái; đạt tỷ lệ 50,00% so với kế hoạch và vượt 12,89% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác chăm sóc cây xanh: sản lượng theo kế hoạch năm 37.564,88 m², đã thực hiện 18.782,44m², đạt tỷ lệ 50% so với kế hoạch và 100% so với cùng kỳ năm trước.

Các sản phẩm dịch vụ công ích nêu trên công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp triển khai thực hiện đúng tiến độ, chất lượng vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trên địa bàn quận.

Doanh thu thực hiện các sản phẩm dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2015: doanh thu theo kế hoạch năm 79.533,00 triệu đồng, đã thực hiện 24.941,00 triệu đồng đạt tỷ lệ 31,36% so với kế hoạch và giảm 23,75% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng công tác vệ sinh quét dọn giảm từ 420.000

triệu m², xuống còn 320.558 triệu m² (sản lượng tính lại theo quy định tại định mức ban hành kèm theo Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng giảm so với năm 2014).

Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm dịch vụ công ích trong 6 tháng đầu năm 2015: chi phí theo kế hoạch năm 70.000,000 triệu đồng, đã thực hiện 21.270,46 triệu đồng; đạt tỷ lệ 30,39% so với kế hoạch và giảm 30,49% so với cùng kỳ năm trước.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- 6 tháng đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân quận không nhận được các kiến nghị của UBND thành phố đối với Công ty. Do đó, Ủy ban quận ghi nhận theo báo cáo của Công ty: thực hiện đầy đủ các chỉ đạo và báo cáo đúng tiến độ.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

- Đối với kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2013 của công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Gò Vấp: Công ty đã thực hiện xong các kiến nghị của kiểm toán.

- Đối với kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2013 của quận Gò Vấp: Công ty chưa thực hiện nộp NSNN phần thu hồi kinh phí sản phẩm dịch vụ công ích do điều chỉnh giảm mức tiền lương từ năm 2012, 2013. Nguyên nhân: do Phòng Tài chính – Kế hoạch đang làm việc với Công ty về việc bổ sung công tác đặt hàng và thu hồi kinh phí sản phẩm dịch vụ công ích do điều chỉnh giảm mức tiền lương từ năm 2012 đến 2015.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Nguyên nhân: chủ yếu do doanh thu các hoạt động sản phẩm công ích chủ đầu tư chỉ thanh toán sau khi nghiệm thu khối lượng; khối lượng của hoạt động xây dựng đã có nhưng chưa nghiệm thu, quyết toán nên chưa ghi nhận doanh thu; dẫn đến lợi nhuận chưa hoàn thành kế hoạch.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HỌC MÔN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015 /Thực hiện 6 tháng năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện (6 tháng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	20.287	60.500	17.094	28,25%	84,26%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.284	60.500	17.090	28,25%	84,25%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3	0	4		133,33%
3	Thu nhập khác	0	0	0		
II	Tổng chi phí	15.159	57.890	15.949	27,55%	105,21%
1	Giá vốn hàng bán	15.069	50.200	12.772	25,44%	84,76%
2	Chi phí tài chính	90	0	63	0	70%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>90</i>	<i>0</i>	<i>63</i>	<i>0</i>	<i>70%</i>
3	Chi phí bán hàng		0	0		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.438	7.690	3.114	40,49%	90,58%
5	Chi phí khác		0			
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	74,72	95,68	93,30	-2,38%	1,63%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	<i>16,95</i>	<i>12,71</i>	<i>18,21</i>		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.690	2.610	1.146	43,91%	67,81%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.690	2.610	1.146	43,91%	67,81%
2	Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0

a. Chỉ tiêu doanh thu 6 tháng đầu năm 2015:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2015 là 17.094 triệu đồng, đạt 28,25% so với kế hoạch 2015, doanh thu cùng kỳ năm 2014 là 20.284 triệu đồng, so sánh đạt 84,26%, giảm 15,74%, tương đương giảm 3.193 triệu đồng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2015 là 17.090 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 99,98% trong tổng doanh thu, bằng với tỷ trọng doanh thu thực hiện cùng kỳ 6 tháng năm 2014. So với kế hoạch năm 2015 doanh thu bán

hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 28,25%, so với cùng kỳ năm 2014 đạt 84,25%, giảm 15,75%, tương đương giảm 3.194 triệu đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2015 là 4 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,02% trong tổng doanh thu, so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 đạt 70%, giảm 30% tương đương giảm 27 triệu đồng.

+ Thu nhập khác 6 tháng đầu năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 không phát sinh.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng năm 2015 là 15.949 triệu đồng, bằng 27,55% chi phí kế hoạch, so với thực hiện 6 tháng năm 2014 đạt 85,76%, giảm 14,24% , tương đương giảm 2.648 triệu đồng.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 12.772 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 80,08% trong tổng chi phí, so với kế hoạch năm 2015 đạt 25,44%, so với cùng kỳ năm 2014 đạt 84,76%, giảm 15,24%, tương đương giảm 2.297 triệu đồng;

+ Chi phí tài chính thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 63 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,4% so với tổng chi phí, so với cùng kỳ năm 2014 đạt 70%, giảm 30% so với thực hiện 6 tháng năm 2014, tương đương giảm 27 triệu đồng;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 3.114 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 19,52% trong tổng chi phí, so với kế hoạch đạt 40,49%, so với thực hiện 6 tháng năm 2014 bằng 90,58%, giảm 9,42%, tương đương giảm 324 triệu đồng;

+ Chi phí bán hàng , chi phí khác không phát sinh.

Như vậy, tổng chi phí 6 tháng năm 2015 chiếm 93,30% tổng doanh thu thực hiện, so với chi phí kế hoạch giảm 2,39%, thực hiện 6 tháng năm 2014 là 91,67%, so với cùng kỳ tăng 1,63%. Công ty chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng năm 2014, trong đó :

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 18,22% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với chi phí quản lý doanh nghiệp kế hoạch (CPQLDN KH/ doanh thu kế hoạch là 12,71%). Thực hiện 6 tháng năm 2014 là 16,94%, chi phí QLDN 6 tháng năm 2015 giảm 9,42%, tương đương giảm 324 triệu đồng.

+ Về tỷ trọng trên doanh thu thì chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 tăng bất tương ứng với doanh thu, nguyên nhân do Công ty không dự thầu được công trình có giá trị dưới 5 tỷ đồng, tuy nhiên phải thực hiện những khoản chi phí cố định như lương, khấu hao, chi phí hành chính khác cho hoạt động của bộ máy Công ty. Tỷ trọng này sẽ được cân đối vào thời điểm quyết toán tài chính cuối năm 2015 theo kế hoạch đã đề ra.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện 6 tháng đầu năm 2015:

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 1.146 triệu đồng, đạt 43,91% lợi nhuận kế hoạch năm, so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 đạt 67,81%, giảm 32,19%, tương đương giảm 544 triệu đồng. Nguyên nhân lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 đạt thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014 là do doanh thu giảm (15,75%) so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng năm 2015/ TH 6 tháng năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.690	1.146	67,81%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.318	894	67,83%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	6.438	6.690	103,91%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	40.239	43.532	108,18%
5	Tỷ suất LN thực hiện trên vốn CSH	%	26,25%	17,13%	65,26%
6	Tỷ suất LN sau thuế trên vốn CSH (ROE)	%	20,47%	13,36%	65,28%
7	Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,28%	2,05%	62,70%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng năm 2014 do doanh thu và lợi nhuận giảm.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,36 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 39.711 triệu đồng/29.304 triệu đồng).

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 2,33 lần (TSNH – MS 100-BCĐKT / Vốn CSH MS 400-BCĐKT= 30.465/13.067) nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	40.239	43.532
1	Tài sản ngắn hạn(MS 100-BCĐKT)	Triệu đồng	37.742	39.711
2	Tài sản dài hạn(MS 200- BCĐKT)	Triệu đồng	2.497	3.821
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,79%	91,22%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,21%	8,78%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	40.239	43.532

1	Nợ phải trả(MS 300-BCĐKT)	Triệu đồng	27.322	30.465
2	Vốn chủ sở hữu(MS 400-BCĐKT)	Triệu đồng	12.918	13.067
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,90%	69,98
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,10%	30,02%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn (MS 100-BCĐKT) chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (91,22%), chủ yếu là khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng 16.043 triệu đồng, khoản mục Hàng tồn kho 18.072 triệu đồng, khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền 2.594 triệu đồng, khoản mục Tài sản ngắn hạn khác 2.323 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định, không biến động nhiều so với 6 tháng năm 2014, giảm 2,57%.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả (MS 300-BCĐKT) tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, tăng 3.143 triệu đồng, chủ yếu tăng tại các khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng 863 triệu đồng, khoản mục Hàng tồn kho 1.046 triệu đồng, khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền 2.658 triệu đồng. Tổng nợ phải trả chiếm tỷ lệ tương đối cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (69,98%), tăng so với cùng kỳ năm 2014 (2,08%).

+ Tổng vốn chủ sở hữu (MS 400-BCĐKT) tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận chưa phân phối tăng, chiếm tỷ lệ tương đối thấp trong tổng nguồn vốn của DN (30,02%).

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 30/6/2015 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp không có số liệu đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, chỉ tập trung ngành nghề chính theo chức năng được giao, không đầu tư mua cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp khác, không góp vốn, đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác, không đầu tư vào ngành nghề khác. Nguồn vốn của Công ty được sử dụng chủ yếu cho hoạt động công ích và thi công các công trình có vốn từ ngân sách trên địa bàn huyện.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Do không đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nên không phát sinh lợi nhuận, cổ tức được chia.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Do không đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nên không phát sinh tình hình tăng giảm vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thâm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định hiện hành. Việc mua sắm tài sản cố định, phương tiện vận chuyển rác Công ty thực hiện đúng quy định theo Luật Đấu thầu và Điều lệ Công ty.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không thanh lý hoặc nhượng bán tài sản cố định nào, đối với các phương tiện vận chuyển (xe ép rác) đã hết trích khấu hao vẫn được tiếp tục sử dụng và sử dụng có hiệu quả, Công ty cũng đã có kế hoạch mua sắm mới nhằm tăng cường năng lực cho hoạt động vệ sinh môi trường và thay thế một số phương tiện cũ hết niên hạn lưu thông .

- Quản lý công nợ phải thu:

Thực hiện Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ, Công ty có xây dựng Quy chế quản lý nợ phải thu – nợ phải trả, theo dõi và có giải pháp để giải quyết công nợ phải thu phải trả theo quy định. Số liệu nợ phải thu, phải trả đến 30/6/2015 như sau :

+ Nợ phải thu ngắn hạn cuối kỳ là: 16.657 triệu đồng, số đầu kỳ là 27.209 triệu đồng, giảm 38,78% tương ứng giảm 10.552 triệu đồng. Trong đó, nợ phải thu khách hàng cuối kỳ là 16.043 triệu đồng, so với đầu kỳ giảm 37,8% tương đương giảm 9.754 triệu đồng. Nguyên nhân giảm do thu được nợ cũ.

Công ty đã thực hiện các biện pháp để giải quyết hồ sơ quyết toán công trình tồn đọng, thường xuyên rà soát số liệu công nợ phải thu, lập danh mục các công trình chưa thẩm tra và phê duyệt quyết toán; Rà soát tiến độ hồ sơ từng công trình, tìm nguyên nhân chủ quan, khách quan của việc chậm trễ, đăng ký xin lịch làm việc với Chủ đầu tư và các Phòng ban chức năng để có giải pháp giải quyết từng hồ sơ. Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2015, tháo gỡ vướng mắc trình phê duyệt quyết toán được 5/56 công trình tồn đọng các năm trước chuyển sang, tiến độ giải quyết chậm hơn so với năm 2014 công trình, đồng thời thu hồi được công nợ từ các công trình tồn đọng đã được phê duyệt quyết toán.

Khách nợ của công ty chủ yếu là các Chủ đầu tư như: Ban QLĐT XD công trình huyện, Ban QLXD nông thôn mới các xã, thị trấn ..., công nợ phải thu thuộc vốn ngân sách nên đảm bảo được việc thanh toán, không có nợ khó đòi hoặc nợ không thu hồi được nên Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

+ Nợ phải trả cuối kỳ là: 30.465 triệu đồng, so với đầu kỳ giảm 10,49% tương ứng giảm 3.571 triệu đồng. Trong đó: nợ ngắn hạn là 29.304 triệu đồng, giảm so với đầu kỳ là 11%, tương đương giảm 3.632 triệu đồng. Nguyên nhân giảm do giảm khoản nợ vay ngân hàng, giảm một số khoản phải trả cho người bán, giảm khoản thuế phải nộp đầu năm vì đã nộp, giảm khoản phải trả người lao động và chi phí phải trả khác.

* Phải trả cho người bán cuối kỳ là: 19.670 triệu đồng, giảm so với đầu kỳ là 3% tương đương giảm 548 triệu đồng. Nợ phải trả người bán giảm ít nguyên nhân do phần lớn tùy thuộc vào tiến độ giải quyết vướng mắc các hồ sơ quyết toán công trình xây dựng với Chủ đầu tư và cơ quan quản lý vốn ngân sách. Các công trình vốn ngân sách do Công ty hoàn thành bàn giao đã nhiều năm (từ năm 2002, 2003..) nhưng tiến độ kiểm tra, thẩm định hồ sơ trình phê duyệt quyết toán còn chậm.

- Xem xét tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu bình quân 6 tháng đầu năm 2015: Nợ phải trả là 30.465 triệu đồng, vốn chủ sở hữu (MS 410 – BCĐKT) là 13.067 triệu đồng. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 2,33 lần (quy định cho phép hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 3 lần). Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Hạn mức tín dụng được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hóc Môn chấp thuận là 5.500 triệu đồng. Số dư nợ ngân hàng đến 30/6/2015 là 0 đồng (số dư nợ đầu kỳ: 4.360 triệu đồng). Vốn vay trong 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu sử dụng ứng thi công công trình và chi phí cho hoạt động vệ sinh môi trường.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- **Dự án 1:** Mua sắm thiết bị xe ô tô ép rác thể tích thùng ép 20 m³ (tăng năng lực vận chuyển rác) – (Nghị quyết 11/NQ-HĐTV ngày 10/4/2015)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.100 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn kinh doanh của Công ty, vốn vay ngân hàng.

+ Thời gian hoàn thành: Quý III/2015

+ Tiến độ thực hiện: Từ 01/5/2015 đến 30/9/2015.

- **Dự án 2:** Mua sắm thiết bị xe ô tô ép rác thể tích thùng ép 20 m³ (thay thế phương tiện vận chuyển đã hết niên hạn sử dụng) – (Nghị quyết 25/NQ-HĐTV ngày 4/8/2015)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.100 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn kinh doanh của Công ty, vay ngân hàng, vay Quỹ bảo vệ môi trường TP Hồ Chí Minh

+ Thời gian hoàn thành: Quý IV/2015

+ Tiến độ thực hiện: Từ 01/9/2015 đến 31/12/2015.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty nhận các văn bản của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh về tình hình thuế như sau :

+ Thông báo 2619/TB-CT ngày 2/4/2015 về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế đến ngày 2/4/2015.

+ Kết luận 481/KL-CT ngày 25/4/2015 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh về tình hình kiểm tra thuế 2013 tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Hóc Môn kèm Biên bản kiểm tra số 65/CT-KTT3 ngày 25/4/2015 của Đoàn Kiểm tra thuộc Phòng Kiểm tra 3 – Cục Thuế TP.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuế, nộp ngân sách đầy đủ, không có quyết định xử lý thuế cũng như không bị phạt vi phạm hành chính.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý như sau :

*** Tình hình chi trả tiền lương cho người lao động :**

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân 6 tháng đầu năm 2015: 198 người.

+ Số LĐ thực tế sử dụng bình quân có tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 100 người.

+ Số lao động thực tế sử dụng bình quân không tham gia BHXH, BHYT, BHTN hầu hết là công nhân thuê ngoài : 98 người.

- Quỹ tiền lương NLD kế hoạch năm 2015 là: 18.449,41 triệu đồng.

Đã trả trong 6 tháng năm 2015 là 6.543 triệu đồng. Trong đó bao gồm Quỹ tiền lương của lao động thực tế có tham gia BHXH, BHYT, BHTN và của lao động thực tế bình quân không tham gia BHXH, BHYT, BHTN

- Công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP, Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH. Theo Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015, Công ty đã thành lập Hội đồng có nhiệm vụ lập kế hoạch và xây dựng thang lương, bảng lương. Trong khi chờ Hội đồng xem xét, Công ty tạm thời vẫn thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

* Tình hình chi trả tiền lương cho viên chức quản lý

- Số viên chức quản lý chuyên trách thực tế bình quân năm 2015 là 7 người

- Công ty xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của VCQL theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH đối với công ty hạng III. Quỹ tiền lương kế hoạch của VCQL 2015 là 2.012,16 triệu đồng.

- QTL kế hoạch VCQL chuyên trách 6 tháng 2015 là: 989,50 triệu đồng

- QTL đã chi VCQL chuyên trách 6 tháng đầu 2015 là: 616,60 triệu đồng

- Quỹ tiền lương còn trả VCQL chuyên trách 2014 là: 372,90 triệu đồng

Công ty thực hiện đúng các quy định về tiền lương và theo các văn bản qui định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Kế hoạch nộp ngân sách năm 2015 là 2.896 triệu đồng, phát sinh phải nộp 6 tháng đầu năm 2015 là 825,97 triệu đồng đạt 28,52% kế hoạch năm, đã nộp 6 tháng đầu năm 2015 là 614,80 triệu đồng, so với phát sinh phải nộp đạt 74,43%. Đồng thời Công ty đã nộp đủ cho ngân sách số thuế 2014 còn được gia hạn sang đầu năm 2015 là 1.558,41 triệu đồng. Công ty thực hiện đúng các quy định về thuế hiện hành, thực hiện tự khai tự nộp theo Luật Quản lý thuế và các quy định có liên quan.

- Số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 là 704 triệu đồng, so sánh với cùng kỳ năm trước tăng 17,33%, tương đương tăng 122 triệu đồng. Doanh thu giảm, lợi nhuận giảm nhưng nộp ngân sách tăng trong đó nguyên nhân chính do khối lượng công trình hoàn thành 2014 chuyển tiếp được xác nhận quyết toán trong 6 tháng đầu năm 2015 làm tăng khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp là 169,70% (tương đương tăng 230 triệu đồng). Thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2015 giảm 32,17% , tương đương giảm 119 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2014 do lợi nhuận giảm.

Đến 30/6/2015, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 211 triệu đồng chưa đến hạn nộp. Đến đầu Quý III/2015, Công ty đã nộp đầy đủ vào ngân sách.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Công ty không phát sinh số liệu về tình hình quản lý cũng như sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp do không thuộc đối tượng được phân bổ.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

*** Hoạt động quét thu gom rác đường phố:**

- Diện tích quét rác đường phố trên địa bàn huyện Hóc Môn kế hoạch năm 2015 là 241.378 m²/đêm, kế hoạch cả năm là 87.620.214 m²/năm

- Diện tích thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là : 43.810.107 m²/6 tháng, đạt 50% so với kế hoạch. So với thực hiện cùng kỳ năm 2014 giảm 13,17%, nguyên nhân do thay đổi cách tính diện tích quét mặt đường và lề đường.

- Doanh thu thu gom rác kế hoạch năm 2015 là 10.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 5.540,32 triệu đồng, đạt 55,4% kế hoạch năm. So với cùng kỳ năm 2014 tăng 134,41% **tương đương tăng 3.176,77 triệu đồng, nguyên nhân tăng do được cấp bù đơn giá quét năm 2011.**

*** Hoạt động vận chuyển rác sinh hoạt :**

- Năm 2015, sản lượng kế hoạch vận chuyển rác là 99.000 tấn tương đương 3.643.200 tấn/km, thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 51.523 tấn tương đương 1.899.763 tấn/km, so với kế hoạch đạt 52,15%. So với thực hiện cùng kỳ năm 2014 tăng 21,60%, tăng tương đương 337.417 tấn/km. Nguyên nhân tăng do lượng rác thải tăng theo số dân cư tăng.

- Doanh thu vận chuyển rác kế hoạch năm 2015 là 13.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 6.931,63 triệu đồng, đạt 53,32% kế hoạch. So với cùng kỳ năm trước tăng 23,22%, tương đương tăng 1.306,25 triệu đồng, nguyên nhân tăng do lượng rác thải tăng.

*** Hoạt động thu gom rác y tế :**

- Thực hiện thu gom 6 tháng đầu năm 25.490 kg rác y tế trên địa bàn huyện đến phòng lưu rác y tế của Bệnh viện đa khoa Hóc Môn để Công ty Môi trường đô thị thành phố vận chuyển tiêu huỷ theo quy định so với kế hoạch năm đạt 50,98%. Khối lượng thực hiện so với cùng kỳ năm 2014 giảm 3,48%. Tỷ lệ tăng giảm so với kế hoạch và so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 không đáng kể, nguyên nhân do lượng rác y tế từ các cơ sở y tế tư nhân tương đối ổn định, ít tăng giảm đột biến.

- Doanh số thu gom rác y tế kế hoạch năm 2015 là 120 triệu đồng, so với kế hoạch thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 55,11% so với cùng kỳ năm 2014 đạt 98,1%, giá trị tương đương tăng ít. Nguyên nhân do đơn giá thu gom rác y tế không thay đổi so với năm trước.

* Hoạt động vớt rác kênh rạch :

- Diện tích vớt rác kênh rạch Hóc Môn là: 6.600 m²/tuần (tương ứng với 171.600 m²/6 tháng), so với kế hoạch năm 2015 thực hiện đạt 50% và so với thực hiện cùng kỳ năm 2014 đạt 100%.

- Doanh thu kế hoạch năm 2015 là 16 triệu đồng. 6 tháng đầu năm được nhận thanh toán Quý I là 3,7 triệu đồng nên doanh thu mới đạt 23,13% so với kế hoạch và bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

* Hoạt động chăm sóc cây xanh :

- Kế hoạch doanh số hoạt động chăm sóc cây xanh năm 2015 là 150 triệu đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 67,9 triệu đồng, đạt 45,26%.

Cùng kỳ năm trước chưa phát sinh mảng hoạt động này nên không so sánh.

* Hoạt động thi công duy tu sửa chữa công trình giao thông nông thôn, phòng chống lụt bão, công trình công cộng thuộc vốn ngân sách :

- Giá trị sản lượng hoạt động thi công các công trình thuộc vốn ngân sách bao gồm duy tu, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn, phòng chống lụt bão, XDSC công trình công cộng, giá trị sản lượng kế hoạch năm 2015 là 40.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 là 22.552 triệu đồng, so với kế hoạch năm 2015 đạt tỷ lệ 56,38%. So với cùng kỳ năm 2014 giảm 11,17%, tương đương giảm 2.836 triệu đồng.

- Doanh thu kế hoạch hoạt động thi công các công trình xây dựng cơ bản năm 2015 là 37.350 triệu đồng, so với kế hoạch chỉ mới thực hiện 12% (4.480,74 triệu đồng), so với cùng kỳ năm 2014 giảm 63,35%, tương đương giảm 7.743,96 triệu đồng. Giảm do chỉ thực hiện công trình chuyên tiếp từ 2014, không dự thầu được công trình mới, mặt khác khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 quyết toán chậm nên giá trị doanh thu thấp.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a – Thực hiện chỉ đạo của Chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân thành phố):

Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Chủ sở hữu trong việc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo định kỳ, báo cáo tiết kiệm, và các báo cáo không thường xuyên khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

b – Chấp hành các quy định của cơ quan thuế về chính sách thuế:

- Công ty thực hiện đúng các quy định về thuế hiện hành, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách, chưa bị xử phạt hành chính về thuế.

c – Chấp hành các quy định của Sở TNMT về AT VSMT và xử lý chất thải:

- Công ty thực hiện đúng các quy trình về an toàn vệ sinh môi trường, nhân viên thực hiện nhiệm vụ được tham gia lớp tập huấn, được nghe và tham khảo đầy đủ các tài liệu có liên quan. 6 tháng đầu năm 2015 không bị xử phạt hành chính về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

d – Chấp hành các quy định của Sở LĐTBXH và Phòng LĐTBXH về chính sách tiền lương:

- Công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP và TT 18/2013/TT-BLĐTBXH. Theo Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015, Công ty đã thành lập Hội đồng có nhiệm vụ lập kế hoạch xây dựng thang lương, bảng lương. Trong khi chờ Hội đồng xem xét, Công ty tạm thời vẫn thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Công ty thực hiện đúng các quy định về tiền lương cho người lao động và viên chức quản lý theo các văn bản chỉ đạo.

e – Thực hiện các chỉ đạo khác của Ủy ban nhân dân thành phố và huyện:

* Quản lý cho thuê mặt bằng công sản 6 tháng đầu năm 2015 :

+ Số tiền phải thu	:	1.003.636.392 đồng.
+ Số đã thu từ tháng 01 – 06/2015	:	732.545.469 đồng.
+ Số còn phải thu từ tháng 01 – 06/2015	:	271.090.923 đồng
+ Số đã nộp(UNC 165 ngày 3/7/2015)	:	468.227.283 đồng.

Về quản lý cho thuê: Đa số các mặt bằng có thời gian cho thuê đã lâu (Công ty nhận chuyển tiếp từ UBND các xã và Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện), người sử dụng đã tự đầu tư sửa chữa hoặc xây dựng để sử dụng do đó việc đấu giá thuê khó thực hiện. Hàng năm, căn cứ bảng giá cho thuê theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, tùy theo vị trí Công ty đều có thỏa thuận để điều chỉnh giá cho thuê.

* Về việc bán mặt bằng công sản: Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện .

* Về thủ tục thuê đất và nộp tiền thuê đất :

+ Đối với 05 tài sản do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao Công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 8/5/2010, Công ty đang liên hệ với Sở Tài nguyên – Môi trường làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất.

+ Về thuế đất hàng năm: Công ty đã nộp đầy đủ cho Chi cục Thuế huyện.

f- Thực hiện theo kết quả kiểm toán nhà nước 2012 về công tác thu nợ mặt bằng công sản:

+ Số phải thu theo kết quả KTNN đến 31/12/2012	:	603.272.732 đồng
+ Số đã thu đến 30/6/2015	:	371.545.453 đồng
+ Số được giảm theo CV số 1035/TC-KH ngày 18/9/2014	:	33.545.457 đồng
+ Số còn phải thu	:	198.181.822 đồng
+ Số đã nộp đến 30/6/2015	:	371.545.453 đồng

Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo việc thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước năm 2012 về công tác theo dõi và thu hồi công nợ mặt bằng công sản theo yêu cầu của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Hóc Môn, kết luận và đánh giá hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 theo hướng dẫn tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về một số chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận so với thực hiện 6 tháng năm 2014

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Nguyên nhân chính làm cho Công ty không đạt 50% kế hoạch 2015 do đối với mảng thi công công trình, Công ty chỉ thực hiện những công trình chuyển tiếp từ năm 2014, giá trị sản lượng thực hiện 6 tháng đầu năm khoảng 22.000 triệu đồng tuy nhiên doanh số đạt thấp do có một số công trình chưa được nghiệm thu và thanh toán khối lượng; mặt khác các công trình có giá trị dưới 5 tỷ đồng do có vướng mắc tại Nghị định 63/CP nên công ty không tham dự đấu thầu được; đối với mảng vệ sinh môi trường, khối lượng vận chuyển rác cũng chỉ xác nhận đến tháng 4/2015.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2014	Năm 2015		Thực hiện năm 2015/ kế hoạch 2015	Biến động so với cùng kỳ năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	48.008	105.810	32.883	31,08	68,49
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.882	105.810	32.727	30,93	68,35
2	Doanh thu hoạt động tài chính	44	-	51		115,91
3	Thu nhập khác	82	-	105		128,05
II	Tổng chi phí	45.948	102.828	31.316	30,45	68,16
1	Giá vốn hàng bán	43.106		27.572		63,96
2	Chi phí tài chính	34	-	-		
	Trong đó, lãi vay	34		-		
3	Chi phí bán hàng	-	-	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.805		3.734		133,12
5	Chi phí khác	3	-	10		3,33
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95,71	97,18	95,23	98	99,5
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	5,84		11,36		194,52

IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.060	2.982	1.567	52,55	76,07
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.981		1.472		74,31
2	Lợi nhuận khác	79	-	95		120,25

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 30,93% so với kế hoạch, giảm 31,51 % so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,53%, giảm 31,65% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,16%, tăng 15,91% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,31% (thanh lý 01 xe rác), tăng 28,05% so với cùng kỳ năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 30,45% kế hoạch, giảm 31,84% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 88,04%, giảm 36,04% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân giảm là do doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản giảm làm cho giá vốn hàng bán giảm tương ứng.

+ Chi phí tài chính: không có. (có phát sinh chi phí lãi vay của hoạt động thuê tài chính và hoạt động xây dựng cơ bản nhưng đã được hạch toán thẳng vào giá vốn của từng bộ phận)

+ Chi phí bán hàng chiếm 0%, tăng/giảm 0% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,92% tổng chi phí, tăng 33,12% so với cùng kỳ năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 0,04%, tăng 333% so với cùng kỳ năm 2014.

- Tổng chi phí năm 2015 chiếm 95,23% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (0,5%). Doanh nghiệp có tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,36% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2014 (94,62%). Nguyên nhân là do có trích trước nửa tháng lương của CB.CNV và tiền

thuê đất của mặt bằng công ty tăng đột biến từ 15 triệu đồng lên 322 triệu đồng/năm làm chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp đạt 52,55% kế hoạch, giảm 23,93% so với cùng kỳ năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.060	1.567	76,07
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.609	1.222	76,95
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	13.747	14.419	104,89
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	227.557	240.788	105,81
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	14,99	10,87	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,70	8,47	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,71	0,51	

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,45 lần (=tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 228.576/157.349) so với cùng kỳ năm trước là 1,46 lần (217.645/149.242) và giảm không đáng kể

⇒ Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm

30/6/2015 là 15,59 cao hơn so với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. nhưng chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm của các dự án tái định cư.

Tổng hệ số nợ phải trả cao là do trong đó đơn vị có khoản tiền ứng trước là 191.757 triệu đồng, gồm tiền ứng trước của các dự án là 181.652 triệu đồng và khoản tiền ứng trước thi công các công trình của ngân sách là 10.105 triệu đồng.

Thuyết minh:

Các khoản tiền ứng trước của các dự án là 181.652 triệu đồng gồm doanh thu nhận trước của dự án 28 ha là 66.516 triệu đồng, khoản ứng trước của dự án 71.132 triệu đồng và các khoản phải trả phải nộp theo dự án là 44.004 triệu đồng, Trong đó:

+ Doanh thu nhận trước của dự án 28 ha 66.516 triệu đồng gồm: Công ty đầu tư Tân Thuận là 8.400 triệu đồng, Công ty CP Chợ Lớn 19.488 triệu đồng; Công ty Bắc Trung Nam 20.620 triệu đồng và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng 18.008 triệu đồng.

+ Các khoản ứng trước của dự án 71.132 triệu đồng, trong đó thu tiền theo tiến độ dự án 28 ha của Ban bồi thường là 70.899 triệu đồng và trụ sở BHXH là 233 triệu đồng.

+ Các khoản phải trả phải nộp theo của dự án 28 ha là 44.004 triệu đồng gồm: Công ty CP Chợ Lớn 10.621 triệu đồng, Ngân hàng NB 23.388 triệu đồng; Liên đoàn LĐ Huyện 4.270 triệu đồng; đường dây điện Ô-Môn 2.787 triệu đồng và trung tâm hành chính Huyện là 2.938 triệu đồng.

Như vậy, sau khi loại trừ các khoản tiền ứng trước là 191.757 triệu đồng, nợ phải trả còn lại là 33.016 triệu đồng. Vậy hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 2,29 lần (33.016/14.419).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp với 94,93%.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp với 93,35%.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp $H = 1,05$, doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 30/6/2015, tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác: không có phát sinh.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 19.068 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 338 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 338 triệu đồng.

Nợ khó đòi của Công ty Hiệp Long, thực hiện công trình nhà ăn, nhà xử lý rác 338 triệu đồng. Doanh nghiệp đã hoàn tất hồ sơ công trình để khởi kiện ra tòa.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 224.773 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 157.349 triệu đồng, nợ dài hạn là 67.424 triệu đồng.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 30/6/2015, việc thu góp vốn của đối tác liên doanh để đầu tư vào dự án 28 ha Nhơn Đức không có phát sinh.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, không có phát sinh đầu tư tài sản cố định.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: chấp hành tốt.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương: chấp hành tốt

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 3.373 triệu đồng, đạt 58,29% (3.373/5.787) so với kế hoạch được giao, tăng 1.341 triệu đồng so cùng kỳ năm trước (3.373-2.032) tương đương 65,99%.

- Nguyên nhân tăng là:

+ Thuế GTGT tăng do phát sinh tạm nộp 10% thuế GTGT thu tiền theo tiến độ bán đất khu 28ha.

+ Phát sinh thuế TNDN do có phát sinh tạm nộp 1% thuế TNDN thu tiền theo tiến độ bán đất khu 28ha.

+ Tiền thuê đất năm 2015 tăng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có phát sinh

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong 6 tháng đầu năm 2015 khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện đều đạt từ 44% so với kế hoạch năm đã đề ra.

- Thu gom rác đường phố: khối lượng thực hiện là 58.796.583 m², đạt 50% kế hoạch (58796.583/117.600.000).

- Chăm sóc cây xanh: khối lượng thực hiện là 207,5ha, đạt 50% kế hoạch (207,5/415).

- Vận chuyển nước sạch: khối lượng thực hiện là 7.805 m³, đạt 52% kế hoạch (7.805/15.000).

- Vận chuyển rác: khối lượng thực hiện là 8.815 tấn/km, đạt 44% kế hoạch (8.815/19.858).

- Nạo vét hố ga: chưa thực hiện.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 7.675 triệu đồng (36,3% kế hoạch), ứng với tổng chi phí là 7.445 triệu đồng (36,49% kế hoạch).

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
Của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/ Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	16.394	32.975	16.378	49,67%	99,90%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.087	2.323	1.162	50,02%	106,90%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	15.307	30.652	15.215	49,64%	99,40%
3	Thu nhập khác			1		
II	Tổng chi phí	6.825	16.330	5.643	34,56%	82,68%
1	Chi phí hoạt động	351		(2.076)		-591,45%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.492		7.719		118,90%
3	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	41,65%	49,52%	34,45%	69,57%	82,73%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	39,50%		47,13%		119,30%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.549	16.645	10.735	64,49%	112,42%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.563	16.645	10.734	64,49%	112,42%
2	Lợi nhuận khác			1		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 49,67% so với kế hoạch, giảm 0,1% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 7,09% tổng doanh thu, tăng 6,9% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 92,90%, giảm 0,6% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,01% tổng doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 bằng 34,56% so với kế hoạch, giảm 17,32% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí hoạt động thực hiện là -2.076 triệu đồng là do khoản hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro cho vay Quỹ quay vòng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 41,67% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014;

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 34,45% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (41,65%).

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 47,13% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (39,59%). Quỹ chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Quỹ đạt 64,49% so với kế hoạch, tăng 12,42% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

2. Tình hình tài chính của Quỹ:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH 6 tháng đầu năm 2015/ TH 6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.549	10.735	112,42%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.449	8.374	112,42%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	834.779	929.290	111,32%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.041.653	1.146.975	110,11%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,15%	1,16%	100,46%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,89%	0,90%	101,25%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,72%	0,73%	101,40%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015 Quỹ có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Quỹ là 1,35 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 306.162 triệu đồng/ 227.446 triệu đồng). Theo đó, Quỹ đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm 30/6/2015 là 0,23 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.098.272	1.212.363
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	289.633	306.162
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	808.639	906.201
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	26,37%	25,25%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	73,63%	74,75%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.098.272	1.212.363
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	204.073	227.861
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	894.199	984.502
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,58%	18,79%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81,42%	81,21%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Quỹ, chủ yếu là khoản mục "Các khoản phải thu dài hạn": 568.634 triệu đồng.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn 6 tháng đầu năm 2015 của Quỹ là $H = 1,1$, Quỹ bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Quỹ là 662.975 triệu đồng, không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Quỹ là 227.861 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố đã tiến hành kiểm tra tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố. Quỹ không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Quỹ Phát triển nhà ở thành phố không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Quỹ có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 là 2.758 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp 2.362 triệu đồng.

Đến cuối 6 tháng đầu năm 2015, Quỹ còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.262 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu đạt 49,67% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 64,49% so với kế hoạch. Quỹ đã tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại Quỹ: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG
CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015

Của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	Năm 2015		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Kế hoạch 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015/Thực hiện 6 tháng đầu 2014
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.385	13.740	3.599	26,19%	42,92%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.385	13.740	3.586	26,10%	42,77%
2	Doanh thu hoạt động tài chính					
3	Thu nhập khác			13		
II	Tổng chi phí	3.509	7.937	2.337	29,44%	66,60%
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.509	7.937	2.337	29,44%	66,60%
2	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	41,85%		64,93%		155,15%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	41,85%		64,93%		155,15%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.876	5.803	1.262	21,75%	25,88%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.876	5.803	1.249	21,52%	25,61%
2	Lợi nhuận khác			13		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 26,19% so với kế hoạch, giảm 57,08% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Vì trong 6 tháng đầu năm 2015, lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm so với 6 tháng đầu năm 2014 nên

doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng giảm (doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu); Ngoài ra, doanh thu bảo lãnh giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,64% tổng doanh thu, giảm 0,36% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,36% tổng doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2015 đạt 29,44% kế hoạch, giảm 33,40% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 100% tổng chi phí, không thay đổi so với thực hiện năm 2014.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 64,93% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 (41,85%). Quỹ chưa tiết giảm được chi phí so với 6 tháng đầu năm 2014.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Quỹ đạt 21,75% kế hoạch, giảm 74,12% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2014. Vì trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng giảm (do lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm).

2. Tình hình tài chính của Quỹ:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.876	1.262	25,88%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.789	1.014	26,76%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	258.079	263.793	102,21%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	301.347	299.927	99,53%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,89%	0,48%	25,32%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	1,47%	0,38%	26,18%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,26%	0,34%	26,88%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2015, Quỹ có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng đầu năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/6/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Quỹ là 11,55 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 236.065 triệu đồng/ 20.436 triệu đồng). Theo đó, Quỹ đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm 30/6/2015 là 0,08 lần.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	303.213	300.168
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	231.465	236.065
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	71.748	64.104
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,34%	78,64%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,66%	31,35%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	280.491	300.168
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	22.412	20.532
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	258.079	263.794
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,39%	6,84%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	85,11%	87,88%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Quỹ, chủ yếu là khoản mục “ Các khoản tương đương tiền ” 231.550 triệu đồng.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2015 giảm 8,39 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (6,84%) trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2015 tăng 2,21% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (87,88%) trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2015 của Quỹ là $H = 1,00$ Quỹ bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Quản lý tài sản:

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng số nợ phải thu của Quỹ là 38.121 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 34.668 triệu đồng, Quỹ đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 7.444 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 30/6/2015, tổng nợ phải trả của Quỹ là 20.532 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Cục Thuế thành phố chưa tiến hành kiểm tra tại Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quỹ không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 06 tháng đầu năm 2015, Quỹ không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương. Tuy nhiên, đến 30 tháng 6 năm 2015, Quỹ chưa gửi Quy chế trả thù lao, quy chế thưởng đối với viên chức quản lý cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để có ý kiến.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Quỹ có số phát sinh phải nộp ngân sách là 255 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đến 30/6/2015, Quỹ không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu đạt 26,19% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 21,75% kế hoạch. Quỹ không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương và thuế. Quỹ có khoản nợ khó đòi là 34.668 triệu đồng, Quỹ đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 7.444 triệu đồng.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính